

1765



44



200 năm Nguyễn - Du (1765 - 1965)





TẬP-SAN VÂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỢNG NGHỆ-TI-ĐẠI

HÀM THƠ HAI • SỐ 44 • RA NGÀY 15 THÁNG X NĂM 1966

đọc trong số này :

• 200 NĂM SANH NGUYỄN-DU

- | | | |
|----|---|------------------|
| 4 | lên khế đơn trường tân thanh tự | giản-chi |
| 9 | bài "Cổn-sđ" của lý thương Ân | bưu-cầm |
| | và cuộc đời Thùv Kiều | & lo-quang-phối |
| 15 | còn có một bản hiện chú Truyền Kiều | lô-ngọc-trụ |
| 25 | nghe thuật như một chiến thắng | đông-hôn |
| 43 | lữ Hối và cuộc phiêu lưu của đời chàng - II | đương nghiễm mầu |
| 61 | nghe về thế ước trong Truyền Kiều | đồng-hồ |

• LỤC BÁT BÂY GIỜ

69. bài gióng — 70. cung trâm tường — 71. đình gióng — 72. hoàng anh tuấn — 73. hoàng bảo việt — 74. hoai khanh — 75. hoàng trác lý — 76. hâu phương — 77. huy lực — 77. kim tuấn — 78. mai thảo — 79. nguyên đình toản — 80. duy năng — 81. tô thủy vân — 82. thổ viễn — 83. trồn đạo tử — 84. trồn tuấn biệi — 85. trồn thủy nhô ca — 86. viễn linh

• SÁNG TÁC VÀ SINH HOẠT

- | | | |
|------|---------------------------------|---------------------------|
| 97. | nhật vi sao tung | trần thanh phong |
| | Le Corbusier không còn nữa | andré malraux & động tiền |
| 111. | đọc sách mới | nguyên mạnh-công |
| 118 | thư gửi chó nhiệm hảo Văn | vũ hồng chương |
| 118 | thư trả lời ông Vũ Hoàng Chương | nguyên-dinh vương |

• TRANH HUA-XUYẾN THƯNG, THUẬT TẬP-SAN-SÁNG-SỐ KỶ NIỆM NGUYỄN-DU (1866-1966)

VĂN

Sáng-sơn và Trí-sư

Chánh chủ: Lưu-phước
Biên tập: Văn vương

ở 38, Phạm Ngọc Loan, Saigon
Điện thoại: 73306

Thư 10, bài vở, ăn phẩm
TRẦN P

Hội ban do thành lập do GIỚI TÌNH — ngày 4-12-63
to tại nhà in trong và tên VĂN Quận 5 Nguyễn-dinh



GIẢN - CHI

«tân khắc đoạn trường tân thanh tự»

Ba bài tựa quyền ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH được nhiều người tán thưởng và còn lưu truyền đến nay là :

- Bài của TIÊN-PHONG, MỘNG-LIÊN-ĐƯỜNG Chủ-nhân ;
- Bài của PHONG-TUYẾT Chủ-nhân, THẬP-THANH-THỊ ;
- Bài của Nhị-giúp Tiến-sĩ CẦN-GIANG ĐÀO-NGUYỄN-PHỒ.

Cả ba bài đều viết bằng chữ Hán, hai bài trên vào thời MINH-MẠNG, bài thứ ba vào thời THÀNH THÁI, nhân dịp khắc lại quyền ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH.

Hai bài trên đã được nhà học giả LÊ-THẦN TRẦN-TRỌNG KIM dịch nghĩa cho in vào đầu cuốn « Truyện THÚY-KIỀU » do họ Trần cùng biên khảo với cụ phó-bảng ƯU-THIÊN BÙI-KỶ.

Bài thứ ba chưa được phổ biến lắm. Bản dịch bài này của ông ĐÀO-DUY-ANH đã được cụ VI-ĐÃ ỨNG-DỰ lục đăng với phần chữ Hán vào đầu cuốn « Kim Vân Kiều đại toàn, chú thích, dẫn giải, đính chính » xuất bản năm 1960. Tiếc rằng bản chữ Hán lục đăng này có mấy chữ lầm và còn bỏ sót mất một phần ba (276 chữ trên 695 chữ) nguyên tác.

Vậy, để rộng đường tham khảo, nay chúng tôi xin chép lại nguyên văn bài đó mà chúng tôi đã may mắn giữ được. Đồng thời chúng tôi cũng xin phiên âm và lược dịch để trình chính cùng độc giả.

TÂN KHẮC ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH TỰ

Ngã Việt tự Trần triều Hàn Thuyên thủy dụng quốc âm vi thi phú, nhi quốc âm văn thể hưng yên. Thượng lục hạ bát, trường đoản hợp độ, âm tiết khanh nhiên, tướng diệp phổng kinh sử thành cú nhi vi chi; Kiều Chạ Sơn Tì Bà tự ngữ chỉ tường hị.

Thế chi mô thử cách nhi phu vị quốc âm giả đa hĩ; đã vi lí âm bất kham trí văn giả thập bát cửu. Phan Trần, Hoa Tiên quân xưng kiệt xướng, vị miễn thuần, tì hồ bán, nhả tục hào gián. Cầu sở vị từ thành châu ngọc, điệu hiệp cung thương, tắc duy Kim Vân Kiều nhất truyện.

Thị truyện dã, Quốc sơ Lễ Bộ Hữu Tham Tri Tiên Điền Nguyễn Du y Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ nhi thành chi. Kì từ lệ di hoa; kì điệu viên nhi hưởng; Kì tuyên liệu dã bác; Kì tự sự dã tường; tiết thái cổ nhân chi diễm khúc tình từ, bàng cập ngã quốc chi phương ngôn ngôn ngữ; nùng tiêm tận trí, hoa dã kiêm thu. Ngôn tình tắc miêu hợp lí cam khổ chi hloh, nhi tình bất lí cảnh; tự cảnh tắc hội tuyết nguyệt phong hoa chi thú, nhi cảnh tự quan tình; mặc dục vũ nhi bút dục phi; cổ năng ngôn nhi tự năng ngữ; sử nhân tiểu, sử nhân thế, sử nhân lạc, sử nhân bi, phản phúc thiên hồi, dữ thực nhi dữ bất năng yếm; tuân Nam âm chi kiệt xướng, tình phổ chi tiên thanh dã. Cổ ngữ vân: “đại trượng phu thường tự tam bài, âm chính thái trà độc Thúy Kiều truyện” chân thị hợp thú. Cổ kim nhất hân mặc chi khách, thoa quần chi lưu, di cập cổ khách thôn hào, mặc bất thử thử nhất biên, di vi nhả thưởng. Tức mục bất thức đình giả, học đắc kỷ cú, thường thường tọa ngọa tụng chi. Y! hà túy nhân nhất chí thử da!

Dư sở vu quái giả, thể nhân cầu chiêm bốc vấn, ứng giả như hương, hựu khả tác Quỷ Cốc linh kinh khán giả, hà tai ? Khởi phi di Thúy Kiều tài sắc vô nhị, vi thiên cồ tuyệt đỉnh tình nhân ; thập ngũ niên gian, lịch duyệt phong trần, vi thiên cồ tuyệt đỉnh tình sự ; diễn chi vi truyện, lâm li đồn tỏa, vi thiên cồ tuyệt đỉnh tình từ. Thị Thanh Tâm Tài Nhân vu vi quá chi. Kì nhân kì, kì sự kì, kì văn vu kì, cố bất độc túy nhân, nhi hựu năng thông thần giả dư ?

Thị truyện ấn hành di cửu, tự hoạch gián hựu siển thác, quan giả duyên mậu thừa ngộ, đa hiệp ý kiến nhi cường vi chi giải. Dư tâm khế, Kiều Chạ Sơn, Tự Đức niên gian ất tiến sĩ dã, thiện vi quốc âm văn, tị tác (...) Tì Bà Truyện, hựu thủ thị truyện nhi đỉnh chính chi, kê dẫn sự điển, tỉ lâm giả liễu nhiên. Nhân tham hiệp văn sĩ Nguyễn-văn-Thắng sở định án văn, tặng Thồ quan, Ngự phủ nhị án, tỉnh hệ di thi, quán di tự, kiến giả xưng vi bác nhã, giai khuyến phò tử di hương thăm âm, nhi Chạ Sơn di văn quán sự phồn, vi hạ dã. Dư ư Ất Vị tọa giam, hựu thích lí công tử, huê lai tán bản kiến tặng, nhan viết Đoạn Tường Tân Thanh. Dư triển tụng chi, tác tự châm, cú chúc thoán cổ sinh tân, nhi danh bút bình phê, cơ thần được động. Tái phụng.

Ngự phê liên cú, biến ư giản đoan. Giai văn giai nhân, nhất nhiệm thiên hương, đại vi tăng sắc, cố nhi ngâm vịnh giả trần du cũng bích, truyện tả giả chỉ quý Lạc-đô dã. Kim hạ, dư tự kinh trung vinh hồi, tự di Chạ Sơn. Chạ Sơn nhất kiến cường hỉ, nhân tương gia kiểm duyệt phò tử công hành, di bác khoái đồ. Ngô tị thể chi tạ di đào vịnh tính tình, kích dương phong nhã giả ư thi hồ đặc chi.

Thành Thái Mậu Tuất đông phục nguyệt thượng cán

Nhị Giáp Tiến Sĩ Đình Nguyên

Thái Bình căn giang Đào Nguyên Phồ

Hoành hải chi.

BÀI TỰA QUYỀN ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH KHẮC LẠI

Nước Việt ta, từ Hàn Thuyên đời Trần, mới bắt đầu dùng chữ nôm làm thơ, phú, và thể văn nôm cũng từ đó mới thịnh dần. Thể "Lục bát" — trên sáu dưới tám —, ngắn dài đúng mức, tiết điệu êm đềm, tưởng cũng là bắt chước những câu sẵn có trong Kinh, Sử mà làm ra vậy. Ông Kiều Chạp Sơn đã nói rõ điều đó trong bài tựa Truyện Tì Bà. Người đời mô phỏng thể cách ấy mà phụ diễn ra bằng quốc âm kể cũng đã nhiều, nhưng mà có đến tám, chín phần mười đều lời quê, ý kệch, đọc không hững thú. Những truyện Phan Trần, Hoa Tiên, người ta khen là kiệt xuất, thể nhưng vẫn không khỏi tình thô lẫn nửa, nhả tục lẫn xen, muốn câu cho được lời gieo châu ngọc, điệu hợp cung thương, thì chỉ có một truyện Kim Vân Kiều này mà thôi.

Truyện này là do Quan Lễ Bộ Hữu Tham Tri Nguyễn Du, — người làng Tiên Điền, ở thời Nguyễn sơ — dựa theo tập "Thanh Tâm Tài Nhân" mà làm ra : Lời đẹp mà văn hoa, điệu tròn mà êm ái, tài liệu thu thập rất rộng, sự tích tự thuật rất rành ; vừa lựa chọn những điểm khúc, tình tứ của người trước, lại thêm góp nhặt những phương ngôn, ngạn ngữ của nước nhà, thối thì được nông, thì mỉ rất mỉ, văn thanh tao, mộc mạc đủ mẫu ; ngôn tình thì vẽ rõ những trang hướng hợp, tan, ngọt, đắng mà tình không đời cảnh ; tả cảnh thì vạch đủ những thú vị tuyết, trăng, hoa, gió mà cảnh vẫn vương tình ; mực muốn múa mà bút muốn tung bay, câu biết nói mà chữ biết kể lể ; khiến cho người cười, khiến cho người khóc, khiến cho người vui vẻ, khiến cho người xót xa, khiến cho người dở đi lật lại ngàn lần, càng thuộc lại càng không thể chán. Thật là một áng văn nôm tuyệt diệu, một tập tình phổ hàng đầu vậy. Cổ ngữ có câu : " Tài trai biết đánh tổ tôm, uống chè Chính Thái, xem nôm Thúy Kiều ". Đó quả thật là ba cái thú. Cho nên ngày nay, khách hân mặc, bạn quần thoa, cho đến cả bác xã, chú lái, chẳng ai là không tay cầm một quyển

đề thường thức ; ngay những người không biết nửa chữ, học lỏm được vài câu cũng lúc nằm khi ngồi, luôn luôn ngâm ngợi. Chao ôi ! Sao lại có áng văn làm say lòng người đến thế nhỉ ? Điều tôi càng lấy làm lạ là người đời dùng làm sách bói toán mà cũng thấy ứng nghiệm như thần, cho nên còn được coi như Linh Kinh của Quỷ Cốc ; như thế là tại làm sao ? Há chẳng phải vì Thúy Kiều tài sắc vô song, lấy một trang tình nữ quán tuyệt thiên cổ ; mười lăm năm lịch duyệt phong trần, làm một đoạn tình sự quán tuyệt thiên cổ ; diễn ra thành truyện, đốn tởa lâm li, làm một khúc tình ca quán tuyệt thiên cổ ; So với tập « Thanh Tâm Tài Nhân », còn hay hơn nhiều. Người đã kì, việc đã kì, văn lại càng kì, cho nên chẳng những làm say lòng người mà còn cảm thông được thần linh nữa chẳng ?

Truyện này ấn hành đã lâu, gián hoặc cũng có chữ sai nét mất ; người xem theo đó mà nhầm, rồi lại lấy ý riêng mà giải thích, thành ra sai nhầm càng thêm sai nhầm. Bạn thân của tôi, ông Chạ Sơn, đậu phó bảng đời Tự Đức, có tài làm văn nôm. Ông đã biên khảo truyện Tì Bà, rồi lại đem truyện (Kim Vân Kiều) này ra mà đính chính, kê dẫn điển cố, để giúp người đọc hiểu thêm rõ ràng. Nhân lại thêm có bài định bình của quan nghè Nguyễn-văn-Thắng với hai án văn về viên Thồ-quan và người Ngự-phủ, cùng là những thơ vịnh, tựa đề ; người đọc ai cũng khen là uyên bác, văn nhã, và ai cũng khuyên nên cho in để cống hiến các bậc thâm âm. Song le, vì bận việc văn quan, cho nên ông Chạ Sơn chưa thể làm được.

Vào năm Ất Vị, trong lúc tọa giam, tôi được một vị công tử bên quê ngoại đưa lại cho một bản mới với nhan đề là « Đoạn Trường Tân Thanh ». Tôi mở ra xem thì thấy từng chữ, từng câu được cân nhắc, thay đổi ; và những lời phê bình của mấy cây danh bút cũng rất là linh động thần tình. Ngoài ra lại được những lời Ngự phê ở đầu mỗi trang truyện. Giai nhân, giai tác, hương trời một đượm, càng thêm khởi sắc-bội phần. Thật đáng được người ưa ngâm vịnh quý hơn châu ngọc ; và rồi đây ai nấy đua chép, giấy Lạc-dô hẳn dất lên nhiều. Mùa hạ năm nay, tôi ở Kinh về, đưa cho ông Chạ Sơn. Ông nom thấy mừng quá ; nhân kiểm duyệt lại

cần thận rồi cho khắc bản ấn hành, để mọi người cùng có dịp thưởng ngoạn.

Tôi biết chắc rằng những ai muốn nhờ quyền truyện này để vui câu tỉnh tỉnh, khơi dòng thi hứng đều sẽ được đẹp ý vừa lòng.

Niên hiệu Thành Thái
Mùa Đông tháng 11 năm Mậu Tuất
Nhị Giáp Tiến Sĩ Đình Nguyên
Thái Bình, Cần Giang, Đào Nguyên Phổ,
cần chí.



ANH HÙNG THẨM MỆT

tập truyện chiến tranh

JEROME-DAVID SALINGER và IRWIN SHAW

bản dịch của TRẦN PHONG-GIAO

GIAO-ĐIỂM xuất-bản

124 trang

giá 36đ.

BỮU-CẦM và TẠ-QUANG-PHÁT

«bài Cầm-sắt» của Lý-Thương-Ẩn
và cuộc đời của Thúy - Kiều

Độc Truyện Kiều đến đoạn kết cuộc, chúng ta thấy Thúy Kiều được đoàn tụ với gia đình, đánh đàn cho Kim Trọng nghe với mấy câu sau đây :

- « Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
- « Ấy là hồ điệp hay là Trang-sinh.
- « Khúc đầu êm ái xuân tình,
- « Ấy hồn Thục-đế hay mình đồ-quyên.
- « Trong sao châu nhỏ đoành quyên,
- « Ấm sao hạt ngọc Lam-diễn mới đông.

Sáu câu này được cụ Vũ-Trình phê trong bản Kim Vân Kiều chữ nôm chép tay, do cụ Ưng-Gia tặng cho Viện Khảo-cổ (số thư mục VN T4) : Thử đoạn phiên Lý-Thương-Ẩn Cầm sắt vi Thúy-Kiều thanh điệu điệp tự bất tặc. 此段香李商隱錦瑟為翠翹聲調亦自不俗 (= Đoạn này phiên ý bài Cầm sắt của Lý-Thương-Ẩn làm thanh điệu tiếng đàn của Thúy Kiều cũng khác tặc).

Cụ Trần-Trọng-Kim trong quyển *Đường-thi*, nhà xuất bản Tân-Việt Sài-gòn, trang 274, ở bài *Cầm-sắt*, có chú thích : « Bài thơ này tả cái cảm tình của người nghe tiếng đàn hay. Nguyễn Tố-Như tiên sinh, tác giả *Truyện Thúy-Kiều*, lấy ý bốn câu tam tứ, ngũ lục mà dịch ra sáu câu lục bát như sau này : (sáu câu đã ghi trên). »

Vậy hẳn bài *Cầm-sắt* của Lý-Thương-Ẩn phải có những đặc điểm nào mới khiến cụ Nguyễn-Du chọn lấy mà dịch ra sáu câu trong *Truyện Kim-Vân-Kiều* của cụ.

Muốn hiểu rõ những đặc điểm ấy, xin quý độc giả hãy xem kỹ nguyên văn chữ Hán bài *Cầm-sắt* của Lý-Thương-Ẩn, phần phiên âm, bài dịch nghĩa và bài dịch thơ của chúng tôi, tiếp theo đây.

錦 瑟

Cầm - sắt

錦	瑟	無	端	五	十	絃
Cầm	- sắt	vô	đoan	ngũ	thập	huyền
一	絃	一	柱	思	華	年
Nhất	huyền	nhất	trụ	tư	hoa	niên
莊	生	曉	夢	迷	蝴蝶	
Trang	sinh	hiếu	mộng	mê	hồ	diệp
蜀	帝	春	心	託	杜	鵑
Thục	đế	xuân	tâm	thác	đỗ	quyên.
滄	海	月	明	珠	有	淚
Thương	hải	nguyệt	minh	châu	hữu	lệ
藍	田	日	暖	玉	生	煙
Lam	điền	nhật	noãn	ngọc	sinh	yên.
此	情	可	待	成	追	憶
Thử	tình	khả	đãi	thành	truy	ức,
只	是	當	時	已	惘	然
Chỉ	thị	đương	thời	đã	võng	nhiên

Phần dịch nghĩa

- Câu đầu nói cây đàn Cầm-sắt vô cơ mà có 50 dây.
— Câu hai nói mỗi dây có một trụ đàn khiến mình lại nghĩ đến tuổi thanh xuân đã qua.
— Câu ba tả tiếng đàn Cầm-sắt mơ màng huyền ảo như giấc mộng buổi mai mà Trang-tử mê muội không biết mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình.
— Câu tư tả tiếng đàn Cầm-sắt đau đớn não nuột như Thục-đế gọi tấm lòng xuân trong tiếng chim đỗ quyên.
— Câu năm tả tiếng đàn trong trẻo như ánh trăng sáng rọi xuống Thương-hải, chiếu suốt những hạt châu có nước mắt long lanh.
— Câu sáu tả tiếng đàn ấm áp như nắng ấm rọi xuống núi Lam-diền khiến những ngọc quý ở đáy bốc lên hơi.
— Câu bảy nói tình cảm của buổi nghe đàn này đáng chờ trong mai sau mà nhớ lại.
— Câu tám nói hôm nay chỉ nghe tiếng đàn mà đã chán nản ê chề.

Dịch thơ

Cầm - sắt

Cầm-sắt năm mươi chấn sợi mảnh,
Mỗi dây một trụ nhớ ngày xanh,
Mơ màng bướm lẫn Trang-sinh mộng,
Ảo não quỳên kêu Thục-đế tình,
Thương-hải lệ châu trăng chiếu suốt,
Lam-diền hơi ngọc nắng hun thành,
Tình này đợi nhớ trong mai hậu,
Chán nản giờ đây khổ nỗi mình.

Đúng như lời cụ Trần-Trọng-Kim, thi sĩ Nguyễn-Du chỉ lấy bốn câu tam tứ ngũ lục, phiên ý ra sáu câu thơ lục bát

Tại sao Nguyễn-Du chỉ lấy bốn câu ? — Thưa vì bốn câu ấy tả rờng tiếng đàn.

Tại sao Nguyễn-Du không đặt ý tứ bốn câu ấy ở bốn lúc đánh đàn khác, như lúc Thúy-Kiều sang nhà Kim-Trọng khi mới yêu nhau, lúc hầu Hoạn-thư khi bị bắt đem về, lúc hầu Thúc-sinh và Hoạn-thư, lúc hầu Hồ-Tôn-Hiến ? — Có người bảo đó là việc ngẫu nhiên, muốn nói tiếng đàn cụ Nguyễn-Du đã gom hết những tài liệu xưa miêu tả tiếng đàn mà viết ra cho có điền tích. Khúc *Hán-Sở chiến-trường*, khúc *Tư-mã Phụng-cầu*, khúc *Quảng-lãng* của Kê-Khang, khúc *Hành-vân*, khúc *Lưu-thủy* đều đã dùng ở đoạn trước, thì ý tứ bài *Cầm-sắt* phải dành cho đoạn sau, chớ chẳng có gì quan trọng.

Nói như thế là không hiểu tình tường bốn câu giữa bài *Cầm-sắt* của Lý-Thương-Ẩn, không duyệt lại trọn cuộc đời của Thúy-Kiều và không thông cảm nỗi dụng ý sâu xa của Tố-Như thi sĩ.

Trong bài *Cầm-sắt*, câu ba tả tiếng đàn mơ màng, câu tư tả tiếng đàn ảo não, câu năm tả tiếng đàn trong trẻo, câu sáu tả tiếng đàn ăm ập, đều rất đúng với cuộc đời của Thúy-Kiều theo từng giai đoạn : cũng mơ màng, cũng ảo não, cũng trong trẻo và cũng ăm ập, nồng nàn.

— Câu ba : *Trang-sinh hiểu mộng mê hồ-diệp*. Tiếng đàn mơ màng như khi tỉnh giấc mộng buổi mai Trang-tử mê muội không biết mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình, cũng như Thúy-Kiều sống mơ màng huyền ảo của hương vị ái tình lúc nàng và Kim-Trọng mới yêu nhau. Đôi trai tài gái sắc lúc đề thơ, lúc hội họa, lúc đánh đàn đã xây biết bao nhiêu mộng đẹp mơ màng. Thực tại và ảo ảnh dường như trùng hiệp lại.

— Câu bốn : *Thục - đế xuân tâm thắc đồ-quyên*. Tiếng đàn

quá nảo nuột như những nỗi hận uất của vua Thục đem tấm lòng xuân nhớ nước nhớ nhà gói vào tiếng chim đỗ quyên thê lương rền rĩ, cũng như những tiếng nấc nghẹn ngào của Thúy-Kiều lúc bị thất thân nhớ quê nhớ cảnh, nhớ cha mẹ, nhớ tình lang, sống trong cảnh phong trần vui hoa dập liễu.

— Câu năm : *Thương-hải nguyệt minh châu hữu lệ*. Tiếng đàn đến đây thì trong trẻo như ánh trăng vàng vạc rọi xuống Thương-hải, chiếu suốt lớp nước sâu đến những hạt châu long lanh đượm lệ. Cái trong trẻo thanh tao ấy chẳng khác gì tấm thân tài sắc và tất lòng trinh bạch của Thúy-Kiều được chìm sâu dưới đáy nước Tiên-đường cho rửa tan hết phong trần ô cấu để rồi sống cuộc đời trong sạch thanh u dưới Phật-dài bên cạnh Giác-duyên sư-nữ.

— Câu sáu : *Lam-diễn nhật noãn ngọc sinh yên*. Tiếng đàn cuối cùng thì nồng ấm như ánh nắng chiếu xuống núi Lam-diễn khiến những ngọc quý ở đấy bốc lên hơi. Cái ấm áp ấy thật nồng nàn thì vị như Thúy-Kiều đoàn tụ lại với gia đình, gặp lại người yêu để kết tóc xe tơ, nối lại khúc ân tình năm cũ. Ngọc lên hơi nghi ngút như ái tình lên hương ngậy ngất đậm đà.

Xét lại bài thơ *Cầm-sắc* của Lý-Thương-Ẩn và nghiệm lại cuộc đời của Thúy Kiều chúng ta thấy được sự ngẫu hợp ngộ nghĩnh giữa tiếng đàn của một thi sĩ đời Đường và cuộc đời của một giai nhân đời Minh và nỗi dụng ý khéo léo của Tổ-Như thi sĩ thời cận đại của chúng ta.

Vì cuộc đời của Thúy Kiều phải trải qua bốn giai đoạn theo thứ tự mơ màng, ảo nảo, trong trẻo và ấm áp, ý tứ của bốn câu tam tứ ngũ lục bài *Cầm-sắc* của Lý-Thương-Ẩn phải được đặt đúng chỗ ở phần kết cuộc của vở truyện, để cho người đọc *Kim-Vân-Kiều* mà khoan khoái mừng cho một khách má hồng tài sắc sống được đời đáng sống trong hương vị ấm êm.

Qua một thời gian trọn hai thế kỷ, cái dụng ý khéo léo của cụ Nguyễn-Du mới được chúng ta ngày hôm nay thấu hiểu, hay nói một cách khác, nhà thơ Tố-Như không thiếu người tri âm tri kỷ.

Chúng tôi nói nhà thơ Tố-Như không thiếu người tri âm tri kỷ mà không nói Thanh-Tâm Tài-Tử, nhà văn Trung-quốc đã viết ra *Kim-Vân-Kiều truyện*, vì dụng ý phiên bốn câu bài *Cầm-sắt* là riêng của Nguyễn-Du, lam-bản *Kim-Vân-Kiều truyện* của Thanh-Tâm Tài-Tử ở đoạn đánh đàn này không có nói gì đến bài *Cầm-sắt* cả.

Thật thế, nếu dở lam-bản *Kim-Vân-Kiều truyện* của Thanh-Tâm Tài-Tử hồi thứ 20, ở đoạn đánh đàn này, chúng ta chỉ gặp đoạn văn như sau :

« Sơ tào tào đập đập, chuyển nhất điệu hốt nhĩ dung dung, hòa như xuân noãn, hương tự hoa khai, thanh nhược minh nguyệt, kiều như yển vũ, thính nhất thính nhĩ thông, tư nhất tư tâm túy, tưởng nhất tưởng hồn tiêu, văn nhất văn thần dâng. 初嘈嘈沓沓轉一調忽爾溶溶和如春暖香似花開清若明月嬌如燕舞聽一聽耳聰思一思心醉想一想魂消聞一聞神蕩 (= Lúc bắt đầu tiếng đàn ào ào rồi chuyển sang một điệu thành linh nghe lai láng, dịu hòa như mùa xuân ấm, thơm nồng như hoa nở, trong trẻo như trăng sáng, đẹp dễ như én múa, một lần thoáng qua thì tai thông suốt, một lần ngấm đến thì lòng say sưa, một lần tưởng lại thì hồn tiêu tán, một lần nghe được thì tinh thần sáng khoái thênh thang.)

Do đây chúng ta thấy *Truyện Kim-Vân-Kiều* tuy là phóng tác theo một vở truyện của Trung-quốc, nhưng cụ Nguyễn-Du vẫn có công sáng tạo không phải là nhỏ vậy.

BÙU-CẦM và TẠ-QUANG-PHÁT

LÊ NGỌC - TRỤ

cần có một bản
hiệu chú «Truyện Kiều»

Trên thi đàn Việt-nam, về phương diện văn chương, dùng toàn tiếng Việt để diễn tả cốt truyện một cách thi vị, thì ai ai cũng đều công nhận và thán phục thi tài của cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du trong quyển *Đoạn-trường Tân-thanh*, diễn dịch nơi cuốn *Kim-Vân Kiều truyện* của Thanh-Tâm Tài-Nhân Từ-Vị.

Quyển *Đoạn-trường Tân-thanh*, thường gọi là *Truyện Kiều* hoặc *Truyện Thúy-Kiều*, một « *Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ* » (1) trải qua thời gian và không gian, được hầu hết các giới trong xứ tán thưởng, các thi nhân học giả ngâm vịnh, « *bói* », « *lầy* », bình luận giảng giải rất nhiều. Và áng văn tuyệt phẩm của cụ Tố-Như cũng vì đó mà bị sửa chữa, thêm thắt quá nhiều, làm cho ngày nay bản *Truyện Kiều* không còn được thuần nhất, có nhiều « *thoại* » khác nhau, khiến cho ông Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, trong bài tựa quyển *Vương-Thúy-Kiều* chú giải tân truyện đã viết :

(1) « *Lời văn rất hay để lại nghìn năm nước Đại Việt* », câu thơ đề KIỀU của ông Tú làng Minh-lương, tự Tiểu-Minh, tên là Phan-Thạch-Sơ, do Tản-Đà trích dẫn và phiên dịch, trong quyển *Vương-Thúy-Kiều* chú giải tân truyện.

« Thường thấy nhiều người bàn nói về quyền *Kiều*, lẫn thần mê man, gần khiến cho người nghe đến không rõ quyền truyện « *nàng Thúy Kiều* » hay truyện « *ông Nguyễn-Du* » nữa. Lại có những người quá sùng bái cồ nhân, tự cam nô lệ, xướng ra những lời đàm phán quá đáng, không đích đáng; chẳng làm thêm giá trị cho tác giả chút chi, mà chỉ làm mất cái diện mục của văn chương đã lắm. Rồi nữa, kẻ tung lên, người dập xuống; một quyền văn vô tội, gần thành như như một quả ban-lông (ballon). Nghi thật đáng buồn cho dư luận văn học giới ».

Sở dĩ quyền *Truyện Kiều* có nhiều « *thoại* » như vậy, nguyên do trước tiên tại bởi có hai bản khác nhau, là bản *Phường* và bản *Kinh* bằng chữ nôm, mà chúng ta ngày nay còn nghe nói. Chúng tôi không được có hai bản ấy để đối chiếu mà khảo cứu, xin tóm lược bài « *Bản Phường và bản Kinh* », của giáo sư Doãn-Quốc-Sỹ (1).

« Bản nguyên văn *Truyện Kiều* của Nguyễn-Du đã thất lạc ngay từ buổi đầu; hiện nay chỉ còn hai bản khác nhau ít nhiều: bản *Kinh* và bản *Phường*.

Bản *Kinh* do vua Dực-Tông đã chữa lại và cho in ở Huế, bản *Phường* do Phạm-Quý-Thích đem khắc và in ở phố hàng Gai (Hà-nội). Thế nào bản *Phường* cũng có những chỗ sửa đổi lại vài câu, nhưng chắc chắn gần với nguyên tác hơn cả, vì căn cứ vào:

« 1.— Lời văn từ đầu đến cuối cùng một giọng.

2.— Phạm-Quý-Thích, người Hải-dương, đỗ tiến sĩ về cuối Lê, cùng với tác giả là bạn đồng thanh đồng khí và có được tác giả đưa cho xem khi quyền truyện làm xong.

3.— Bản *Phường* là bản đã được in và khắc trước hết

.

So hai bản, có nhiều khoản khác nhau những tiểu tiết, có khi sửa hẳn cả ý lẫn lời. Như đoạn *Hoạn-Thư*, *Thúc-Sinh* với *Kiều*

(1) Trong *Gló Mới*, số 32, 20-12-1958, tr. 9.

- Khi thì bản Kinh hợp tình hợp lý.
- Khi thì bản Kinh kém sút quá xa về cả lời lẫn ý.
- Khi thì bản Kinh quá ư tàn nhẫn và thô lỗ.
- Khi thì bản Phường, vừa nhẹ vừa êm...

Về chuyện vua Tự-Đức cho sửa quyền *Truyện Kiều*, ông Nguyễn-Phú-Độc trong bài « Địa-vị « *Truyện Kiều* » trong lịch sử quốc văn » (1) có nhắc đến, như vậy :

« *Truyện Kiều* viết xong, các bậc thâm nho cũng đều phải công nhận là một áng văn nôm tuyệt phẩm. Đến đời vua Tự-Đức, nhận thấy có người chê *Truyện Kiều*, nhiều câu văn không được hoàn toàn và thanh nhã, nhà vua liền truyền cho tất cả các quan hợp nhau soạn lại *Truyện Kiều*, thì có một vị quan tại triều tên là Hà-Tôn-Quyền sửa thành cuốn *A-Kiều lục*.

« Nhưng sau vua, tôi cùng nhau bình lại, thấy văn chương vẫn không bằng được bản dịch của cụ Nguyễn-Du nên lại hủy đi, không truyền đến đời sau. »

Về các « thoại » khác nhau của *Truyện Kiều*, mấy ông Ưu-Thiên Bùi-Kỷ và Lê-Thần Trần-Trọng-Kim trong *Truyện Thủy-Kiều* (2), Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu trong *Vương-Thủy-Kiều chú-giải tân truyện* (3) Vân-Hạc Lê-Văn-Hoè trong *Truyện Kiều chú-giải* (4) có dẫn ra mà mỗi vị chọn lựa « thoại » nào cho thích hợp đề dùng cho bản của mình.

Ông Ưng-Hoè Nguyễn-Văn-Tổ, trong loạt bài « Tài liệu để đính chính cổ văn » về *Truyện Kiều*, trong *Tri-tân tạp-chí* từ số 63, 9-9-1942 trở đi, cũng có vịn theo bản Kinh của Kiều-Oánh-Mậu mà cho nhiều tài liệu hữu ích trong việc « hiệu chú » *Truyện Kiều*. Xin dẫn vài thí dụ về « thoại » khác nhau.

(1) Trong *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, quyển XVI, số 3-4, tháng VII-XII 1936, tr. 234.

(2) Sài-gòn, Tân-Việt, 1952.

(3) Hà-nội, Hương-Sơn, 1952.

(4) Sài-gòn, Ziên-Hồng tái-bản, 1956.

1) Câu thứ 8 của *Truyện Kiều*.

Các bản quốc ngữ, trừ bản của Tản-Đà, đều chép :

« *Phong-tình cô-lục* » còn truyền sử xanh. Và đều cho là tên quyền sách cô của Trúng-hoa. Hai ông Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim chú thích : « *Phong-tình cô-lục* » là bộ sách *Phong-tình-lục* đời xưa, tức là bộ *Thanh-tâm tài-nhân* ».

Ông Lê-Ván-Hoè chú thích : « *Phong-tình cô-lục* » là tên bộ sách chép chuyện phong tình đời cô ».

Bản của Nguyễn-Khắc-Hiếu chép : « *Phong-tình có lục* còn truyền sử xanh » và chú thích « *Phong-tình có lục* » nghĩa là có cái bản truyện phong tình. Chữ có, nhiều bản đề là cô, vì ở chữ nôm ta xưa, trong chữ 有 có, có chữ 古 cô. »

Các bản nôm đều ghi :

« *Phong tình có lục...* », chữ nôm có mượn chữ cổ (chữ cô 古 trong bộ vi 尸 : 尸) của chữ Hán, đề ghi. Nếu phải là « cô lục », thì chữ Hán đã sẵn có chữ cô 古 rồi, sao không dùng đến.

Theo ông Ứng-Hoè, trong *Tri-tân*, số 68, « nên theo chữ có trong kinh bản, nghĩa là có chuyện phong tình còn đề lại trong sách : chữ phong tình là tiếng nôm của ta, chứ chẳng phải là danh từ của Tàu ; và lại không có tên chuyện nào gọi là « *Phong-tình cô-lục* ».

Giáo sư Bửu-Cầm trong bài *Thanh-Tâm Tài-Nhân là ai ?* (1) có đưa ra ý kiến như sau :

« Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim tin rằng *Phong-tình cô-lục* là tên một bộ sách chép những chuyện tình ngày xưa mà trong ấy có *Truyện Kiều* (có lẽ hai ông đã căn cứ vào ba chữ *phong-tình lục* trong bài tựa *Truyện Kiều* của Mộng-Liên-Đường chủ-nhân để phỏng đoán rằng *Phong-tình cô-lục* là tên riêng một bộ sách. Theo tôi « *Phong-tình lục* » chỉ là một danh từ phổ thông, có nghĩa là « sách phong tình » hoặc « tiểu thuyết phong tình »). Nhưng các học giả đã dày công nghiên cứu *Truyện Kiều* vẫn không tìm ra bộ sách nhan đề *Phong-tình cô-lục*.

(1) Văn-hóa nguyệt-san số 41, tháng VI-1950, tr. 508.

« Tôi đã có dịp được xem các bản *Kiều* chữ nôm, thấy phần nhiều chép hai chữ « cồ lục » như thế này, 固錄 (cổ lục). Chữ Nôm thường mượn của Hán-văn chữ cố 固 để đọc là có, nhưng nếu ta đọc chữ cồ, theo âm Nôm (có) và đọc chữ lục 錄 theo âm Hán-Việt thì thật khó nghe và không có nghĩa. Vậy thiết tưởng nên đọc hai chữ ấy là có lúc mới hợp lý. Tôi hiện còn giữ được một bản *Kiều* chữ Nôm do tổ phụ tôi chép để lại, trong đó không còn mượn chữ lục 錄 bên Hán-văn để đọc thành âm lúc nữa, mà đã viết rõ chữ lúc theo nghĩa nôm: một bên là chữ nhật 日, chỉ thời gian, một bên là chữ lục 六 do đó đọc ra âm lúc 𠵽, ấy là theo phép hình-thanh (cũng gọi hài-thanh).

« Bằng vào những chứng cứ trên đây, thì câu « *Phong-tình cồ-lục còn truyền sử xanh* » phải đọc là « *Phong tình có lúc còn truyền sử xanh*, » nghĩa là : chuyện phong tình hoa nguyệt phần nhiều trái với lẽ giáo, phương hại đến thuần phong mỹ tục, không đáng lưu truyền, nhưng « *Truyện Kiều* » mặc dầu cũng là chuyện phong tình, song có đủ đường hiểu nghĩa, cho nên có lúc còn được lưu truyền trong sử sách. Có lẽ nên hiểu như vậy mới hợp với mạch văn và không phản ý tác giả ».

2) Câu thứ 78, các bản chép :

« *Vùi nông một năm, mặc dầu cỏ hoa* », trừ bản của Tản-Đà. Bản này chép :

« *Bụi hồng một năm, mặc dầu cỏ hoa* », và chú thích : « Hai chữ « *bụi hồng* » đây chỉ là lời văn lịch sự, nói cái mà chôn ở bên đường.

« Có nhiều bản để là « *vùi nông* » thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tình của người khách không có trung hậu. Như sự sai lầm đó rất có hại đến văn lý ».

Ông Ứng-Hoè, trong *Tri-tân*, số 67, chép : « *Vùi hồng một năm, mặc dầu cỏ hoa* ». « Hai chữ *vùi hồng* có bản chép *vùi nông*, nghĩa cũng thông : nhưng cụ *Kiều-Oánh-Mậu* nói chữ *tử*, chữ *châu*, chữ *hồng* là chữ hay của nhà làm văn, thường dùng để tả cảnh : « *văn tự khiêu giả* » cho nên cụ cho khắc là *vùi hồng*. »

3) Câu 92, bản của hai ông Tản-Đà và Văn-Hạc ghi :

« Sẵn đây ta THẤP một vài nén hương ».

Bản của ông Bùi-Kỷ thì ghi :

« Sẵn đây ta KIẾM một vài nén hương » và chú thích : *kiếm* là đề « đem dâng, đem lễ », chứ không phải là « tìm kiếm ». Có bản viết là : sẵn đây ta ĐÁP một vài nén hương, lấy nghĩa đáp đất làm hương, nhưng nghe cầu kỳ lắm ».

Ông Ứng-Hoè, trong *Tri-tân*, số 69, viết :

« Sẵn đây ta KIẾM một vài nén hương ».

« Quyền Kiều chữ Hán (của Thanh-Tâm Tài-Nhân) có câu : « Kiều toát thỏ vi hương » (Kiều vuốt đất làm hương), thế thì chữ *kiếm* phải nghĩa hơn chữ « thấp. » Các bản chữ nôm đều viết là « *kiếm* » cả. Hoặc có người bẻ rằng : vì có chữ sẵn đây, nên bản quốc-ngữ chưa là : « Sẵn đây ta thấp một vài nén hương », nhưng chữ sẵn đây là nhân tiện cô Kiều ở đây, chứ chưa chắc đã có sẵn hương ».

Trong *Tri-tân*, số 67, ông Ứng-Hoè cũng viết : « Cứ theo bản Kiều bằng chữ Hán của Thanh-Tâm Tài-Nhân, thì Thúy-Kiều bẻ một cành trúc cắm ở trên mộ, khấn rằng : « Lưu Đạm-Tiên ! Lưu Đạm-Tiên ! Ta là Thúy-Kiều, ngày nay viếng nhà ngươi, ngươi nên thấu xét ». Xong rồi, nặn đất làm hương, cúi mình bốn lạy, lạy xong đề bài thơ... »

Vịn vào tài liệu ấy, ông Nguyễn-Văn-Tổ cho rằng chữ « *kiếm* » phải nghĩa hơn chữ « thấp », ông không giải nghĩa chữ « *kiếm* », nhưng chắc rằng chữ « *kiếm* » là « tìm kiếm » theo nghĩa thông thường. Ông Nguyễn-Văn-Vinh, trong bản Kiều dịch ra Pháp-văn, cũng hiểu theo nghĩa « tìm kiếm », nên dịch là « Je vais me procurer quelques bâtonnets d'encens. ».

Ý nghĩa « đem dâng, đem lễ » mà ông Bùi-Kỷ giải thích chữ « *kiếm* », chúng tôi tra các tự-điển nhưng không gặp nghĩa ấy, nhất là quyển *Việt-Nam tự-điển* ; không biết các tự điển có thiếu sót chăng ? Ý nghĩa « đem dâng, đem lễ », trong Nam có tiếng *kiếng* « *kiếng* dâng, *kiếng* biếu », là tiếng *kính* 敬 biến trại (*Đại Nam quốc-âm tự-vi* của ông Huỳnh-Tịnh-Cửa ghi *kiến* (không g), nhưng có gạch thêm

chữ *kính*), chẳng biết có phải là tiếng *kiếng* này đọc trại ra *kiếm* (như ông Bùi-Kỷ đã giải thích) hay không, song chắc chắn là bản chữ nôm viết *kiếm* 劍.

Có vài cụ thâm nho cho rằng cụ Nguyễn-Du tuy dịch quyền *Truyện Kiều* nơi quyền *Kim-Vân-Kiều truyện* của Thanh-Tâm Tài-Nhân, nhưng không thật hẳn theo đúng từng chữ của nguyên tác; cụ đã chêm chước cho hợp với phong tục Việt-nam hơn. Ta thường nói « *thắp hương* », « *đốt nhang* » thì câu :

« *Sẵn đây ta thắp một vài nén hương* » nó hợp với phong tục ta hơn. Còn nếu theo nguyên tác : « *vuốt đất nặn đất thành hương* » (hoặc đề tượng trưng cho *hương*), thì câu :

« *Sẵn đây ta đắp một vài nén hương* » mới dịch sát với nguyên tác. Vả lại, có chữ *sẵn đây* là « *đã sẵn có hương* » thì chữ *thắp* phù hợp hơn. Song ông Ứng-Hoè cho rằng « *sẵn đây* » là « *nhân tiện cô Kiều ở đây* », vậy nếu quả là « *nhân tiện* » thì có chữ « *tiện đây* » sao cụ Nguyễn-Du không dùng ?

4) Câu 139, tất cả các bản quốc-ngữ đều chép :

« *Tuyệt in sắc ngựa câu dòn* ».

Về nghĩa chữ « *dòn* », hai ông Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim giải thích : « *dòn* » là (đẹp).

Ông Nguyễn-Khắc-Hiếu ghi : « *chữ dòn chưa được tường nghĩa, có bản cho là nghĩa xinh đẹp* ».

Ông Lê-Văn-Hòe giải nghĩa : « *Dòn là xinh đẹp. (Ta thường nói : « *đen dòn* » nghĩa là « *đen đẹp* ». Phương-ngôn có câu : « *Ở nhà nhất mẹ, nhì con, ra đường còn lắm kẻ dòn hơn ta* ». Các bản của Crayssac và Nguyễn-Văn-Vinh giảng *trắng dòn* là « *trắng toát chói lọi* », nghe chưa được xuôi ».*

Ông Nguyễn-Văn-Tổ, trong *Tri-Tân*, số 70, viết :

« *Tuyệt in sắc ngựa câu dòn* ». « *Chữ « *dòn* 𠵿, « *nhật* 日 bằng chữ « *tồn* 存, các bản khác thì viết « *khung bệnh* », bằng chữ « *tồn* », cho nên người ta đọc là :*

« *Tuyệt in sắc ngựa câu dòn* ».

« Nếu theo nghĩa « sắc tuyết in sắc ngựa, sắc trắng cùng lộ ». — « tuyết sắc ấn mã, bạch sắc dữ bộc », như lời chú thích của cụ Kiều-Oánh-Mậu, — thì phải đọc là dồn mới hợp nghĩa, vì sắc tuyết trắng, sắc ngựa cũng trắng, hai sắc dồn lại với nhau ».

Chúng tôi trưng dẫn vài thí dụ kể trên, cốt để chứng minh rằng *Truyện Kiều* có nhiều « thoại », và các vị thâm nho thì hiểu mỗi vị mỗi khác, trong khi nguyên tác không còn, khiến cho kẻ hậu học chúng tôi, đối với áng văn tuyệt tác này, không biết phải hiểu thế nào cho vỡ lẽ. Vậy trong việc chấn hưng quốc học, tài bồi văn hóa, hiệu đính *Truyện Kiều* là điều cần thiết cho nền văn chương quốc-âm.

Nhân khi biên soạn bài này, chúng tôi lại gặp nhiều từ ngữ trong tác phẩm mà có vài vị học giả giải thích không theo như nghĩa thông thường, chẳng hạn như hai câu 55, 56 :

« Nao nao dòng nước uốn quanh

« Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang »

Các bản quốc-ngữ kể trên không giải thích hai chữ « nao nao », có lẽ cho là nghĩa của nó rất thông thường, ai cũng hiểu. Song khi xem bản dịch Pháp-văn của ông Nguyễn-Văn-Vinh, thì thấy hai câu ấy như thế này :

« Le cours d'eau tortueux coule en torrent.

Un tout petit pont est posé sur l'arroyo tout en aval ».

Và nơi phần dịch từng tiếng một, thì *nao-nao* (susurrant, bruyant, coule en se soulevant)... và *ghềnh* (petit cours d'eau).

« *Susurrer* », Pháp-Việt từ-điển của Đào-Đặng-Vỹ dịch là : « kêu ù-ù, vù-vù : kêu, nói rì-rầm ». Như thế *nao-nao* là « tiếng rì-rầm, tiếng nước chảy cuồn cuộn ». Bản dịch của M.R. (1) cũng theo nghĩa ấy : « le ruisseau *murmurant* coule avec des méandres ». Và bản của hai ông Xuân-Phúc và Xuân-Việt (2) cũng dịch :

(1) « *Kim-Vân-Kiều* » Nouvelle traduction française. — Hà-nội, Ed. Alexandre de Rhodes, 1944.

(2) *Kim-Vân-Kiều*, traduit du vietnamien. — Paris, Gallimard 1961.

« Dans un joyeux murmure, un ruisseau décrit de gracieux méandres. »

Tra các tự-điền, thì lại thấy nghĩa khác nhau. *Việt-Nam tự-điền* của hội Khai-tri Tiến-đức, nơi chữ *nao*, nghĩa thứ hai, là : « cuồn cuộn » : « *nao nao dòng nước uốn quanh.* »

Tự-vị Paulus Của ghi : « *nao nao : cong cong* ».

Dictionnaire Annamite-Français của J.F.M. Génibrel ghi là tiếng Hán-Việt 撓 (1) *nao*, : courbe, courbé ; *khúc nao*, tortueux, sinueux ; *náo* : troubler.

Chữ 撓 *nao*, phát âm theo *Hán-Việt từ-điền* của Thiều-Chửu là « cong, chịu uốn mình theo người ».

Khang-Hi từ-điền phiên thiết là : Nữ + giáo, âm *náo* (đúng ra phải đọc *nao* như ông Thiều-Chửu) — « khúc mộc » (cây cong) ; lại cũng có âm nữa là ; ni + giao : *nao* — « khúc dã » (cong).

Vậy *nao*, trong *nao nao* là tiếng Hán-Việt được Việt-hóa, nghĩa là được thông dụng thành tiếng Việt và cũng dùng với nghĩa « cong », thì *nao nao* là tiếng điệp âm giảm nghĩa, có nghĩa là « cong cong » hoặc « hơi cong ».

Giáo sư Bửu-Cầm và mấy vị túc nho vùng Nghệ-tĩnh mà chúng tôi đã thỉnh giáo, cũng đồng ý với nghĩa này. Như vậy theo định nghĩa của *Việt-Nam tự-điền* và mấy dịch phẩm dẫn trên, thì từ ngữ *nao nao* miền Bắc không giống nghĩa thông dụng miền Trung và miền Nam sao ?

Lại còn chữ *ghềnh* nữa. Ông Nguyễn-Văn-Vinh dịch là *petit cours d'eau*, *arroyo* « cái rạch nhỏ », *Việt-Nam tự-điền* giải nghĩa : « *ghềnh*, vũng sâu, có nước xoáy mạnh » : « *Dịp cầu nhỏ cuối ghềnh bắc ngang* ». *Đại-Nam quốc-âm tự-vị* của Huỳnh-Tịnh-Của ghi « *gành* » « *Chỗ đá dất gờ gie bên mé biển* ».

Dictionnaire Vietnamien-Français-Chinois của E. Gouin, cũng giải thích gần như thế : « *gành* : Enrochement sur le bord ou au milieu

(1) Cũng viết với (Bộ thủ) 扌, âm và nghĩa như vậy.

du fleuve. » Quý vị tức nhỏ mà chúng tôi thỉnh giáo, cũng hiểu như chúng tôi theo nghĩa của tự vị Paulus Cửa, về tiếng *gành* (ghềnh), là « phần đá nhô ra bên mé sông, mé biển ».

Trong ngôn ngữ Việt-nam cũng có từ ngữ mà hai miền Bắc và Nam hiểu nghĩa khác nhau, như *buôn sỉ*, *bán sỉ* miền Bắc hiểu là « mua bán lẻ », miền Nam, trái lại, hiểu là « mua buôn, mua cả bận, mua soát », vậy tiếng *nao nao* và *ghềnh* của hai câu *Kiều* dẫn trên có ở vào trường hợp này chẳng. Chúng tôi thật rất phân vân, trong khi chẳng có một quyển *tự-diễn Việt-Nam* thật đầy đủ để tra cứu.



Thật không gì phiền phức lộn xộn hơn là trong văn chương, khi trưng dẫn một câu thơ, mà không biết phải chọn theo « thoại » nào. Nhất là khi phải biên soạn một quyển « *Tự-diễn Việt-nam* » hoàn toàn đứng đắn, các vị soạn giả tương lai không biết sẽ quyết định làm sao. Vậy, vì tiền đồ văn học và văn hóa nước nhà, chúng tôi mong ước được thấy một quyển « *Truyện Kiều hiệu-chú* » theo phương pháp khoa học, cũng như các tác phẩm văn chương khác, hiệu chú như kiểu quyển « *Bích-câu kỳ-ngộ* » của ông Hoàng-Xuân Hãn mới xuất bản. Loại tác phẩm hiệu chú này sẽ được cả học giới công nhận, để « thống nhất thoại » và làm căn bản cho nền quốc học Việt-nam.

LÊ NGỌC-TRỤ

THÁNG MƯỜI PHÁT HÀNH SÔNG MÃ BỐN

g i ó m ù a

tiểu thuyết thứ ba của

NGÔ THẾ VINH

ĐẶNG TIẾN

nghệ thuật như một chiến thắng

Yêu một tác phẩm nghệ thuật giống như yêu một người đàn bà ở điểm là mỗi lần yêu chúng ta khám phá ở người tình một trình tiết mới. Yêu một tác phẩm là sáng tạo một trình tiết mới cho tác phẩm.

Một người không thể đọc một tác phẩm hai lần. Cũng như không thể tắm hai lần ở một dòng nước như lời một triết nhân Hy-lạp. Vì ở cuối dự định trở về một tác phẩm, người đọc sẽ bắt gặp một tác phẩm khác : tác phẩm tự nó đã thay đổi ý nghĩa với thời đại, và người đọc tự họ cũng đã thay đổi nhãn quan với thời gian. Niềm vui phóng khoáng mỗi lần khám phá như thế chính là yếu tính của nghệ thuật trong tác phẩm và khả năng lãnh hội nghệ thuật trong độc giả.

Yêu một tác phẩm và yêu một người đàn bà khác nhau ở chỗ đó. Từ đấy sinh ra một hiệu ứng khác : Yêu một người là muốn người ấy thuộc về mình, yêu một tác phẩm là muốn chia tác phẩm ấy với kẻ khác.

Chúng ta yêu Thúy Kiều và Kim Trọng yêu Thúy Kiều bằng hai mối tình không giống nhau.

Vĩ sao? (Tự Đức thích truyện Kiều mà đòi đánh đòn Nguyễn Du, các nhà nho trong nhóm Hữu Thanh khen Nguyễn Du mà chê truyện Kiều; nhóm Nam Phong ca ngợi cả tác phẩm lẫn tác giả; Nguyễn Bách Khoa lại cho rằng Thúy Kiều mắc bệnh ủy hoàng, còn Nguyễn Du mắc bệnh thần kinh nên chê cả hai; và bây giờ thì các học giả mác-xít Hà-nội khen một nửa Truyện Kiều và một nửa Nguyễn Du.)

Nhìn lại con đường hậu thế đã đi qua để dò tìm giá trị của tác phẩm chúng ta thấy một lối vòng chung quanh tác phẩm, và chưa có cuộc hành trình nào thật sự đi vào yếu tính, tức là đi vào mỹ tính của tác phẩm.

Cuộc thảo luận giữa nhóm Nam Phong và Hữu Thanh hồi đầu thế kỷ là mối bất đồng của độc giả về nội dung, và nội dung chưa phải là giá trị của tác phẩm. Có thể cuộc đời Thúy Kiều là đối tượng của Đoạn-trường Tân-thanh nhưng không phải là yếu tính của tác phẩm. Cho đến bây giờ các nhà phê bình vẫn còn nhầm lẫn nội dung với nghệ thuật một cuốn tiểu thuyết, một vở kịch. Nhất là thời Phạm Quỳnh, Ngô Đức Kế, nội dung ấy chỉ thu gọn trong vấn đề luân lý, chánh trị. Như vậy cuộc thảo luận trên không có tính cách văn học mà chỉ là cuộc trao đổi quan điểm chính trị. Sau này Nguyễn-văn Trung tiếp tục cuộc đối thoại đó bằng cách làm nổi bật thực chất chính trị của vấn đề.

Về sau, sự tìm kiếm nội dung xoay sang những tiêu chuẩn triết lý và tâm lý. Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh và gần đây Nguyễn Đăng Thục, Phạm Văn Diêu trên Văn-hóa Nguyệt-san đã đi hết con đường mình đã chọn nhằm: tâm lý và triết lý không phải là bản chất của văn nghệ.

Rồi đến những Nghiêm Toàn, Bửu Cầm tìm tác phẩm chung quanh tác phẩm: sử tính và nguồn gốc của Truyện Kiều. (Vũ Hạnh lại cố gắng làm một việc lạc lõng khác: xét tính cách xã hội của nội dung trong khi xã hội và quan điểm xã hội của Nguyễn Du không phải là truyện Kiều.)

Trước thế chiến đã có một khuynh hướng phê bình lầm lạc mới: khuynh hướng duy vật pha chế với phân tâm học. Cuộc hồi

(Nguyễn Bách Khoa có giải là như thế à?)

phối ngang trái này đã đẻ ra đứa con hoang của tư tưởng Mác-xít là Nguyễn Bách Khoa. Nguyễn Bách Khoa cho rằng truyện Kiều là hậu quả thê thảm của xã hội bệnh hoạn và một cơ thể bạc nhược, và không có giá trị chân chính nào đáng được ghi nhớ. (Nguyễn Bách Khoa có một tư tưởng Mác-xít hơn cả Mác,) nên ngay sau đó, Trường Chinh trên báo Cờ Giải-phóng năm 1944 đã cho rằng « Nguyễn Bách Khoa đã thay thế biện chứng duy vật bằng một lối duy vật thô lỗ, máy móc, đã đổi lối duy vật biện chứng để giả mạo » (1). Mãi đến 1963, giới cộng sản Bắc-Việt vẫn còn miệt thị Nguyễn Bách Khoa; tại Đại-hội Văn-nghệ Toàn-quốc lần thứ ba, Nam Mộc trên diễn đàn Đại-hội đã « bức mình tức giận với những cái lý luận đổi lối Mác-xít vừa phản động vừa lẩn thẩn của Trương Tửu từ xưng là có đầu óc bách khoa » (2). Trong lúc đó thì tại Hà-nội, Nguyễn Bách Khoa đã đòi ý kiến cho là Truyện Kiều rất... hay, lý tưởng Nguyễn Du là Từ Hải, mà Từ Hải là Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ là nông dân, nông dân là Đảng (3). Nhưng Trương Tửu không chuộc nổi cái tội Nhân-Văn Giai-Phẩm nên cách đây mấy tháng Nguyễn Văn Hoàn nhân đề cập đến Truyện Kiều đã gọi Trương Tửu là « phường Tờ-rốt-kít chuẩn từ cực đoan này đến không mấy khó khăn và vẫn khoác bộ áo duy vật biện chứng » (4).

Một lần nữa, đường lối phê bình lại đi lạc vào duy vật biện chứng và phân tâm học thay vì đi thẳng vào tác phẩm.

Giới văn nghệ Hà-nội theo đường lối của chính phủ muốn, lợi dụng tất cả những giá trị cũ để xây đắp xã hội chủ nghĩa, nên cố gắng ca ngợi Nguyễn Du một cách gượng gạo. Đại khái, văn học miền Bắc cho rằng Nguyễn Du là thành phần phong kiến nhưng nhờ có « con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời » (5) nên diễn tả được những khát vọng của nông dân qua nhân vật Từ Hải, « một lãnh tụ khởi nghĩa nông dân hồi thế kỷ XVIII » (6).

(1) Nguyễn Du et le Kiều, 1965, tr. 73.

(2) Tạp chí Nghiên cứu Văn Học số 1 năm 1963, tr. 32.

(3) Trương Tửu, Truyện Kiều và Thời Đại Nguyễn Du, 1956.

(4) Nguyễn Du et le Kiều, 1965, tr. 74.

(5) Chữ của Mộng Liên Đường, Hoài Thanh trích dẫn.

(6) Lịch sử văn học V.N. sơ giản, 1954, tr. 232 của Văn Tân và Nguyễn Hồng Phong.

Do đó
giới
văn
nghệ
miền
Bắc

© LÊ TÙNG CHÂU

Lý luận của các nhà phê bình miền Bắc, từ Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Trương Chính đến Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Khắc Viện, Văn Tân, Lê Trí Viễn đều dựa trên những điểm sau đây :

— Từ Hải mang ít nhiều bóng dáng của Nguyễn Huệ qua nguồn gốc "biên đình bí mật, qua 5 năm ngang dọc...". Mà Nguyễn Huệ là lãnh tụ của nông dân.

— Nguyễn Du rất gần gũi với dân chúng, được dân Nghệ-an mến chuộng, thường lưu tâm đến nỗi cực khổ của vô sản.

— Hình ảnh đẹp nhất của Truyện Kiều là Từ Hải, vậy nếu lý tưởng của Nguyễn Du không phải là triều Tây Sơn, thì tình cảm Nguyễn Du cũng hướng ít nhiều về triều đại ấy.

Vậy từ Nguyễn Du đến Từ Hải, rồi đến Nguyễn Huệ, đến nông dân, giới văn học Hà-nội đã kết luận là truyện Kiều có liên hệ mật thiết với giới vô sản, trên căn bản sáng tạo cũng như trên viễn vọng giải phóng. Nhờ đó mà giới bình dân ưa thích và Nguyễn Du lớn lao ở điểm đó.

Ý kiến này đúc kết những khảo cứu của Hà-nội từ mười năm nay. Và họ đã chuẩn bị lễ kỷ niệm cụ Tiên-Điền vào tháng 11 sắp tới từ ba năm rồi. Hạ tuần tháng 7 vừa qua Viện Văn-học phối hợp với các trường Đại-học Sư-phạm và Tổng-hợp tổ chức một khóa hội thảo chuẩn bị lễ kỷ niệm. Trường Chinh và Hoàng Minh Giám có đến dự hai buổi đầu và cuối.

Kết quả của những khảo cứu ấy được phản ánh phần nào trong bài *Nguyễn Du và Truyện Kiều trong truyền thống dân gian của Lê Văn Hào* đăng trên *Bách Khoa* số kỷ niệm Nguyễn Du vừa mới phát hành. Lê Văn Hào chịu nhiều ảnh hưởng của tài liệu miền Bắc. Nhưng một công trình khảo cứu nếu chỉ đưa đến kết luận rằng *Truyện Kiều* là tác phẩm của giai cấp vô sản thì dù công phu đến đâu cũng không phải là một công trình văn hóa. Từ những tài liệu về làng Tiên-diễn đến giá trị sáng tạo *Truyện Kiều*, khoảng cách còn xa ngàn dặm, xa gấp vạn lần đường hàng không từ Hà-nội sang Paris và từ Paris về tòa soạn *Bách Khoa* khi ông Lê Văn Hào hạ bút kết luận : "Nguyễn Du đã từng đứng về phía nhân dân mà cảm nghĩ

Đang
trên
cay

về thân phận làm người trong thời loạn » (1) thì kết luận ấy đã đi ra ngoài phạm trù mỹ học. Nói như thế không phải là chúng tôi không đồng ý với cái « nội dung nhân dân » của Truyện Kiều : trái lại chúng tôi chấp nhận giả thuyết đó cũng như đã chấp nhận « nội dung độc dược » theo Ngô Đức Kế, « nội dung phật giáo » theo Trần Trọng Kim, « nội dung phong kiến » theo Nguyễn Bách Khoa, « nội dung hiện sinh » theo một bài trên báo *Đại Học* xuất bản tại Huế. Vì những khảo luận đó đều góp ánh sáng vào giá trị truyện Kiều, tuy chưa phải là giá trị của tác phẩm. Chúng tôi chỉ dè dặt đối với quan điểm của ông Nguyễn Hiến Lê trên cùng một số *Bách Khoa* : « muốn định giá trị cho đúng thì không thể quên chỗ dụng tâm của tác giả ». Hai vấn đề được nêu lên : tác giả có dụng tâm thật không ? Và làm sao biết được dụng tâm đó ? Nghệ thuật không phát sinh từ một dụng tâm, mà chỉ là thể hiện tiềm thức sáng tạo của con người, vai trò của ý thức chỉ là sắp xếp. Nếu quả thật Nguyễn Du có dụng tâm gì thì ông đã không là thi sĩ mà sẽ đầu thai làm người khác mất thôi !

Chúng ta có thể nghi ngờ thiện chí văn nghệ Trường Chinh và các đồng chí của ông khi đề cập đến truyện Kiều, nhưng không thể nghi ngờ thiện chí của Ngô Đức Kế, Trần Trọng Kim, Lê Văn Hảo, Nguyễn Hiến Lê, và nhất là Vũ Hạnh. Vũ Hạnh phản đối lối dùng cái thước ngày nay để đo một tác phẩm cổ văn rồi chê ngắn chê dài. Vũ Hạnh đặt Nguyễn Du trở lại thế kỷ XVIII : « có những điểm thuộc về nội dung tác phẩm người ta vẫn có thể trách Nguyễn Du một cách hữu lý đến nỗi nếu thi hào sống lại, hẳn người rất vui vẻ tán thành » (2).

Lạy phật, lạy chúa đừng cho hương hồn Nguyễn Du sống lại. Phê bình đối tượng của nghệ thuật, bối cảnh của tác phẩm không phải là phê bình nghệ thuật, phê bình tác phẩm, nhưng rất có ích cho việc tìm hiểu giá trị tác phẩm. Chúng ta có thể đồng ý với Hà-nội rằng truyện Kiều có yếu tố nhân dân, nhưng không phải vì thế mà nó hay. Bằng cứ là thử hỏi tại sao Trường Chinh lại

(1) *Bách Khoa*, số 209, tr. 23.

(2) Vũ Hạnh, trong bài diễn thuyết về Kiều ngày 5-9-65 tại trường Quốc Gia Âm Nhạc, trích đăng, (*Bách Khoa* số 209).

thích truyện Kiều thay vì mê thơ Tố Hữu, tại sao Hồ Chí Minh yêu cầu văn sĩ đừng dùng chữ Hán mà lại thích thơ Đường, và tại sao Marx thích Phidias, Shakespeare hơn Courbet, Zola, tại sao Lénine thích Tchekov hơn là Maiakovsky. Xin thừa rằng vì tác phẩm này hay hơn tác phẩm kia tuy là có ít yếu tố vô sản hơn ! Và cũng vì lẽ đó mà « nhân dân » thích truyện Kiều hơn là truyện Tấm Cám hay Thạch Sanh Lý Thông.

Chúng ta cũng có thể đồng ý với Trần Trọng Kim là truyện Kiều chuyên chở nhiều tư tưởng phật-giáo. Nhưng nếu truyện Kiều hay vì những tư tưởng đó thì tại sao Trần Trọng Kim không chú thích kinh Phật hay truyện Quan Âm Thị Kính ?

Và có thể là Nguyễn Du mắc bệnh thần kinh, Thúy Kiều mắc bệnh ủy hoàng theo lối phân tâm của Nguyễn Bách Khoa ; cũng như ta đồng ý là Baudelaire có thể mang mặc cảm loạn luân, Hugo mang mặc cảm sát huynh, Dostoiesky bị ám ảnh hiệp dâm, Vinci bị ám ảnh điều ó, Tolstoi có mặc cảm Narcisse, Balzac bị ám ảnh ma quái, nhưng làm thế nào những ám ảnh, mặc cảm đó trở thành nghệ thuật ?

Tóm lại chúng ta đã có những khảo cứu triết lý, xã hội, ngữ học, tâm lý, phân tâm, địa lý, lịch sử, kỹ thuật, đạo đức... về truyện Kiều ! Sự góp công đó là một thừa thải hữu ích cho việc tìm hiểu giá trị của tác phẩm, nhưng cho đến bây giờ, vẫn chưa biện minh cho giá trị nghệ thuật đó. Ngoài giá trị ấy những cái còn lại đều là văn chương. Hoặc đều là chính trị để làm vừa lòng Đặng Thái Mai.

Khi ở quê hương, giá trị chưa được xác định, thì Đoàn-trường Tân-thanh đã chinh phục một số độc giả càng ngày càng đông đảo ở hoàn cầu. Nói đến văn học Việt-nam, văn giới quốc tế đều biết Nguyễn Du và chỉ biết Nguyễn Du. Tác phẩm và tác giả đều có tên trong hầu hết những từ điển văn liệu lớn của thế giới. Và trong các từ điển đó, chỉ có một tên Việt-nam. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, đã được nhiều học giả chú ý và phân tích (1).

(1) Truyện Kiều đã được dịch ra :

— Tiếng Pháp : Thu Giang, Paris 1915. Crayssac Hà-nội 1926. Nguyễn Vinh Hà-nội 1942. Xuân Việt, Xuân Phúc, Paris 1961. Nguyễn Khắc Viện, Hà-nội 1961.

Riêng phần chúng ta, chỉ mới nói chuyện chung quanh tác phẩm chứ chưa góp một ý niệm nào quyết định về giá trị của tác phẩm được xem như là tiêu biểu cho xứ sở.



Tôi lại muốn góp thêm một lời thừa thãi cần thiết vào cái vốn thừa thãi còn thiếu sót chung quanh nội dung Truyện Kiều. Nội dung đó đã có một đời sống riêng tư, năng động ngoài tầm quyền của tác giả. Nói khác đi, tác phẩm đã sống với con người qua từng giai đoạn để bắt gặp thời đại chúng ta trong cuộc khủng hoảng văn minh tàn khốc, tương tự như sự suy đồi của xã hội Việt-nam vào cuối thế kỷ XVIII.

Trong những suy tàn, thường nổi bật hình ảnh bi thiết của con người. Chỉ có trong những suy tàn đó con người mới nhận ra khuôn mặt bi thảm của mình sau khi những sương mù của ảo giác đã tan biến. Thời đại chúng ta đã trưng một bằng chứng cụ thể sau khi xé toạc những huyền thoại hào nhoáng. Cuộc sống trước hết là một thực trạng phi lý. Điều đó nhiều người nói rồi, nhưng nhiều người khác của hậu thế cũng sẽ còn nói nữa. Không phải cuộc sống lênh đênh của Thúy Kiều, của Nguyễn Du là phi lý, nhưng tất cả mọi cuộc sống đều phi lý "Không có cuộc sống nào đáng sống cả, lỡ sống thì phải chấp nhận cuộc sống", nói như một nhân vật kịch của Vũ Khắc Khoan. Không phải khi gặp gia biến Thúy Kiều mới sống bi thảm; trước đó, lần đầu tiên chọn phỉm đàn, nàng đã chọn cung

— Tiếng Anh: Lê Xuân Thủy Saigon 1961.

— Tiếng Trung-hoa: Hoàng Giát Căn Bắc-kinh 1959.

— Tiếng Nhật: Aoi Komatsu, Tokyo 1949

— Tiếng Tiệp: Gustav Franek, Prague 1957.

— Tiếng Đức: Franz Faber et Inère, Bá-linh 1965.

— Tiếng Ba-lan: Maria Kurecka (trích dịch).

Ngoài ra còn có những khảo luận bằng tiếng Nga của Nikouline (1959), tiếng Ý của Coedes (1957) v...v...

Bản kê khai còn nhiều thiếu sót này chỉ nhằm gợi một ý niệm về sự phổ biến của tác phẩm trên thế giới.

bạc mệnh, vì cuộc đời, một cách tiên thiên, là một thảm kịch. Sự hiện hữu đã phi lý từ khi hai tinh trùng gặp nhau, và nếu chúng không gặp nhau, thì lại càng phi lý hơn nữa. Nỗi đoạn trường thật sự không chấm dứt sau mười lăm năm lưu lạc ; Thúy Kiều ý thức sâu sắc điều đó nên không tái hợp với chàng Kim, vì đời một phi lý cô đơn lấy một phi lý lứa đôi chỉ làm việc chồng một thảm kịch này lên thảm kịch khác. Cuộc đời khi chấm dứt vẫn không chấm dứt được thảm kịch ý thức ; sự phi lý vẫn còn trơ trọi ra đây.

Nếu xem sự cấu tạo và hình thành cuộc sống như một ngẫu nhiên thì con người là một nô lệ. Nào phải một mình Thúy Kiều nô lệ cho số mệnh đa đoan, con người nói chung đều nô lệ, chỉ khác ở mức độ sáng suốt và can đảm của ý thức. Néron chắc phải chán nản lắm mới đốt thành La-mã để mà chơi ! Con người chấp nhận có một Thượng-đế, một Thượng-đế không toàn chân, toàn thiện và toàn mỹ nhưng lại toàn năng. Thảm khốc là chỗ đó. Con người trước Thượng-đế không những không được chọn lựa cuộc sống mà còn không được chọn lựa cái chết. Thúy Kiều hiến thân cho con người bị bắt buộc phải sống, và phải sống trong cuộc khổ sai vô vọng. Thà không có Thượng-đế còn hơn có một trời xanh ghen với khách má hồng. Kiều tha cho Hoạn-thư không phải vì họ Hoạn khôn ngoan, nhưng đến Trời Đất còn ghen với kẻ tài tình thì trách chi một Hoạn-thư đã kém tài kém sắc lại bị cướp chồng.

Con người, sản phẩm ngẫu nhiên, không thể có tương quan nào với ngoại nhân và ngoại cảnh. Con người là kẻ tử tội cô đơn. Cô đơn với người khác : Viên-ngoại không hiểu nỗi cô con gái "mua nảo chuốc sầu" từ những giấc mơ, Vương Quan và Thúy Vân không hiểu nỗi người chị dư nước mắt, Kim Trọng không hiểu nỗi những bậc tiêu tao của cung đàn bạc mệnh thì làm sao khách làng chơi hiểu nỗi Thúy Kiều, dù kẻ ấy có là Thúc Sinh hay Từ Hải ? Sự cô đơn trong ngoại cảnh Nguyễn Du đã làm nổi bật trong mười lăm năm lưu đày xa xứ. Thật ra, người ta có thể bị lưu đày trong phòng ngủ của người yêu, nhưng cảnh ngộ chân trời góc bể bơ vơ là một ký hiệu giữa Thúy Kiều với khung cảnh Lâm-truy, Vô-tích, Châu-thai, Tiền-đường, không có một liên hệ nào cả. Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia, toàn là những nọ với kia xa lạ, ghề lạnh.

hững hờ. Nhưng cho đến địa ngục thiên đàng là đâu Thúy Kiều còn không còn biết đến thì nói gì Vô-tích với Lâm-truy ! Dĩ nhiên là Thúy Kiều vẫn nuôi dưỡng trong lòng hình ảnh của quê hương và hy vọng ngày về, nhưng mười lăm năm cay đắng đã dạy cho nàng quê hương con người chỉ có hư vô. Chính bài học đó, đã khiến Thúy Kiều do dự khi phải rời am mây của Giác Duyên trở về hiên Lâm-thúy.

Vận chuyển biến chứng giữa hiện hữu và hư vô tạo tâm trạng lưu đày như một hợp đề : ý thức lưu đày là một ý thức không có tương quan. Giật mình mình lại thương mình xót xa... Khi sao phong gấm... Giờ sao tan tác... Mặt sao dày dạn... Thân sao bướm chán... Phút giật mình là phút bùng tỉnh của ý thức trước một thế giới vô nghĩa. Con người lạc loài, xa lạ, chia lìa khỏi ngoại cảnh, và tự tra tấn, tự dọa dẫm để ngụy tạo một ý nghĩa cho hiện hữu.

Như vậy, những dọa dẫm thân xác chỉ là cơ hội cho con người tư duy ; cảnh Kiều bị đánh đập tàn nhẫn, cảnh máu rơi thịt nát tại nhà Tú-bà, tại phủ đường tại nhà Hoạn-bà là những cái có, cũng như khối đá của Sisyphe là cái có cho sức lao tác vô ích. Những cái có để nói lên rằng, trong một thế giới phi lý, con người là một thân phận nhục nhẽ.

Những trận đòn là mối ô nhục của thể xác, cũng như bài học vánh ngoài bảy chữ là ô nhục của trí thức, cũng như tiếng đàn tại nhà Hoạn-thư trước mặt Thúc-sinh là ô nhục của tình cảm. Con người là mối ô nhục lớn nhất của tạo hóa, con người phải quỳ lạy Tú-bà, phải chửa ngay đến "tấm lòng trinh bạch", phải cảm miêng trước những phản bội của Sở-khanh, con người thanh lâu hai lượt thanh y hai lần, phải đàn hát giữa đám ma chồng, con người đó là hiện thân của những nhục nhẽ của kiếp người. Không phải của riêng Nguyễn Du hay Thúy Kiều, mà của con người biết vâng biết dạ nói chung.

Chịu tất cả những dọa dẫm, con người hiện hữu là kết quả của một tình trạng tha hóa thảm khốc. Hình ảnh con người tha hóa điển hình là kẻ sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tráng Khanh. Làm đi. Nguyễn Du đã khơi giòng ý thức đi thỏa cho văn chương Việt-

Sau này, cô gái giang hồ sẽ đầy dẫy trong tác phẩm Nhắc Linh, Vũ Trọng Phụng, Lê-văn Trương và sẽ mang tên Siu trong Mác Đổ, tên Huệ trong Nhật Tiến, tên Kim, Ngân trong Thao Trường, tên Tư trong Thanh Tâm Tuyền và hằng chục tên khác trong Dương Nghiễm Mậu. Làm người tức là làm đi với cuộc đời, không hơn, không kém, cũng như làm vua là làm đi với chính trị, viết văn là làm đi với nghệ thuật, trốn đời là làm đi với tôn giáo. Luân lý xã hội chỉ kết tội những kẻ làm đi bằng thề xác, nhưng bản án này không dựa trên một biện chứng duy lý nào vững chắc cả, ngoài sự phòng ngừa vệ sinh công cộng. Nói như thế để chứng tỏ sự tha hóa của ý thức cá nhân, ý thức dân tộc và ý thức văn minh. Thực chất của cái hỗn tạp gọi là văn minh, xây dựng trên một giải đất phù sa của những "con Rồng cháu Tiên" là gì nếu không là một sự tha hóa? Huyền thoại con Rồng cháu Tiên là mặc cảm của những kẻ hình thành qua những cuộc ái ân bất ngờ và ngẫu nhiên. Sự tha hóa đã bắt đầu từ khi trứng rồng không nở ra rồng mà nở ra làm người ta, chứ không phải khi Kiều bán mình cho Mã Giám Sinh. Đoạn Trường Tân Thanh không phải chuyện của nhà họ Vương, của Nguyễn Du, hay của xã hội Việt-nam cuối thế kỷ XVIII, mà là chuyện một sinh vật gọi là người.

Thúy Kiều là một cô gái lầu xanh với đầy đủ cái vinh cái nhục, cái đẹp cái xấu của con người làm đi. Không nên trách hai hàng nước mắt hai làn sóng, nửa đám ma chồng nửa tiệc quan, vì đó là sở trường của cô gái làng chơi. Kiều có yêu Thúc Sinh cũng chỉ yêu bằng thứ tình càng sâu nghĩa bề càng dài tình sông, chữ sâu và dài hiểu theo nghĩa đen nhất (có lẽ Freud đọc câu này sẽ thú lắm). Và Thúy Kiều chỉ đẹp tuyệt vời trong cảnh bèo nổi mây chìm đó, bắt đầu từ khi trình diện với Mã Giám Sinh. Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai. Sắc đẹp của nàng phát triển đến tột độ khi gặp Thúc Sinh tại lầu Ngưng-bích.

Nguyệt hoa hoa nguyệt nào nùng

Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chẳng.

Và Từ Hải vì gặp Thúy Kiều ở Châu-thai mới phải mê mẩn điều đứng, chứ gặp ở hội đọ thanh thì không đến nỗi phải chết.

đứng giữa trận tiền. Như vậy cái vinh và cái nhục là hai đũa con song sinh của một kiếp người bị tha hóa, mà điển hình là kiếp gái giang hồ. Hình ảnh cô gái giang hồ trong văn nghệ hiện đại là âm ảnh vừa của sinh lý vừa của đạo lý, tượng trưng những đòi hỏi của bản chất con người trước sự từ chối của thực tế.

Con người vừa bị lừa gạt làm người vừa bị từ chối làm người, đã phải chọn một thái độ nguy tín. Thúy Kiều, con người Hoạn-bà gọi là phường trốn chúa lộn chồng đã đánh cắp chuông vàng khánh bạc, đã dối Giác Duyên, đã lừa Từ Hải, đã dụ Hồ Tôn Hiến, con người đó chỉ là sản phẩm của cuộc sống. Thái độ nguy tín ấy, đặt vào một thế giới bội phản là những thái độ tự nhiên, thường tình. Nếu luân lý tạo ra cái xã hội của nó thì xã hội cũng tạo ra cái luân lý của nó; hai thứ luân lý uyên nguyên và luân lý hậu quả tương phản nhưng lại bổ túc cho nhau; phản đạo đức, như vậy thái độ tín và nguy tín chỉ là hai khía cạnh của một nhân bản, nhân bản của con người vừa bị lừa gạt làm người và từ chối làm người.

Nói tóm lại, con người trong Đoạn Trường Tân Thanh là con người phi lý, nô lệ, cô đơn, nhục nhã, lưu đày, tha hóa, gian dối. Truyện Kiều là ý thức bi đát của thân phận làm người. Nhưng giá trị Truyện Kiều không dừng lại ở ý thức bi đát đó.

Nghệ thuật không thể cứu rỗi con người trong lịch sử, trong xã hội, mà chỉ nhằm tạo cho con người một quê hương khác. Từ thảm trạng của thân phận, nghệ thuật tạo nên chiến thắng của con người. Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho những giòng nước mắt, và biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên. Bằng những chiến công oanh liệt. Nguyễn Công Trứ không cứu nổi con người thế kỷ XIX, mà bằng những bài hát nói, ông đã dựng lên giá trị con người. Nguyễn Khuyến không phục vụ chúng ta bằng cách tăng gia sản xuất nông phẩm, mà phục vụ chúng ta bằng những trời thu xanh vô tận. Cũng như Delacroix, Courbet phục vụ nhân loại bằng hội họa chứ không phải bằng cách tham gia nền Cộng-hòa hay phong trào Công-xã Pháp.

Sáng tạo được vẻ đẹp của những kiếp đoạn trường. Nguyễn Du đã tạo một niềm tin mới cho con người, tạo ý thức của những giá trị cao cả tiềm tàng trong cuộc sống.

Nghệ thuật hóa thẩm kích thân phận là khơi nguồn vui vô tận cho con người xét dưới khía cạnh đó, cái đẹp là vinh dự của kẻ thất bại, và nghệ thuật là một chiến thắng.



Như vậy vũ trụ thi ca của Truyện Kiều là một vũ trụ khác, không chịu những quy luật của không gian và thời gian, mà chỉ chịu khuôn khổ của ngôn ngữ. Điều đó không có nghĩa thơ là sản phẩm của ngôn ngữ ; cũng như hội họa không phải là sản phẩm của màu sắc và kiến trúc không phải là sản phẩm của gạch ngói.

Ngôn từ có công dụng của nó, nhưng thi ca xử dụng ngôn từ vào một đối tượng khác, nghĩa là sáng tạo một ý nghĩa mới cho ngôn ngữ. Nghĩa là ngôn từ đã thay đổi yếu tính khi đi vào thế giới của thi ca, cũng như màu xanh, đỏ trong một họa phẩm từ bản chất, không còn là màu xanh, đỏ của những ngọn đèn đường ở các ngã tư.

Vũ trụ Truyện Kiều là một chân trời rộng. Thảm cỏ non phải *xanh rợn chân trời*, con đường khuya phải *ngắt tạnh mù khơi*, màu của rừng thu phải là *màu quan san*, khung trời thương nhớ phải *gợn áng mây Tần xa xa*, đến túp lều cỏ bên sông Tiền-đường cũng phải là *một gian nước biếc mây vàng chia đôi*... Nhân tuyến Nguyễn Du càng xa hun hút, linh hồn ông còn tê lạnh trong niềm run rẩy của một linh hồn nhỏ bé. Thế giới rộng là một thế giới trống và lạnh, khiến con người *phần e đường xá phần thương dãi dẫu*, nhưng vẫn bị quyến rũ, lôi cuốn. Nguyễn Du ném nhãn tuyến giang hồ vào không gian, và chính nhãn tuyến đó đã vạch đường chân trời cho bước chân lưu lạc của nàng Thủy.

Vũ trụ rộng và trống gồm có nhiều *dặm cát, đôi cây*. Sự hoang vu của *cát vàng cồn nọ* là hình ảnh một trái đất từ chối cuộc sống, một trái đất mà con người chỉ đi ngang qua chứ không dừng lại. Hình ảnh những bãi cát mênh mông của miền duyên hải Trung-Việt đã ăn sâu vào tiềm thức Nguyễn Du. Chiều rộng của những bãi cát là vũ trụ khách thể, xa lạ và đối lập với con người.

Bên cạnh đó, những rừng thu từng biếc chen hồng là một thiên nhiên chấp nhận cuộc sống, nuôi dưỡng cuộc sống trong giới hạn thời gian nhất định. Những dặm vi lô hiu hắt những bờ liễu loi thôi, rừng phong quan tái là môi giới giữa con người và vũ trụ, trong vận chuyển biến chứng của thiên nhiên. Nhân quan Nguyễn Du phân biệt trong vũ trụ đầu là địa phận con người. Cảnh màu xanh tơ liễu bên cầu, gió cây trút lá, mây ngàn dâu xanh xuất hiện trong Truyện Kiều những giờ chia phôi, những lúc tâm hồn phân tán, những lúc bước chân ngập ngừng ở biên giới của trần thế và hư vô. Nguyễn Du muốn thu nhận cả chân trời nhân loại bằng cái nhìn phơi trải trong hình ảnh non phơi bóng vàng, cái nhìn đo lường kích thước cuộc sống ngày ngày thăm thẳm chân trời dăm dăm. Một cái nhìn, xác định vị trí, tầm sống và biên giới, đề sống trọn vẹn tầm sống của mình từ vị trí là bản ngã đến biên giới là mệnh số.

Phải nói là nhân vật Nguyễn Du mở thao láo đôi mắt đề nhìn suốt qua thế giới hữu hạn. Đôi mắt, làn thu thủy nét xuân sơn sáng suốt và trong suốt, cắt dăm ngoại cảnh trên nền hư không: cành lê trắng điểm, lúa lựu lập loè, giềng vàng đã rụng một vài lá ngô. Ánh sáng phải trong trẻo dưới bầu trời đầu thu biêng biếc:

Trông chừng khói ngát rong thưa

Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ xác vàng

Điều đó không có nghĩa là trong Truyện Kiều không có ảo giác của thị quan. Cũng có ảo tưởng vàng gieo ngân nước, thành xây khói biếc, hoa lê lại gần, sen vàng lãng đãng.. Nhưng Nguyễn Du nhận thức những ảo giác đó không phải như một thực tại, mà như một ảo giác. Cái nhìn của ông soi mói đến tận ngó ý tơ lòng, nhận định rõ rệt những thực tại bạc phau cầu giá đen rậm ngàn mây. Do đó những đêm truyện Kiều là những đêm sáng, vì nhân vật tìm những điểm sáng để nhìn thao láo: nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời... Lối mòn ổ nhợt màu sương...

Trăng là ý thức của bóng tối và là lương tri của Thúy Kiều. Thứ lương tri bắt Thúy Kiều phải thấy trăng mà thẹn; lương tri bừng tỉnh giữa hôn mê với ánh trăng, ở chung với ánh trăng như

@LÊTUNGCHAU

về non xa ở lâu Ngưng-bích, trần trọc với ánh trăng nửa soi già
chiếc những đêm vật mình thao thức. Bầu trời nàng Thúy có hai
ánh trăng: trăng của dĩ vãng soi kỷ niệm để tìm những cái mốc của
thời gian, trăng của ý thức hoài niệm; và ánh trăng thứ hai soi con
đường đang đi tới, soi những dặm cát đôi cây, những ánh trăng
ngàn ngăm gương để rơi vào ý thức dự phóng, để vạch lối thoát
trong không gian. Thế giới Nguyễn Du lúc nào cũng trong suốt.
Ánh nắng buổi chiều là cái nhìn ra không gian, ánh trăng khuya là
cái nhìn vào nội giới. Hai tia sáng hội tụ vào ý thức giúp Kiều nhận
định rõ rệt chân tướng của định mệnh.

Bây giờ rõ mặt đôi ta

Biết đâu rằng nữa chẳng là chiêm bao

Không phải Thúy Kiều bi quan tin bói toán, tin ma quái mà
nói như thế; từ cái thực tế một dày một mỏng nàng có thể suy
đoán kết quả mối tình với Kim Trọng, nhưng nàng vẫn yêu. Nghĩ
thuật là chiến thắng của một nhân loại biết yêu mà không cần tin
tình yêu.

Thúy Kiều chọn kiếp xương trắng quê người là để thí nghiệm
cái hữu hạn trong tầm sống con người. Thái độ dẫn thân vào số
mệnh là cần thiết để thí nghiệm giá trị con người qua giá trị của
hồng nhan. Đêm khuya thân gái dặm trường: Hồng nhan là một thử
thách của thân phận làm người trong thời gian và không gian.
Nguyễn Du đã chấp nhận cuộc thử thách và đẩy Thúy Kiều vào
con đường bạc mệnh.

Ma đưa lối quỷ đưa đường

Lại tìm những lối đoạn trường mà đi

Không ma không quỷ nào cả, đoạn trường là con đường Thúy
Kiều tự chọn, và tự chọn một cách bình tĩnh. Đoạn Trường Tân
Thanh là một con đường, bắt đầu từ con đường sang nhà Kim
Trọng xăm xăm băng lối vườn khuya rồi đến một xe trong cõi hồng
trần... Lối mòn cỏ nhạt... Mịt mù dặm cát... Con đường đi chông
bao nhiêu ý niệm nhắm mắt đưa chân... phận bèo bao quản... hững
yên quấy gánh... gươm đàn nửa gánh... lên ngựa chia đôi... hững
hững nhẹ cuốn...

Những hình ảnh *vó câu, bánh xe tràng đình, đoàn đình, quan san, quan tái...* đều đồng qui vì hợp đề *con đường*. Con đường vừa là một phương tiện vừa là, một cấm đoán : ở đâu có con đường là ở đó con người có thể đi tới, nhưng không thể tách ra khỏi một lối đã vạch sẵn. Con đường do đó vừa giải phóng vừa câu thúc con người, vừa phát huy nhân tính vừa hủy diệt cá tính. Con đường là phương tiện tự thức mà cũng là phương tiện tha hóa.

Đường còn là *lối* là *nẻo* : *lối mòn cỏ nhạt... xăm xăm đề nẻo Lam-kiều*. Nhưng đường là một trong những đường, có thể chấp nhận một sự vật đồng dụng trong khi lối có tính cách độc đạo : trước một lối, con người tưởng là chọn lựa nhưng kỳ thật là bị chọn ; lối là một giải pháp nhưng là một giải pháp duy nhất. Vậy cần phải hỏi lại Tam-hợp Đạo-cô : có lối nào mà không là lối đoạn trường ?

Lối là một trong những đường, nhưng đường không phải là một trong những lối. Còn *nẻo* là những cơ hội mong manh, khiếm tốn, những đơn đạo phiêu lưu ; *nẻo* có thể vắn tắt, đợi những người thoát ly vội vã... Và tất cả đường, *nẻo*, lối, dặm... đều đưa con người ra khỏi một giới hạn bằng cách gò bó con người vào giới hạn khác, vượt biên giới ngang để dò theo biên giới dọc. Đó là hình ảnh tâm sống hữu hạn của con người.

Nguyễn Du muốn nhìn thấu suốt giới hạn đó để làm chủ bước chân, dù những khi *cũng liều nhắm mắt...*, muốn chủ động trong phạm trù thụ động. Từ ý hướng đó, vũ trụ Nguyễn Du sợ những âm thanh. Mỗi lần có tiếng động trong Truyện Kiều là một lần tai ách : *sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xáo khi qua biển. Tiếng người dẫu đã mái sau dấy dàng khi Sở Khanh rẽ lối, ầm ầm khóc quý kinh thần khi Ưng, Khuyển ra tay*. Những âm thanh dù nhẹ nhàng như tiếng chim, cũng trở thành nhức nhối với Nguyễn Du : *Con oanh học nói, quỳên nhạt nhận thừa, nghe chim như nhắc*. Còn thiên nhiên thì đến với thính giác trong cơn *đùng đùng gió giục, ầm ầm tiếng sóng*. Thúy Kiều bị âm thanh ám ảnh đến nỗi phải hốt hoảng khi *vó ngựa Từ Hải khải thắng trở về...* Giai đoạn âm 1 nhất Truyện Kiều vang dội bóng cờ tiếng lạt, trông châu đại doanh, om

@LÊTÙNGCHÂU

thòm trộm tràn, rập rình nhạc quân... Những âm thanh không khốc hại nhưng cũng không êm ái. Còn tiếng đàn của Thúy Kiều? Phải nói những tiếng sắt tiếng vàng chen nhau là những âm thanh người ta nghĩ đến chứ không phải là nghe thấy. Sở dĩ trong Truyện Kiều tiếng động chống lại con người vì thính giác là cơ quan thụ động, không muốn nghe cũng phải nghe. Nguyễn Du chỉ chấp nhận ngoại giới trong những phạm vi ông có thể từ chối ngoại giới đó. Ngoại giới chỉ dành cho con người một khoảng biên tế hữu hạn, thì ngược lại con người cũng chỉ dành cho ngoại giới một cái lẽ tương tự.

Nói tóm lại Đoạn Trường Tân Thanh là thí nghiệm hữu hạn của Nguyễn Du và nghệ thuật là chiến thắng trong thí nghiệm đó.

★

Trong địa phận do Định-mệnh kiểm soát con người dựng lên một Định-mệnh khác là nghệ thuật. Nghệ thuật biến thân phận con người thành một niềm vui mới, dựng cái đẹp lên trên oan khiên của cuộc sống. Nguyễn Du cướp lại quyền tự do trong tay Thượng-đế khi nói được câu *Đục trong thân vẫn là thân*. Nguyễn Du bôi xóa quyền uy thời gian khi nói được rằng *hoa tàn càng lại thêm tươi, Trăng tàn mà lại thêm mười rằm xưa*.

Vẻ đẹp của nụ hoa hàm tiếu là chiến thắng của thiên nhiên; vẻ đẹp của một đóa *hoa đã lìa cành* là chiến thắng của con người là nhiệm vụ của nghệ thuật. Hiểu theo nghĩa đó, trước những từ chối của số mệnh, nghệ thuật là một chiến thắng. Trong lúc Việt-nam kỷ niệm Tổ Như, thì thế giới tổ chức kỷ niệm Dante. Tôi thấy một tình cờ có nhiều tương quan và đôi dào ý nghĩa. Dante và Nguyễn Du, đối với chúng ta là của lịch sử, là của một thể giới vật chất khác. Cả hai đều sống chung số phận cùng quần của những thiên tài bị ngược đãi. Dante một người tình tuyệt vọng, một học giả dang dở, một chính trị gia thất bại, một tông đồ bị chối bỏ, một người yêu nước bị xua đuổi. Cũng không hơn gì Nguyễn Du. Nhưng nghệ thuật của họ đã vươn ra khỏi vùng trọng lực để tỏa

hợp biện chứng của thực thể và siêu thể, của thời gian và vĩnh cửu. Nghệ thuật của họ dựng nên một thái dương hệ song song với vũ trụ đề vạch chiều hướng cho những hành tinh mới. Tác phẩm của họ là một sự nghiệp luyện kim để gạn lọc vàng thau; từ khoáng chất của thực tế, họ đã dùng nhiệt lượng tinh thần lấy ra kim loại và tiếng nói của họ ngân vang, cứng rắn và bất diệt như một chất hợp kim chói sáng.

Giá trị truyện Kiều là ánh sáng của nó chứ không phải là thành tố của nó. Ánh sáng đó là niềm tin của ngôn ngữ, của con người, bên ngoài vi tuyến của định mệnh và kinh tuyến của lịch sử. Địa dư mới của tâm hồn có đạo lý và pháp luật riêng, cho phép một cô gái lán lóc mười lăm năm ở chốn lầu xanh được đồng đặc nói lên :

Chữ Trinh còn một chút này

Nói một cách đồng đặc, tự hào, danh thép, vì đây là tiếng nói của nghệ thuật, của chiến thắng.

Và chiến thắng chính là cái gì còn lại khi vị tướng quân chết đứng giữa trận tiền; cũng như vẻ đẹp là cái gì còn lại khi một cánh hoa đã tan tác giữa đường, chung thủy là những gì còn lại khi người đàn ông đã chấp nối tơ thừa, tiết trinh là những gì còn lại khi người đàn bà đã bị vùi dập trong chốn thanh lâu, và tình yêu là những gì còn lại khi con người đã quên nhau, hạnh phúc là những gì còn lại sau khi con người đã oan khổ.

Đề nói rằng nghệ thuật là những gì còn lại khi định mệnh bị bôi xóa.

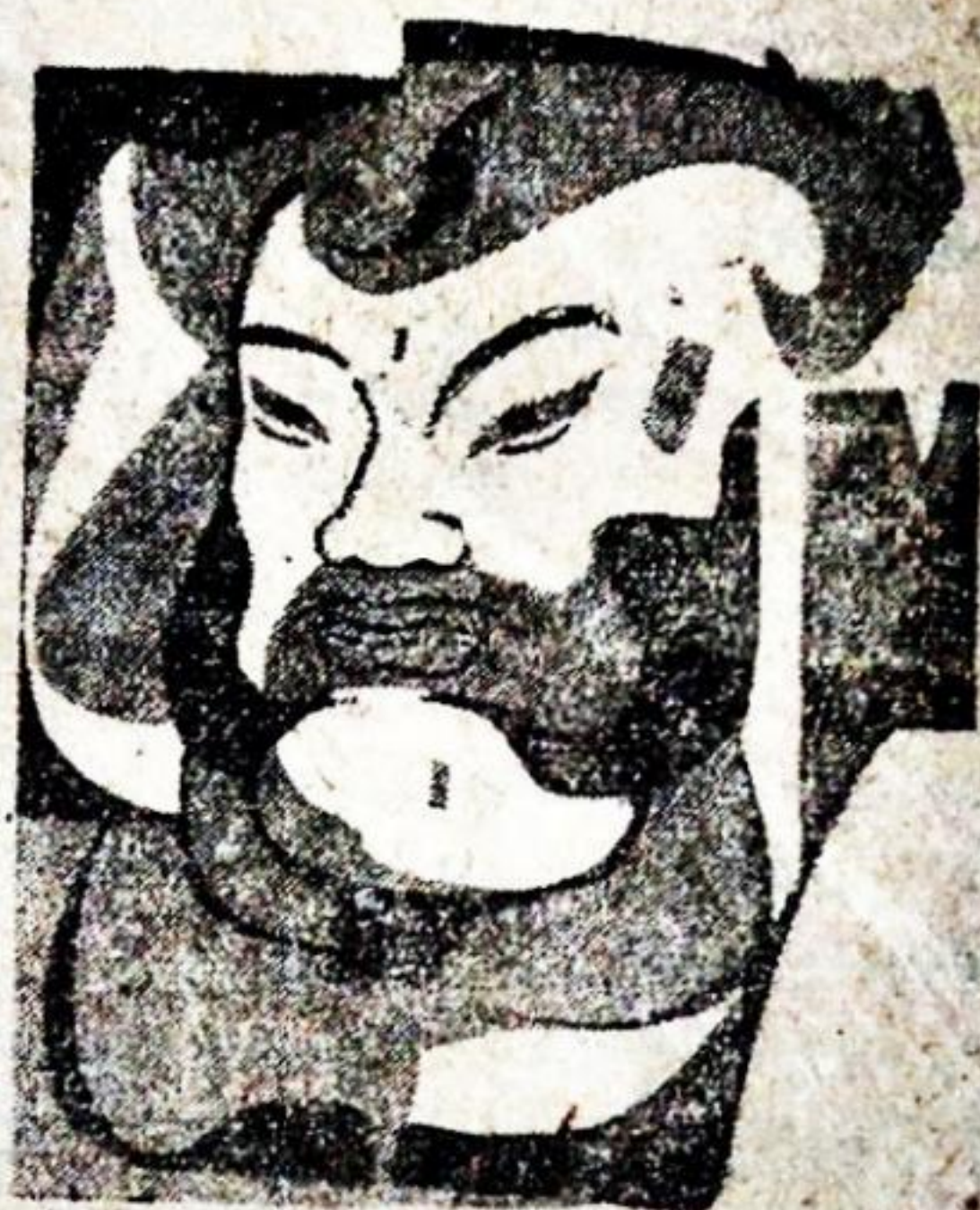
ĐẶNG TIẾN

VĂN số 45

FRANÇOISE SAGAN

Từ Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng (*)

● truyện của DƯƠNG NGHIỆM MẬU



Bỏ thân về với triều đình
Hàng thần lơ lảo phận mình ra dân ?
Áo xiêm đùm bọc lấy nhau
Vào luôn ra cái công hầu mà chi ?

Từ đứng lên, vươn vai mệt mỏi, Kiều ngồi dưới thềm ngửa mặt lên hỏi : —

— Tướng quân đi đâu, đêm vui chưa hết nửa cuộc.

Từ im lặng vuốt áo ra khỏi sảnh đường. Tiếng đàn hát vẫn còn quẩn quít chạy theo. Đêm đã khuya, cảnh tịch mịch chùng xuống khu thành. Thế là chỉ đêm nay nữa, mai thành này, quân này sẽ chẳng còn ở trong tay. Một thân vâng vấp dọc ngang, làm vua một cõi chỉ còn là một tên quan ngày ngày cúi lưng nơi thềm rồng bệ ngọc. Giây phút Từ thấy băng khuâng buồn như sắp mất đi một cái gì lớn lắm... chắc chẳng bao giờ chàng lấy lại được nữa.

Một mình, Từ dạo qua những nơi quen thuộc, quân lính đều đã ngủ say, chỉ còn một vài tên lính canh đi lại dằng dề oải mệt

(*) Xem từ số 43.

nhọc. Từ qua kho lương, xuống chuồng ngựa... rồi theo bậc thang leo lên mặt thành. Đêm bao la chụp xuống cả một vùng đồi núi, trong thành đêm nay nhiều ánh đèn hơn mọi đêm, trại quân của Hồ Tôn Hiến đã rút hẳn ra ngoài xa chừng như đang mở hội ăn mừng. Từ bước thành thoir thở hít không khí gây gây lạnh, không phải là thi sĩ dễ có thể làm một bài thơ tức cảnh, Từ thấy tiếc làm sao. Tiếng trống canh rori rạc, một vài trạm chừng như lính đã ngủ, hay bỏ về nhà với vợ con không thấy diêm trống. Giá như lúc khác đã có kẻ phải rơi đầu nhưng đêm nay không cần thiết nữa, mai này... bất chợt Từ thở dài...

— Thừa tướng quân, tướng quân chưa đi nghỉ.

Từ giật mình quay lại, rồi lại lặng yên đưa mắt nhìn ra xa.

— Nếu tiểu tốt không lầm, tướng quân đang buồn vì sớm mai này tướng quân sẽ ra hàng giặc.

— Hàng giặc, sao lại là hàng giặc ? Người là ai ?

— Tiểu tốt là ai ? Thừa tướng quân, tiểu tốt là bộ hạ của tướng quân, kẻ đã nghi triều đình là giặc, tướng quân là bậc đế vương. Thế mà mai này, khi mặt trời lên bậc đế vương đó sẽ dẫn tất cả đoàn quân dưới trướng này ra khỏi thành, quỳ gối, khom lưng, nhận giặc là minh chúa đề nguyện trung thành tận tụy suốt đời... Thừa tướng quân, có phải vì thế mà tướng quân buồn ?

— Buồn, ta không hiểu ý nhà người.

— Có lẽ tướng quân cố ý không chịu hiểu đó thôi... đáng buồn lắm chứ...

Từ bâng khuâng, tiếng nói của người đối diện như xoáy vào trong tâm tư của mình. Nhưng ít nhất cũng có người hiểu được rằng Từ buồn, tự nhiên Từ lấy được sự thân mật dễ chịu. Ngay sau đó một cảm giác ớn lạnh chạy khắp người Từ. Thôi thế là không còn gì nữa. Mai này sẽ chỉ lại hai bàn tay trắng và một thái độ chịu thua, thái độ chấp nhận, thái độ đầu hàng...

— Sao người lại nói với ta như vậy. Ta buồn thật sao ?

Từ quay nhìn người đang đối diện với mình chờ đợi. Thanh

niên mỉm cười, dáng ngạo mạn lì lợm. Anh ta vào khoảng trên hai mươi, khỏe mạnh, nước da ngăm đen, tóc búi ngược, y phục một tên cận vệ. Từ cố gắng để nhớ xem có phải người đối diện mình là một tên cận vệ hay không. Thanh niên soay người chống tay lên mặt thành nhìn ra bãi cỏ phía trước.

— Tiều tốt biết tướng quân buồn. Buồn thật hay không điều đó tướng quân tự biết.

— Bây giờ ta cũng chẳng còn là tướng quân gì nữa. Anh cũng chẳng còn là tiều tốt nữa. Mình thua rồi.

Thanh niên soay phắt người lại, đứng thẳng trong ánh sáng mập mờ. Từ chừng như thấy khuôn mặt kẻ đối diện thay đổi, mặt nghiêm lại, mắt mở lớn, đôi mày đậm dướn lên vẻ dữ dằn.

— Sao lại thua, mình đâu có thua.

Từ huyết người ngồi lên tường thành, hơi cúi đôi vai lớn, ngược mặt lên :

— Đó là sự thật. Anh có lấy thể làm buồn không.

— Nói không là dối lòng mình. Nhưng tôi không lấy đó làm thất vọng. Tôi còn trẻ... Tướng quân có thấy là tôi còn trẻ không.

Từ gật gật đầu.

— Đúng, anh còn trẻ, như vậy có phải ta già rồi không ?

— Tướng quân cũng còn trẻ.

— Thôi anh đừng gọi tôi là tướng quân nữa, còn quân đâu nữa mà tướng. Tôi cũng chỉ như anh. Tôi đâu còn như hồi xưa. Phải không ?

— Cũng vẫn như hồi xưa, cũng có thể làm lại như ngày xưa.

— Ngày xưa. Thôi nhà người đừng nói đến làm chi nữa.

— Sao lại vậy... Chỉ có ngày xưa. Cũng chính cái ngày xưa đó mà tôi gặp được tướng quân, đã hào hùng và bây giờ...

— ... Thất vọng.

— Tướng quân có biết, nhưng mà thôi...

— Biết sao, anh hãy nói ta nghe, anh hãy coi ta như một người bạn... Ai hiểu được ta? Có lẽ chỉ có anh? Mà sao ta trông anh cũng buồn vậy?

— Tôi nhớ lại lúc còn tại quê nhà ở Giang-nam nghe tin tướng quân nổi dậy, đốt thuyền bè, chống quan lại... tôi đã lặn lội từ đó lên Việt-đông. Tự xung vào làm sĩ tốt... Tướng quân còn nhớ những ngày đó.

— Nhớ, mới như vừa mới xảy ra mà đã năm sáu năm trời rồi còn gì. Dấy lên với hai bàn tay không, với những tấm lòng hào hiệp... Mà nay sao ta không bao giờ được gặp anh?

— Có chứ, nhưng chắc tướng quân quên, làm sao đề tướng quân nhận ra từng người trong nghìn vạn quân tướng...

Người thanh niên buồn bã :

— Trong nghìn vạn quân tướng ấy đã có bao nhiêu người ngã xuống chiến trường, trải thây trên con đường hành quân, những người đã xông pha ở Việt-đông, Triết-giang, hạ năm thành ở cõi Nam, cướp Châu-thai, lấy Vô-tích, chiếm Lâm-truy... đề cho tới lúc tướng quân có một giang sơn như ngày nay, có thành quách như hiện nay... Và tôi đã sống sót đề mai này chứng kiến cái công lao của những ngày gây dựng không còn nữa...

— Thôi anh đừng nhắc chuyện đó. Ta đã thua rồi. Anh có tiếc công, tiếc sức rằng đã theo ta không. Anh có cho rằng ta đã phản bội lòng tin cậy của anh, của các bạn đã theo ta không?

Câu hỏi của Từ đội đi, tiếng trống canh rời rã, Từ bước đi loanh quanh. Giọng người thanh niên mơ hồ :

— Lúc sống tại nơi quê nhà, cha tôi nói : bây giờ là thời loạn. Kỷ cương của nước không còn nữa, lòng người ly tán, kẻ sĩ mất truyền thống trở thành hèn hạ, mày còn dùng bút nghiên làm gì nữa, ta muốn thấy con hành động như một tên du côn còn hơn. Câu chuyện ấy vẫn làm cho tôi băn khoăn suy nghĩ. Không có thời loạn mà chỉ có lòng người loạn. Cha tôi cũng là kẻ khoa cử nhưng từ chối công danh sự nghiệp, cha tôi nhận như một kẻ

cần điếm dui mù, ngoảnh mặt đi với cuộc sống mà lại muốn con như một tên thảo khấu du côn. Cha tôi cũng loạn sao? Cha tôi bảo kỷ cương không còn, trật tự bị phá hủy, sách vở thánh hiền đã lu mờ còn đâu kẻ sĩ với tinh thần hào hiệp nữa. Lòng người đã phụ với trời, kiến văn chỉ làm người ta đê hèn, bần tiện đi. Kẻ có học dùng sở học vào đường bất chánh, như vậy thất học còn hơn, vì thất học không phải nhiễm độc bởi những cặn bã của tư tưởng thì với lương tâm may ra còn sống được ngay thẳng. Làm thẳng du côn có chí thì cứu được đời... Tôi đã ngẫm lại và thấy có phần đúng. Trong xã hội tôi không còn thấy ai là kẻ sĩ nữa. Bọn thư sinh mặt trắng đi vào con đường hư danh, tư lợi... có nghĩa thời loạn còn kéo dài lâu lắm. Giữa lúc ấy tai nghe tên Từ Hải, một tên con nhà thuyền chài vô học dấy lên, lòng người ngả theo, tôi nghĩ: cha tôi đã đúng, và tôi vút bút nghiên đi theo một tên du côn.

— Một tên du côn, đi theo một tên du côn mà anh nghĩ là phải. Bây giờ anh có hối hận không?

— Không, tôi không hề hối hận.

— Tại anh kiêu ngạo không chịu nhận.

— Không phải vì tôi kiêu ngạo mà tôi không nhận.

— Hay anh cho định mệnh của lịch sử nó phải thế?

— Không, không bao giờ tôi lấy một thứ số phận, một thứ định mệnh nào để trốn chạy. Chính là tại tôi, tại tướng quân. Tôi muốn hỏi tướng quân: Tướng quân đâu muốn ép thân thuần phục, đâu tướng quân có kính nể Kiều, đâu tướng quân lại nghe lời bàn của bọn họ.

— Sao anh lại cho rằng tôi không kính nể nàng Kiều, không kính nể mà sao tôi có thể cưới nàng làm vợ. Anh nghĩ nàng là một con điếm sao? Nếu quả vậy thì anh đã nhầm, anh đã cho rằng du côn còn khá thì với tôi, ngày nay trong giới đàn bà cũng chỉ có bọn làm điếm là khá. Du côn dám nhận là du côn, làm điếm dám nhận là làm điếm, còn ai hơn nữa. Cả thiên hạ làm điếm mà không dám nhận là điếm. Như vậy ai được quyền khinh họ. Nàng Kiều, chính là kẻ làm điếm có lương tâm với nghề làm điếm của mình. Ta chẳng sợ gì mà không nói với anh. Ta kính nể con điếm là vợ ta đó.

Còn cái bọn ở chung quanh ta, cái bọn Từ Văn Trường, cá bọn văn hay chữ tốt, khoa bảng ta đâu có coi bằng một con chó ta nuôi. Bọn họ đâu sánh được nàng Kiều. Ta nuôi bọn nó để cho bọn nó nịnh bợ, nó ca tụng, nó su phụng ta. Ai cũng muốn có kẻ nịnh bợ mình, muốn có kẻ đóng kịch làm hề cho mình coi... Bọn nó theo ta chẳng phải như anh, như quân sĩ của ta. Bọn nó theo ta vì chúng không được làm đầy tớ yêu của chủ chúng như Hồ Tôn Hiến chẳng hạn. Chúng bắt mãi bỏ đi, và bây giờ anh thấy đó, chúng muốn ta hàng để chúng được sống yên ấm với nhung lụa, địa vị... Bọn nó không theo đuổi một lý tưởng và sống chết với nó, bọn nó nay theo thằng này mai theo thằng khác, cứ bỏ tiền ra là mua được hết. Bọn nó làm ô danh kẻ sĩ.

Loạn cũng vì bọn nó. Bọn chó phản chủ, và chúng mãi mãi như thế. Với ta, khi nào không được ân huệ nữa, bọn nó sẽ phản lại...

Ta đã thua, ta chịu quy hàng chẳng phải vì ta đã nghe theo những vợ, những quần thần. Ta chịu thua, chịu hàng bởi vì bọn chúng không có được cái chí lớn như ta nghĩ. Ta còn lại một mình, ta hàng, ta chịu thua vì ta thất vọng, ta buồn bã. Bọn họ nghĩ giờ đã có thể lực, địa vị, mục đích đã đạt rồi còn khổ sở làm chi nữa, họ muốn đóng lại cho đúng vai trò mà trước đây họ chống đối. Bọn họ cũng muốn trở thành quan lại bóc lột, cũng muốn xe ngựa áo quần, địa vị...

— Không, không thể như thế được...

— Ta không muốn chính những kẻ theo ta sẽ giết ta. Ta cũng chỉ là một tên du côn, một tên du côn về già, một tên du côn hết thời. Ta tiếc rằng sao không giữ mình là một tên du côn ở đất Việt-đông. Ta nghĩ tới mai này, ta phải khúm núm với cân đai bố tử ra vào chốn triều đình, rúc ngồi với bọn quan lại, nào thừa nào gửi mà sao ta muốn chết quá, hãy vứt bỏ hết đi... Làm đời một tên du côn với mảnh khổ rách chắc còn sung sướng hơn nhiều... Mai này anh có chịu ra quy hàng, nhận lãnh bổng lộc của triều đình ban cho không?

— Không, canh ba đêm nay tôi sẽ mạo muội tướng quân mà trốn đi.

— Anh không muốn được hưởng phú quý vinh hoa với ta sao ?

— Tôi còn đầy đủ điều kiện để làm một thằng du côn. Chỗ công quyền không phải nơi tôi lui tới. Tướng quân sắp từ chức một tên du côn rồi sao ?

— Anh cho làm du côn là cao quý lắm sao ?

— Thời này địa vị du côn cao quý lắm, không có gì so với hãn được như tôi đã thừa với tướng quân.

— Anh có bằng lòng cho ta cùng trốn đi làm du côn trở lại được không ?

— Tại sao không ?



*Khóc rằng : « tri dũng có thừa
Bởi nghe lời thiếp nên cơ sự này »*

Tên bộ tướng xách chiếc đầu dằm dĩa máu tươi chạy hộc tốc đến bên Hồ Tôn Hiến, lưỡi gươm còn vấy máu chảy chan hòa xuống đốc kiếm hãn giờ chiếc đầu lên và nói :

— Thừa tướng quân, tôi xem đầu này không phải là đầu Từ Hải.

— Không phải Từ Hải ? Tại sao ?

— Hãn mang râu giả.

Vừa nói tên bộ tướng vừa gỡ bộ râu quai nón nơi chiếc đầu.

Tôn Hiến đứng ngay như một pho tượng gỗ mắt trợn ngược.

Tên tướng nói tiếp :

— Lợi dụng đêm tối, Từ đã trốn đi.

— Nàng Kiều đâu ?

— Nàng đang khóc bên xác chết không đầu.

— Quân sĩ của Từ ?

— Đã hoàn toàn quy hàng. Một số nhỏ vút khi giới, cỡi quân trang bỏ trốn làm thường dân.

— Từ trốn đi một mình ?

— Có lẽ chỉ đem theo một vài tên tâm phúc.

— Còn Từ Văn Trường không ?

— Còn, đầy đủ bọn hầu cận, không thiếu một tên nào. Họ đang chờ vào phục lệnh tướng quân.

Hồ Tôn Hiến lặng im. Bỗng hắt mỉm cười :

— Từ còn sống nhưng cũng coi như Từ đã chết. Hãy dán râu vào cho hắt, sóc lên đầu giáo trương lên cho quân sĩ an lòng rồi cho chôn đi. Một mình hắt còn sống cũng không làm được gì. Tướng không có quân không còn là tướng nữa. Một Từ Hải còn sống sẽ là một « Từ Hải giả ».

Tên bộ tướng tuân lệnh, phóng mình lên ngựa, sóc chiếc đầu vấy máu lên đầu ngọn thương, giơ lên cao chạy ra giữa trận nói lớn :

— Bớ loạn quân, Từ-Hải đã bị chặt đầu, theo vương lệnh, Hồ tướng quân tha chết cho bọn bay, tất cả hãy bỏ khí giới quy hàng sẽ được toàn tính mạng ; và ân xá cho trở về làm ăn, ai muốn đầu quân sẽ được thu nạp...

Trên bãi chiến chỉ còn vài tốp nhỏ đang giao tranh một cách uể oải, thấy chủ tướng đã chết, quân Từ tìm cách tháo lui hoặc đầu hàng, trên mặt thành vài ngọn cờ nghiêng ngả. Khắp nơi, khí giới ngổn ngang cùng xác chết, kẻ bị thương tìm cách cứu mạng. Khói súng phảng phất mùi khét, mấy đám cháy ngọn lửa vẫn hung hãn như muốn bùng to, đám lương dân từ trong thành vẫn chạy ra ùn ùn toán loạn, kêu khóc thảm thiết, bọn lính nhân cơ hội hè nhau cướp giết tiếng kêu khóc, van xin tướng thấu tới trời xanh. Trong trường, Hồ Tôn Hiến cười khà khà đắc ý, chợt thấy có năm ba người đi vào thì chăm chú nhìn, rồi bước xuống thêm, miệng mỉm cười thì lễ :

— Kìa Thanh Đằng tiên sinh đã lại, tôi vẫn mong chờ tiên sinh.

Từ Văn Trường cùng mấy bộ hạ của Từ Hải đều vòng tay thì lễ, rồi tiến vào phân ngôi chủ khách mà hàn huyên.

Bây giờ kể tiếp chuyện nàng Vương Thúy Kiều. Sau cuộc vui của đêm cuối cùng trước khi ra hàng, nàng trở về phòng thấy bút rứt không nguôi vì thấy thái độ của Từ Hải đầy vẻ băn khoăn lo lắng và buồn bã khi bỏ dở cuộc vui ra ngoài, nàng ngẫm hiểu phần nào tâm trạng của Từ. Bao nhiêu năm trời vùng vẫy một cõi giang sơn, nay đây mai đó, với hai bàn tay không dựng lên cơ nghiệp, ra vào chốn trận địa như chỗ không người, dọc ngang chẳng còn biết có ai. Cũng như ai, một phương hùng cứ, triệu đình một cõi đủ văn võ bá quan. Nàng Kiều đã lấy làm hãnh diện trước những văn quan danh tiếng như Từ Văn Trường, cả cái bọn khoa bảng, chữ tốt, văn hay ấy cũng một điều thừa, hai điều bảm. Nếu như lúc ở Vô - tích, Lâm - truy, Hàng - châu chẳng cần tới hạng người đó cũng đủ làm xấu nàng, vút tiền vào những Tú Bà, Bạc Hạnh để được hành hạ thân thể nàng cho chán rồi nhờ nước miếng vào mặt nàng gọi là con đi. Bây giờ con đi ấy đã là vợ của Từ Hải, một hoàng hậu chưa có ngôi và đủ để cho bọn kia cúi đầu vàng lệnh, khen nịnh tâng công... Nghi thế nàng thấy lòng mình thất lại và hiểu Từ buồn hơn nàng biết chừng nào. Từ một kẻ cầm đầu trở thành một kẻ tuân lệnh, khúm núm, chung đụng với kẻ mà mình kinh tởm gớm ghiếc, những bọn quan không ra quan, tướng không ra tướng, danh vọng địa vị chẳng do tài đức lập nên mà do tiền bạc mua bán, do nịnh bợ, phe cánh bè đảng tạo thành. Từ một cuộc sống vùng vẫy tự do lại phải khép mình vào những lễ thói, tập tục chỉ là cái vỏ che đậy những bần thiêu, giả trá của một triều đình mục nát vua không ra vua, quan không ra quan, của một xã hội đồi trụy, không trật tự, không sinh khí, đầy tồi bại, hủ lậu, vô liêm, lẩn trốn trong cái vô luân lý, đạo đức hào nhoáng như lớp sơn ngoài thân gỗ mục, một ruỗng. Kiều nghi quanh, nghi quẩn và thấy hối hận nhưng ngay đó Kiều lại tìm những lý do an ủi để chấp nhận : nàng sẽ chính thức là một phu nhân, vợ một viên quan của triều đình, không còn là vợ một tên tướng cướp, vợ một tên quan được khắp cả thiên hạ công nhận sẽ không còn phải nay đây mai đó trôi nổi, bất trắc và số phận sẽ ra sao vào một ngày kia khi Từ bị đánh tan ? Nàng sẽ về gặp lại cha mẹ, Kim Trọng, về quê mở mày mở mặt với làng xóm bà con... Nàng không muốn phiêu lưu nữa, nàng muốn được sống bình thường trong thái bình an lạc,

không còn phải run sợ trước cái chết bất trắc đe dọa, đau lòng trước cảnh chém giết binh lửa mà đã bao lâu nay nàng phải chứng kiến.

Kiều trần trọc với những ý nghĩ đầu đầu khiến nàng không sao nhắm mắt được, mãi rất khuya nàng mới thấy Từ trở vào phòng và lên giường vui vẻ nói vài câu chuyện rồi nằm im như ngủ. Sớm hôm sau, khi Kiều thức dậy thì đã không còn thấy Từ Hải, hỏi bọn thị nữ thì nói Từ xuống trại binh sửa soạn quân mã và dặn lại Kiều ở lại trong dinh chờ Từ ra ngoài gặp Hồ Tôn Hiến xong sẽ vào đón. Nhưng giữa lúc đang trông đợi bỗng nghe súng nổ vang rền, tiếng la dậy đất, Kiều hoảng kinh ra mặt thành ngó xuống thì thấy quân Từ đã rơi vào ổ phục kích của địch. Nàng kêu lên trước sự gian trá, giữa trận chiến nàng đau lòng nhìn đoàn quân bách chiến bách thắng tan rã và trong khói đạn mờ mịt nàng thấy bóng Từ Hải ngã xuống ngựa. Giữa cơn náo loạn, nàng bỏ chạy ra, như tự xông vào chỗ chết. Dưới chân con hồng mã, với bộ giáp diên Kiều nhận ra Từ Hải với cái xác không đầu, nàng ôm lấy kêu khóc và ngất đi.

Kiều tỉnh dậy giữa tiếng ồn ào huyên náo, nàng nghe thấy nhiều tiếng nói khác nhau, trong đó có tiếng nói êm ái của Từ Văn Trường.

— Nàng đã tỉnh rồi.

— Tỉnh thật không, người đẹp như vậy mà nếu chết đi thật đáng tiếc.

Kiều mở mắt và ngồi dậy thấy mình đang ở trong một gian phòng tráng lệ tràn đầy ánh sáng. Không phải là nơi trận tiền. Nàng cố nhớ lại cảnh hãi hùng thoảng qua như một giấc chiêm bao. Nàng định thần nhìn kỹ, xung quanh nàng đủ những tên hầu cận, những thị vệ. Ta vẫn còn ở trong cảnh cũ sao? Nhưng đến lúc nhìn thấy ngoài cửa phòng Hồ Tôn Hiến đang ngồi ngất ngưỡng uống rượu và tiếng đàn tiếng hát thì nàng đã rõ thực tế. Nàng òa lên khóc: Thôi rồi chính ta đã giết chàng, chính ta đã giết chàng, bây giờ còn mặt mũi nào nữa ngồi đây, sao chấp nhận cái sống, cái sống phụ bạc như nhớp. Nàng kêu gào, la hét và khóc, khiến cho những người cũ dưới trướng Từ cũng phải rơi lệ.

— Thừa phu nhân, đằng nào thì tướng quân cũng đã không còn nữa, phu nhân có làm sao thì Từ tướng quân cũng không sống lại được, mà phu nhân thì phải sống, còn cha mẹ anh em.

Kiều tỉnh lại, nàng la lên phẫn nộ :

— Phu nhân ! phu nhân ! Ta không còn là phu nhân gì nữa. Phải rồi, không làm sao cho chàng sống lại, chính là ta đã giết chàng và chính chúng bay đã giết tướng quân của chúng bay. Có phải chính chúng bay đã được bổng lộc, ân huệ, đã chia ngọt xẻ bùi với Từ và ngày nay chúng bay ngồi đây, chờ đợi một ân huệ khác. Chúng bay cũng là văn quan, cũng là võ tướng, cũng là hầu cận, thế mà ngày nay nhìn Từ chết chúng bay lại ngồi đây đề chung sống với bọn bất tín, bọn phản trắc, bất lương,... ôi bọn bay lại có thể sống như vậy được sao ? Ta không là phu nhân, phu phen gì nữa. Ta chỉ là một kẻ giết chồng và ta khinh bọn bay. Bọn bay còn ngồi đây làm chi, bọn chó phụ nghĩa, bọn bay hãy bước đi cho khuất mắt ta.

— Thừa phu nhân, đâu chúng tôi muốn ra hàng và ai ngờ là ta bị lừa.

— Thôi bọn bay đừng tìm cách bào chữa. Tao không nghe cái giọng ấy nữa, cái giọng hèn nhát không xứng đáng là giọng quân sĩ của Từ Hải, những kẻ sống hiên ngang mà chết khi phách. Những kẻ không phản trắc, không sợ kẻ mạnh bất chánh, không vì sự yên thân, đời sống nhung lụa mà quên việc nghĩa. Bọn bay không lấy thế này làm nhục sao ? Bọn bay không biết chọn lúc nào phải sống, lúc nào phải chết sao ?

Kiều gào lên như một kẻ điên cuồng, lũ bộ hạ chỉ còn biết cúi đầu ngồi nghe, bỗng một tên bộ tướng đứng lên :

— Lời của phu nhân làm cho kẻ hèn này hổ thẹn. Quả Từ tướng quân đã không hổ với một người vợ như phu nhân. Vậy xin có chút lòng này tạ ơn người đã khuất.

Nói dứt lời, tên bộ tướng rút đoản kiếm đâm vào bụng, lưỡi kiếm qua người, hấn quỳ xuống, hai tay còn giữ lấy đốc kiếm nơi bụng và cúi đầu hướng về nàng Kiều. Hấn gục xuống như một pho

TUNG CHAU

Trong, trong phút chốc máu chảy loang trên mặt đất. Tiếng khóc của Kiều nỉ non đứt rứt.

Lúc đó Hồ Tôn Hiến đã bước vào, chứng kiến cảnh tượng mà run lên cầm cập, nhưng Hồ trấn tĩnh vội kêu bọn thị vệ vào vực nàng Kiều ra ngoài, cho chôn cất kẻ chết rồi lên tiếng an ủi những bề tôi cũ của Từ, Hồ sợ bọn họ bị kích động, phần uất gây chuyện chẳng lành.

Nàng Kiều bị mang ra nơi sảnh đường, buổi tiệc khao quân đang vào lúc hào hứng. Hồ Tôn Hiến ngồi nơi bàn tiệc sai quân dâng chén bát và rót rượu mời Kiều. Hồ cầm ly rượu trên tay giờ lên :

— Mời nàng nâng ly cùng uống với ta gọi là vui đã cùng nhau lập nên công trạng này. Ta nghĩ, thành ta thu được một phần nhờ công của nàng, vậy nay nàng muốn xin điều gì, bất cứ điều gì ta cũng cho, gọi là một chút phần thưởng.

— Phận tôi chẳng có gì đề xin. Ông cho việc tôi giết chồng là công sao ?

— Không, ta đâu nói vậy, ta thật áy náy cho cái mưu của ta, nhưng ta nghĩ, ta làm vậy bởi vì nhân dân, bởi triều đình. Nàng nghĩ xem, nàng thích cảnh chém giết, tao loạn được sao ? Việc ta làm vì vậy, và tất nhiên nàng phải chịu thiệt thòi thay cho những thiệt thòi lớn hơn của bao kẻ khác.

— Ông thật không xứng là tướng quân. Chỉ vì tôi là một con đàn bà nhẹ dạ như bao nhiêu người khác, tôi đã bị lừa giết chồng mà không biết. Không, tôi không muốn biết thiệt thòi của kẻ khác, có ai biết thiệt thòi cho tôi không. Chồng tôi chừng như đã rõ điều này nên chàng đâu muốn ra hàng, mang tấm thân cương cường, khí phách về uốn lưng nơi triều đình. Chàng chẳng bao giờ hành động như các ông, cảnh chém giết có diễn ra cũng chỉ bởi chồng tôi muốn đa số dân nghèo không còn bị áp bức bóc lột, đè nén, thoát được cảnh lầm than, dờ sống dờ chết dưới quyền cai trị của các ông. Từ lúc còn là một cướp bề nhỏ nhoi, chồng tôi chỉ biết lấy của kẻ giàu bắt chính cho kẻ nghèo, giết bọn sâu dân một nước, bao nhiêu năm vùng vẫy cũng chỉ muốn

lấy cái lương tâm mình mà làm điều hay, tránh điều dở. Nghĩ lại, tôi biết tôi nhầm khi khuyên chàng ra hàng, tôi cũng muốn được yên thân, cũng muốn tránh cảnh tang thương giết chóc. Ai ngờ cũng vì vậy mà tôi mắc tiếng giết chồng không dao, và thân tôi đang dở. Ôi như vậy mà ông còn muốn đền công cho tôi nữa...

— Thôi nàng đừng làm giảm cuộc vui của ta, nàng sẽ được đền bù xứng đáng. Nàng hãy vui lên một chút cho ta hài lòng...

Hồ cười lên hô hô, uống liên tiếp từng ly rượu lớn, bọn quân sĩ chung quanh vừa ăn uống, vừa ca hát nhảy múa. Nàng Kiều khóc khô nước mắt và tưởng mình như đang ngồi trong một lò lửa chịu cực hình. Tại sao không chọn cái chết cho xong? Nàng nghĩ đến cha mẹ và Kim Trọng khiến lòng lại thồn thức. Hồ Tôn Hiến chợt cất tiếng :

— Xưa ta nghe nàng là một tay danh cầm trong thiên hạ, nay giữa cuộc vui ta muốn được nghe nàng cho nghe một khúc.

Kiều đáp :

— Xưa kia cũng bởi tiếng đàn vận vào người khiến cho thân này trôi nổi, nên từ đó đã thề không cầm đến cây đàn nữa.

Hồ Tôn Hiến vẫn nài ép :

— Máy khi có được cơ hội như thế này, nàng lại không thề gảy một khúc hồi sinh cho đời nàng sao.

— Ông nghĩ tôi giết được chồng là vui sướng lắm sao? Tôi vốn là con đi đâu có được cái vui sướng của những kẻ chính chuyên khi giết được chồng, xin ông tha cho mà đừng ép tôi làm việc bất nghĩa phụ tình đó.

Hồ Tôn Hiến vẫn không buông tha, sai kẻ hầu mang đàn ra đề trước mặt bàn, nàng Kiều cầm lấy mà nói :

— Tôi đã thừa cùng ông đến cạn lời mà ông vẫn bắt tôi làm việc bất nhân, ông giết được chồng tôi bởi một mưu mô sảo quyệt còn chưa đủ hả, lại còn muốn vợ của kẻ chết chưa nguôi xác kia gảy đàn mua vui. Sao tâm địa của ông nham hiểm, bất lương, độc ác đến vậy. Thân tôi dù chết tôi cũng chẳng thể làm được chuyện đó.

LE TUNG CHAU

Nói xong Kiều cầm cây đàn đập xuống đất cho tan ra, rồi đứng dậy bỏ chạy như một con ngựa điên.



Năm năm trời bề ngang täng

Đem mình đi bỏ chiến trường như không

Sau đêm bỏ thành trốn đi, tưởng là dứt bỏ những vinh hoa phú quý của một cuộc sống bình thường, ai ngờ Từ đã thoát chết. Chàng thanh niên bảo :

— Nó tưởng lừa mình được, ai ngờ mình lừa được nó.

Hai người bạn dành những ngày đầu tiên để ăn chơi, ngao du trong cuộc sống tự do, nghĩ đến những ngày cũ không khỏi làm cho Từ nhiều lúc trạnh lòng nhớ tiếc, trong những đêm nơi quán trọ dọc đường, nghĩ đến Kiều khiến chàng rơi lệ. Chàng đã mất tất cả, và bây giờ phải làm lại tất cả. Sau một thời gian hai người bạn bắt đầu công việc kết nạp kẻ đồng chí, những kết nạp khó khăn hơn vì Từ không muốn chỉ có một đoàn quân ô hợp. Chẳng bao lâu thế lực của Từ một lớn dần. Một ngày kia Từ bàn với người bạn ý muốn về đón nàng Kiều vì chàng đã được tin sau khi tự vẫn được cứu thoát đã trở về sống với gia đình, người bạn có vẻ phân vân, Từ nói :

— Ở trên đời này, ngoài huynh ra tôi có mình nàng là hiểu và thương tôi. Tôi hiểu sự phân vân của huynh nhưng tôi có thể đoán chắc việc riêng của tôi sẽ chẳng hại gì tới việc chung mà chúng ta đang gây dựng. Nàng còn hơn một người thường, từ lúc nghe tin nàng tự vẫn để giữ trọn nghĩa thật không lúc nào tôi quên được nàng.

Người bạn thở dài không nói, lặng lẽ thu xếp hành lý, giao công việc rồi cùng Từ cùng dong thuyền tìm về quê nàng Kiều.

Sự thất bại của cuộc nổi dậy tại miền duyên hải của Từ Hải đã làm cho người dân nhỏ lệ khóc thầm, một tương lai hé

ra chưa được bao lâu đã bị dập tắt. Đã mất tự do, họ lại còn bị quan quân triều đình trở về hành hạ hơn hồi trước chừng như để trả thù những ngày họ đã được sống sung sướng dưới sự bảo vệ của Từ Hải. Đâu đâu người ta cũng nghe thấy những lời ta thán oán hận Hồ Tôn Hiến, nhiều người dân đã phải bỏ xứ ra đi đến những nơi xa lạ làm ăn hồng thoát bớt đè nén, áp bức. Họ truyền tai nhau kể lại cái chết của Từ Hải, cái đề tiện của Hồ Tôn Hiến, họ ngậm ngùi cho số phận nàng Kiều, vì không chịu đựng được phải gieo mình xuống sông Tiền-đường lấy cái chết mà giữ tiết với chồng. Miết rồi những lời kể mỗi lúc một sai lạc đi, vô vàn những thần thoại chung quanh Từ Hải và Vương Thúy Kiều. Nhiều văn nhân, thi sĩ cũng từ hứng khởi của cuộc nổi dậy mà sáng tác ra nhiều áng văn chương được dân chúng truyền tụng, ngâm nga. Họ luôn luôn nhắc nhở đến Từ Hải như một anh hùng cứu thế, nhưng số trời đã định, buộc dân chúng còn phải lầm than khổ sở. Có kẻ đã dựa vào sấm ký, vào những lời tiên tri để tìm cách giải nghĩa cho dân chúng rằng: họ đang ở vào thời mạt pháp. Cách giải thích mù mờ đã chẳng giúp gì cho lòng tin của dân chúng mà còn làm cho họ chán nản, không phấn đấu đi tìm an ủi nơi tín ngưỡng, do đó nhiều thứ Ma-giáo xuất hiện làm những chuyện bày bịp khiến cho xã hội càng thêm tao loạn suy vong.

Nàng Kiều, trong những giây phút kinh hoàng đã không còn giữ được bình tĩnh, nàng chỉ còn nhìn thấy cái chết là hợp lý nên đã lao đầu xuống sông tự vẫn, mượn cái chết mà rửa sạch kiếp người, nhưng số nàng chưa trọn, quân sĩ của Hồ Tôn Hiến đã vớt được nàng lên, mũi lòng thương cũng có, phần nề sợ cũng nhiều nên sau đó Hồ đã để cho nàng được chọn lựa cuộc sống, nàng đã vào ngụ tạm nơi một ngôi chùa dưỡng bệnh trước khi trở về quê, dứt cuộc sống trần tục mà lập một ngôi chùa nhỏ sớm tối lấy kinh kệ làm khuây.

Nhưng nào nàng có được yên, với sắc đẹp của nàng nên bọn đàn ông chung quanh đứa nào cũng chỉ định ăn sống nuốt tươi. Những cái nhìn như hăm hiếp nàng. Sau hôm được cứu sống ít ngày, một đêm kia nàng đang thiêm thiếp ngủ thì bỗng giật mình vì có một kẻ vận áo nhà sư xông vào giường mà ôm lấy nàng.

định hãm hiếp, nàng la lên cầu cứu và kháng cự, may nhờ ngôi chùa nàng đang tạm trú ở sát ngay trại quân Hồ Tôn Hiến nên nghe tiếng kêu liền báo động, biết không yên, kẻ gian vội vã tẩu thoát. Sớm hôm sau Hồ Tôn Hiến bắt nàng tới hỏi xem kẻ kia là ai để trị tội, vì trong thâm tâm Hồ vẫn thêm khát Kiêu mà không dám, nên nổi máu ghen với kẻ lạ mặt. Kiêu cứ tình thực mà khai là nhận thấy một ông sư, nhưng vì đêm tối không nhận được rõ. Hồ Tôn Hiến liền bắt tất cả các sư đang trụ trì trong ngôi chùa ra cho Kiêu nhận diện, Kiêu một mực nói không rõ ai nhưng Hồ không chịu còn bảo : nếu không nhận ra người nào thì sẽ giết hết mấy sư vì làm nhor nhóp cửa thiền. Hồ hỏi các ông sư xem ai làm điều bậy bạ thì hãy nhận, nhưng ai cũng nói không. Hồ liền sai mang ra chém cả. Kiêu đành liều chỉ đại một người. Nhưng ngay đó một chuyện đã xảy ra giải cái oan cho nhà chùa. Nguyên kẻ làm bậy là Từ Văn Trường đã giả dạng nhà sư tưởng có thể che mắt được. Ai ngờ quả báo, buổi tối đó, sau cái chết oan của vị sư, Từ Văn Trường trở về nhà thì bỗng nhìn thấy trên giường một ông sư đang giao hoan cùng vợ, hai thân thể trần truồng lung linh trước mắt, hơi giận bốc lên, Từ rút gươm xông vào đâm, nhưng lúc nhìn ra hóa chỉ có mỗi vợ mình đang rẫy chết trên vũng máu. Vì giết người, Từ bị bắt, dù là kẻ có công ở dưới trướng nhưng Hồ Tôn Hiến cũng không thể vì tình mà tha được, nhất là sau khi Từ Văn Trường đã khai ra cái chuyện đội lốt nhà sư kia. Bị nhốt, Từ Văn Trường phát điên, phá nhà ngục chạy về đốt nhà rồi nhảy vào lửa mà chết. Câu chuyện đã làm náo động dư luận. Kiêu những khóc thầm vì phải chứng kiến nhiều cảnh đau thương oan trái, do đó nàng quyết chọn đường tu để mong xám hối tội lỗi, lãng quên cuộc đời.

Rời khỏi ngôi chùa, trở về quê là Kiêu muốn quên ngày cũ. Nhưng tới nhà, Kim Trọng lại đòi nối lại tình xưa, có lẽ chẳng phải vì lời thề thốt nhưng bởi nhan sắc mặn mà và cái thân thể kêu gọi của nàng Kiêu, về phía Thúy Vân thì ghen tương sợ chi cướp mất chồng, sợ sẽ mất phần nào sự mặn nồng tình ái. Kiêu ở vào hoàn cảnh dở khóc dở cười chỉ còn cách than thân trách phận. Nàng nhất định dứt đường tình ái, ra nơi am vắng nhưng Kim Trọng

đã chẳng buông tha, một mực ép nàng, muốn cho cửa am thành nơi dơ bẩn. Kiều chẳng dám lớn tiếng sợ vỡ ra thì sáu chàng hồ thiệp chỉ tìm cách lẩn tránh. Nàng Thúy Vân, cùng cha mẹ biết chuyện chỉ đành tép miệng thở dài.

Một đêm kia, kinh kệ vừa xong, đóng cửa am cẩn thận rồi đi nằm, giấc ngủ chưa đến bỗng Kiều nghe có tiếng gõ cửa, nàng thất kinh cố ý nằm im, nhưng tiếng gõ mỗi lúc một lớn, sợ kinh động người ngoài biết nàng đành phải ra.

— Em lạy anh, anh hãy buông tha cho em được yên thân, em còn đâu trình trắng nữa, hãy để cho em giữ lại một chút lòng này với anh. Anh đừng ép để em phải lấy cái chết mà giữ mình.

Tiếng gõ im, Kiều lắng nghe có tiếng bàn tán khiến nàng run sợ, chợt có tiếng quen quen hỏi :

— Có phải nàng Kiều đó không ?

Kiều cố moi óc nhớ xem giọng ai, tiếng nói tiếp theo :

— Anh đây, anh là Từ Hải đây, mở cửa cho anh, anh về đón em đây.

Nghe xong Kiều muốn ngắt xiu, nàng run rẩy quỳ xuống :

— Từ tướng quân, sống khôn thác thiêng, em biết em đã giết tướng quân, xin tướng quân tha cho...

— Anh còn sống mà, anh có chết đâu, em hãy mở cửa ra.

— Không, anh chết rồi, em thấy rõ anh chết rồi, anh có anh linh hãy độ cho em.

— Khồ quá, anh còn sống nhẩn, em hãy mở cửa xem.

Rồi một tiếng lạ khác :

— Từ tướng quân vẫn còn sống, phu nhân cứ mở cửa đừng sợ.

Sau một lúc trấn tĩnh Kiều đánh liều mở cửa, trước mặt nàng rõ là Từ Hải và một người khác. Kiều kêu lên :

— Tôi đang mơ hay tỉnh đây.

— Em đang tỉnh.

Từ Hải cầm lấy tay nàng :

— Em hãy lại đây.

Kiều hoảng kinh dứt vội tay nhưng không kịp nữa, và nàng nhận rõ đúng là Từ Hải. Nàng ôm choàng lấy Từ, nỗi vui khôn siết. Từ kể lại chuyện trá hàng cho cho Kiêu nghe, và Kiêu kể những gian truân từ bấy đến nay, hai bên cùng ứa lệ chan hòa. Kiêu oán trách :

— Sao anh trốn đi mà không cho em theo.

— Vì anh tưởng em muốn vinh hoa phú quý thì để em hưởng, ai ngờ như ngày nay.

Chợt từ hỏi :

— Vừa xong em tưởng anh là ai vậy ?

Ngập ngừng một lúc nàng mới nói được :

— Em tưởng chàng Kim, bởi vì chàng Kim vẫn còn muốn em.

— Thằng khốn kiếp, cái bọn nho sĩ dâm loạn, nó muốn người ta ai cũng là đi mãi, người ta vào chùa rồi nó còn muốn người ta làm đi nữa. Thôi em hãy cởi bỏ áo đó rồi theo anh, anh không muốn em phải sống khổ sở thế này, chúng ta phải gây dựng lại.

Ngay đêm đó Kiêu cùng Từ Hải và người bạn xuống thuyền ra đi.

Những năm về sau, từ miền duyên hải Việt-đông mãi tới Giang-nam nhiều vụ dấy loạn nổi lên, người ta bàn tán về một đám giặc lùn nhận là Từ Hải, kẻ nói dư đảng, kẻ bảo đó là bọn mạo danh, nhưng có kẻ că quyết rằng chính mắt đã nhìn thấy Từ Hải. Trong dân gian kẻ nói thế này người nói thế khác thực giả chẳng biết đâu mà phân biệt. Có điều những vụ nổi dậy đã làm cho triều đình lo âu, và người dân bị đàn áp ngóng chờ loạn lạc hy vọng một đời dòi sẽ đến, cái hy vọng mà xưa kia, trong một thời gian ngắn ngủi, Từ Hải đã mang đến cho họ.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(1963-1965)

VĂN số 45
FRANÇOISE SAGAN

ĐÔNG - HỒ

nghĩ về thề ước trong truyện Kiều*

Độc Truyện Kiều, chúng ta thấy việc thề bồi trong truyện cũng rất nên thơ mà cũng rất nên quan trọng. Chúng ta muốn nghĩ rằng Nguyễn Du đã thi-vị-hóa thề ước và quan-trọng-hóa việc thề nguyện trong tác phẩm của mình.

Khảo cứu mà thấy rằng việc thề thốt xưa nay, trong xã hội cũng có một lịch sử, một lịch trình khá phiền phức. và có hàm chứa một tâm-lý, một triết-lý khá sâu xa.

Việc thề bồi cũng tùy hoàn cảnh xã hội, tùy sự kiện sinh hoạt mà biến đổi ý nghĩa, biến đổi thề thức, nhưng chung qui, chánh cốt vẫn là gìn giữ, vẫn là bắt buộc đương sự phải trung thành với lời hứa, trung thành với công việc, trung thành với trách nhiệm.

Chúng ta gác bỏ ra những thề ước khác không liên hệ đến câu chuyện hôm nay, mà chỉ nghĩ về việc thề ước ái ân trong tình đôi lứa.

Ở xã hội nước Tàu và nước ta xưa, con trai con gái yêu nhau, muốn giữ cho tình yêu trọn vẹn, luôn luôn bắt buộc nhau thề thốt.

(*) Trích đoạn kết trong bài thuyết trình của thi sĩ Đông-Hồ, đọc ngày thứ tư 6-X-65, tại nhà Văn-hóa, trong tuần lễ kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du.

Tiêu biểu cho những cuộc thề non hẹn biển này, phải kể việc Đường Minh-Hoàng thề với Dương quý-phi.

Đêm đó là đêm thất tịch, trăng mờ mưa quạnh. Cảnh Trường-sanh-điện tự nhiên thấy lạnh lẽo cô liêu. Ông quân vương tuyệt thế phong lưu và nàng giai nhân tuyệt thế khuynh quốc, đủ điều kiện ưu đãi hơn hết trong thiên hạ, mà tự nhiên cũng thấy lo sợ cho mối tình của mình sẽ dở dang như mối tình của Ngưu-lang và Chức-nữ. Bèn nghĩ đến việc thề bồi. Họ thề rằng: « *tại thiên nguyên tác tỉ dục điều! tại địa nguyên vi liên lý chi* ». Chuyện này về sau trở thành điển cố « như chim liền cánh, như cây liền cành » phổ biến trong văn chương, trong tình sử:

*Tranh ti dục nhìn tra chim nọ
Đồ liên chi lân dử hoa kia
Chữ đồng lấy đó mà ghi
Mượn điều thất tịch mà thề bách niên*

Truyện Kiều cũng như mọi tác phẩm văn chương, mọi tình sử khác, cho nên cũng có việc thề bồi.

Đêm đó là một đêm gió mát trăng thanh ở Lâm-thúy-hiên, đêm hội ngộ đầu tiên của đôi người giai nhân tài tử. Đối với tình yêu, hoàn cảnh luôn luôn có dự phần ảnh hưởng và góp ý a tòng. Đêm thất tịch ở Trường-sanh-điện là một đêm mưa gió sục sùi thì trái lại, đêm tình tự ở Lâm-thúy-hiên là một đêm gió trăng êm ái.

*Nhật thừa gương rọi dẫu cảnh
Ngọn đèn trong suốt trường huyênh hắt hiu...
Gót sen sẽ động giấc hoe
Bóng trăng đã xẽ hoa lê lại gần...
Sinh rằng gió mát trăng trong
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam*

Hoàn cảnh đó dễ xúc động cho chàng Kim lần khăn sàm sớ, thì lại càng dễ khiến cho nàng Kiều « đề cao cảnh giác » mà nghĩ đến chuyện thề nguyện : « góp lời phong nguyệt, nặng nguyện non sông. »

Nàng rằng khoảng vắng đêm trường
 Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa
 Bây giờ tỏ mặt đôi ta
 Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao

Vì nàng Kiều lo sợ cho đêm gặp gỡ đó sẽ thành một đêm chiêm bao, mà mộng đẹp sẽ biến thành mộng ảo, cho nên nàng Kiều đã bắt buộc chàng Kim thề ước, bắt buộc chàng Kim trần thiết lễ thề nguyện :

Đài sen nổi sập lò đào thêm hương

Rồi thì :

Tiên thề cùng thảo một chương
 Tóc mây một mái dao vàng chia đôi

Họ bắt ông trăng làm chứng nhân cho họ :

Vầng trăng vặc vặc giữa trời
 Đinh ninh hai mặt một lời song song
 Tóc tơ căn dặn tấc lòng
 Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương

Xong, họ uống chung với nhau một chén rượu. (Rượu suông mà thôi, không có thích huyết như lối thề phong kiến hay lối thề kết nghĩa của đám hảo hớn lục lâm).

Chén hà sánh giọng quỳnh tương

Uống xong chén rượu đồng tâm thì họ lấy giải lụa đồng tâm thắt mối, soi vào gương, nhìn đôi bóng say sưa cuộn tủa trong làn hương khói :

Giải là hương lộn, bình gương bóng lồng

64
 @LÊ TÙNG CHÂU

Những vật kỷ niệm lặt vặt trong đêm đó đã được nàng Kiều gói gắm, trân trọng giữ gìn, và phong cảnh êm đẹp trong đêm đó đã được nàng Kiều khắc ghi vào tâm khảm cùng với lời trăm năm tạc một chữ đồng.

Món tóc thề nàng cắt ở mái đầu, mảnh hương nguyên cháy dở, chén vàng uống chung, và bóng trăng đã chứng giám cho lời minh thệ.

Hễ có dịp nào nhớ đến người xưa thì nàng không quên nhắc lại. Nàng đã nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu bận suốt mười lăm năm lưu lạc đời nàng.

Chúng ta thử đếm :

1. Trăng thề còn đó trơ trơ
 Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng
2. Đã nguyên hai chữ đồng tâm
 Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai
3. Thề hoa chưa ráo chén vàng
 Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa
4. Biết bao duyên nợ thề bồi
 Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì
5. Tài sinh chưa dứt hương thề
 Làm thân trâu ngựa đèn nghi trúc mai...
6. Chén vàng với bức tờ mây
 Duyên này thì giữ vật này của chung
7. Mất người còn chút của tin
 Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa
8. Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
 Tin xuân luống những rày mong mai chờ
9. Nhớ lời nguyện ước ba sinh
 Xa xôi ai có nhớ tình chàng ai

Và đây là lần thứ mười :

10. Tóc thề đã chấm ngang vai
Nào lời non nước nào lời sắt son

Trên đó là đúng mười lần, chính nàng Kiều nhắc lại lời thề xưa hẹn cũ, để làm tăng thêm tình sự nhớ thương.

Bởi vì biết là nàng Kiều rất trọng lời hẹn thề như vậy cho nên đến hồi tái hợp, Thúy Vân và chàng Kim Trọng sau khi ép uồng nhiều lần, nàng không thuận, bèn đánh vào chỗ yếu của nàng mà nhắc lại lời thề.

Chúng ta lại đếm tiếp :

11. Còn duyên nay lại còn người
Còn vành trăng cũ còn lời nguyện xưa

12. Chàng rằng nói cũng lạ đời
Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao

13. Một lời đã trót thâm giao
Dưới dáy có đất trên cao có trời

14. Dẫu rằng vật đổi sao dời
Tử sanh cũng giữ lấy lời tử sanh

Và còn đây, là lần thứ mười lăm :

15. Xót người lưu lạc bấy lâu
Trông thề thốt nặng cũng đau đớn nhiều.

Trích lấy hết, vừa đúng 15 câu đủ với số 15 năm định mạng của nàng Kiều, để chúng ta thấy rằng, việc thề ước coi vậy mà rất quan hệ đối với đời tình ái.

Bởi nàng Kiều thích nói chuyện thề bồi, thích giữ gìn lời ước thề, tin cậy ở lời thề thốt, cho nên cũng dễ bị lật lừa, dễ bị gạt gẫm vì lời thề :

Đối với bọn táng tận lương tâm, vô sở bất chí, như bọn Sở-khanh, Bạc Hạch mà nàng cũng đòi thề thốt rồi mới tin

@LÊ TÙNG CHÂU

lòng. Vì thế mà nàng đã phải hơn một lần thất vọng mà kêu than :

*Nàng rằng thề thốt nặng lời
Có dầu mà lại ra người hiểm sâu*

Vì quá tin tưởng đến thất vọng ệ chề, cho nên nàng Kiều cũng rất ghét giận những con người phản phúc và nàng quyết xử thẳng tay không chút xót thương những ai đã phản bội lời thề :

*Lệnh quân truyền xuống khai đao
Thề sao thì lại cứ sao gia hình.*

Lời thề, coi vậy, xin ai đừng tưởng không can hệ đến đời người, trong khi xử thế tiếp vật.



Bây giờ, thế hệ mới yêu nhau, trong những cuộc tình đầu duyên sớm, không biết có tổ chức ra cuộc hẹn ngọc thề vàng đó nữa hay không. Nếu còn có, thì tất cũng phải tổ chức theo đời sống mới, theo lối hiện sinh, chứ có lẽ nào giữ mãi ước lệ và thề thốt trăm năm xưa được nữa.

Không biết có hay là không có. Mà một độ, đã lâu rồi, chúng ta nghe nhiều đến danh từ « suốt tóc thề ».

Suốt tóc thề, là một lối để tóc, không biết đúng nó như thế nào. Duy danh đình nghĩa, căn cứ theo câu thơ Kiều.

Tóc thề đã chấm ngang vai

Thì là lối cắt, để cho mái tóc mây óng mượt buông xõa xuống bờ vai. Chắc đó là một lối cắt tóc, chứ không phải vì thề bồi mà cắt. Cho nên chúng ta lại nghe có danh từ « diện tóc thề ».

Dẫu đúng dầu không, câu thơ Kiều đã cho chúng ta một hình ảnh dịu dàng, một dáng dấp mi miều, chúng ta mới thấy thơ truyện Kiều đã có ảnh hưởng đến sinh hoạt xã hội đến tâm lý nhân dân chúng ta sâu rộng đậm thấm biết bao.

LỤC BÁT BÂY GIỜ

Qua ca dao và Nguyễn Du, lục bát thành những lời tình ca, nhưng ở Nguyễn Du nó còn trở thành những lời tình ca xé ruột. Từ đó lục bát mang dòng tình ái qua những tay thợ tình cảm khác của những đợt sóng văn chương. Tới thời đại chúng ta bây giờ, hình như cốt cách trữ tình ấy vẫn còn quán quít qua những hình dung tiêu tụy vừa buồn vừa đẹp vừa mềm dịu vừa khô khan của một thời kỳ mà mỗi người thường ưa đặt vấn đề đối với chính mình, với chính điều kiện con người của mình. Hơi thơ lục bát bây giờ nghe thiết tha và u tối như một ngày ảm đạm. Trong tiếng nói thành thật của thời đại, nỗi ưu tư với nụ cười hiền như lời cuốn lẫn nhau thành những tiếng thở dài nhẹ nhẹ trên khuôn mặt lững lờ xa vắng và tĩnh tự. Âm nhạc lục bát mang sẵn bên trong một nguồn trữ tình êm dịu, cho nên bên cạnh ngọn sóng ồ ạt của thơ tự do với hình thể cứng cỏi và phóng túng, lục bát bây giờ, dù với hơi thở u buồn và tiếng nói rơi rạc, vẫn mang được nhiều quyến rũ trong nhịp điệu.

Nếu muốn có một hình ảnh cụ thể về sự so sánh giữa thơ lục bát Việt-nam trước đây và bây giờ chúng ta có hình ảnh người đàn bà Việt-nam. Trữ tình, êm dịu, nồng bức

08
 @LÊ TÙNG CHÂU

và huyền bí. Văn nhan sắc và làn da ấy, nhưng cũng đã có một chút gì đổi thay. Hơi ấm của tình yêu, hạnh phúc trải qua những cơn lo sợ, sự tra hỏi ý nghĩa của đời sống đã đem đến cho người đàn bà Việt-nam, cho những người con gái Việt-nam, cho thơ lục bát mới Việt-nam một nhan sắc mới.

Từ suối nguồn ca dao qua sông dài Nguyễn Du đến những phần nước ngọt lục bát tiền chiến, lục bát bây giờ đã tìm đến được những lục địa mới, đã bắt được những mẫu mỡ lạ và đâm hoa kết trái trên những phần đất trước đây còn bị che giấu. Sau đây là những bông hoa đầu hái được từ những chân trời xa lạ ấy...

Trong những trang sau, bạn đọc có thể thắc mắc khi thấy vắng mặt nhiều nhà thơ quen thuộc (những Quách Thoại †, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa...) Đó là vì thi hứng của những nhà thơ nọ không chảy tới dòng thơ lục bát. Một số những nhà thơ quen thuộc khác, tuy có làm thơ lục bát nhưng cũng vắng mặt nơi đây. Đó là vì số trang chỉ có hạn. Lại có những nhà thơ khác, tuy chúng tôi muốn nhưng lại không-thể trích đăng (như trường hợp Sao Trên Rừng chẳng hạn...) Cuộc họp mặt kém đông đảo, đối với chúng tôi thật là một sự đáng tiếc, ngoài ý muốn...

Phần khác, chúng tôi cũng muốn nhân đây được gửi một lời cảm ơn chung tới một số tác gia mà chúng tôi đã trích đăng thơ tuy chưa kịp xin phép trước. Vì thời giờ eo hẹp, vì sự đi lại khó khăn, dám mong quý vị thể tình lượng thứ.

Chúng tôi cũng xin lưu ý bạn đọc là những trang thơ sau đây sẽ được sắp xếp theo mẫu tự, lấy chữ đầu của bút hiệu hoặc tên các nhà thơ...

BAN TUYỂN-ĐỌC TÁC-PHẨM CỦA « VĂN »

bùi - giáng

• áo xanh

lên mù sương xuống mù sương
bước xa bờ cỏ xa đường thương yêu.
tuổi thơ em, có buồn nhiều
hãy xin cứ để bóng chiều bay qua
biển dâu sức tỉnh giang hà
còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh

• xa trời

xa trời anh bỗng nhớ em ,
giữa miền đất cũ xương mềm trong da
ràng hồng nhan ấy đàn bà
mà em cũng vẫn như là trắng xanh
mưa đầu tròng xuống đầu ghềnh
mùa xuân tằm tức bên triền mây trời
nhớ em anh bỗng xa trời
òì em bỗng cũng như trời xa anh.

cung-trầm-tưởng

● khoác kín

Chiều đông tuyết phủ âm u,
 bàng khuâng chiều đến tiếp thu trời buồn.
 Nhớ ngày tàu cũng đi luôn,
 ga thôn trơ nổi, bằng nguồn héo hon.
 Phương xa nhịp sắt bon bon,
 tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm.
 Sân ga mãi giọt âm thầm :
 máu di có nhớ hồi tâm đêm nào ?
 Mình tôi với tuyết non cao ;
 với cồn phố lĩnh buốt vào xương da ;
 Với mây trên nhợt ánh tà ;
 với đèn xóm hạ cũng là tịch liêu.
 Tôi về bước bước dăm chiều,
 tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.

● chiều

Chiều về mây nước dăm chiều,
 Hoang sơ lá cỏ, tiêu điều quán không.
 Cảnh trơ chim núi ngời trông,
 Sương giăng xóm ngủ, mù buóng lũng chiều.
 Thuyền nằm xuôi bóng xiêu xiêu,
 Con sông tới giãc mắc chiều lên nhanh.

Hồn tôi cái đĩa thau thanh,
 Tròn nguyên nét phác, trung thành ý ca
 Do ré mi fa sol la,
 Ngâm từng âm điệu nghe ra chiều buồn.

đỗ quyền

ĐỊNH - GIANG

Em đi nắng đỏ lưng đồi,
Tóc man dại nổi chân trời lẳng lơ.
Đèo cao lên mãi ơ hờ,
Thu thay tóc lá, gió vờ rung cây.
Đường chiều rết mướt mưa ngày,
Ngõ đêm cô tịch trình bày hoang vu,
Thoáng đèn leo lét sương mù,
Thoáng chiêm bao thấy già từ anh sao

Anh về gió hú đỉnh đèo,
Thác gầm sóng bạc, thu vèo tóc xanh.
Giấc mơ còn thấy quê mình
Còn ôm khoảng nắng thị thành nhờ em.

ý qua

HOÀNG - ANH - TUẤN

Lá vườn mướt cạn hồn đêm

Trăng ôm tưởng nhớ, gió chuyển cảm thông

Môi say gói lấy môi buồn

Đôi bàn tay úp lên cồn bơ vơ

Gió từ kẽ lụa, khe tơ

Ban đi ngàn rộng cõi bờ dậm khơi

Kề yêu loãng nét lông mày

Đục lờ mỗi nhịp thở dài gửi trao

Sóng đàn gợn ngón tay phao

Tóc mềm chột thấy lả vào dư hương.

@LÊTÙNGCHÂU

hành trình

HOÀNG-TRÚC-LY

I

Tôi nay đi giữa hoang đường
niềm đau thân thể tủi buồn hai vai
giật mình nước mắt tương lai
ngày qua và tiếng thở dài xuống thu

II

Toa xe khép cửa khung trời
người đi môi đỏ run lời tiễn đưa
tóc dài xõa mộng ngày xưa
vết thương kỷ niệm bây giờ lại đau

III

Khuya đi dù biết về đâu?
nghe tai còn mãi tiếng sầu vọng âm
đường xưa trải nhớ nhung thắm
ngôi sao yếu mệnh cầm cầm cuối trời.

@LÊTÙNGCHÂU

em về trên biển cả

HỮU - PHƯƠNG

Em về, biển hé môi cười,
Gió lên vang động, khắp trời mây bay.
Giao thừa dường thề đêm nay,
Hồn tôi rạo rực : Tết đầy ao tim

Em về vũ trụ trang nghiêm,
Màng em hoàng hậu, gấm xiêm đại trào,
Yêu kiều một dáng chiêm bao,
Rạng hồng một bóng mây cao lưng trời.

Em về, thảm lát đường khơi,
Mây dùn nhung biếc lợp trời đẳng quang.
Mai nghiêng búp nõn khoe vàng,
Cánh đào thắm mộng thơm ngàn ý thơ.

Em về, đẹp cả duyên mơ,
Hồn du sức tỉnh căng tơ phím chầu,
Mời em thử bậc, so cung,
Cho Xuân bớt vẻ lạnh lùng tha phương.

Nhưng tôi vẫn bấy sâu thương,
Tiếc mùa hoa cũ phấn hương khôn tàn
Em về như một cánh chim,
Rồi đi bỏ lại muôn niềm thiết tha.

@LÊTÙNGCHÂU

đêm đen

HUY - LỰC

Cơn mê gục xuống phố phường
Vùng náu phủ mặt chán chương dung nhan
Hẻm gầy cuốn hút đêm hoang
Guốc khuya đội phố lang thang nẻo về.

HUY-LỰC

t h u

KIM - TUẤN

Thu không tiếng gọi hồn chìm
Trơ xương lá đỏ rừng im dáng chiều
Đốm đèn phố chợ hoang liêu
Buồn lên mắt nhỏ nhà xiêu bóng mờ
Tiếng thăm núi gọi vu vơ
Xôn xao khói tỏa mù tơ nắng vàng.

KIM-TUẤN

@LÊTÙNGCHÂU

nghe đất

MAI - THẢO

Buổi trưa nằm dưới cây xanh
Nhìn qua lá biếc lá xanh sắc trời
Mát thơm đất trải bên người
Nghe trên ẩm lạnh da người cũng thơm

Đất lên hương, thấm qua hồn
Nghe Vui thoảng đến, nghe Buồn thoảng đi
Giữa giờ trưa nắng phương phi
Gió êm ve vuốt hàng my cúi đầu

Người nằm nghe đất bao lâu
Tai nương ngợ tiếng nghìn sau thở dài
Lung linh sóng nắng bay dài
Cõi trong nghe cháy, cõi ngoài miên man

Chợt dẫu rụng tiếng phai tàn
Hoa xanh động ảnh nắng vàng trôi qua
Linh hồn thiếp giữa triều hoa
Bóng hình thôi đã nhạt nhòa trong ta.

R U

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

Ru em lần cuối cùng này
Bằng hơi mát của một ngày sắp qua
Bằng giờ phút sắp chia xa
Rồi thôi rồi chẳng bao giờ nữa đâu
Giòng kinh năm ngón son cầu
Với môi mận với hồn trao nghẹn lời
Với sầu xưa ngút trên vai
Tóc xanh non với khuy cài áo thơm
Hàm răng mật tuổi má tròn
Đường khâu chỉ đã hao mòn đây em
Gió trời xin ngủ bình yên
Coi như giấc mộng ưu phiền đó thôi
Mây cao với mắt trong vời
Soi nghiêng trán bỗng quên người tôi đi.

@LÊTÙNGCHÂU

chân dung

DUY - NĂNG

Khói mây ai quện nên hình
Đêm nghe lòng dựng lũy thành nhớ thương
Giật mình sống giữa trầm hương
Tay tiên mười ngón thơ đường ra đi
Khói mây nào quện kiều nhi
Sầu theo về động biên thù hai mươi

Thoảng bèn gói mộng không lời
Hồ ưu tư động dáng người trần gian
Ngất ngây phấn đại hoa ngàn
Da thơm... nển trắng... bắc tàn... nửa canh
Lệ nghiêng môi thắm riêng mình
Hỡi ơi dài các cho thành thiên thu.

trời mưa đêm xa nhà

TÔ-THÙY-YÊN

Ga đêm mưa chịu co ro
Cru mang tàu thắm rét chờ sáng đi
Khoác rừng dày núi ngời li
Vân vi đường sắt phân ly mấy cảnh
Vài thân súc gỗ tênh hênh
Cổ ôm ấp hân lã quên tay người
Đèn le lói vết thương tươi
Trời da thi thể mưa ngùi chấm than
Hiền ga nhỏ giọt cường toan
Xuống tim quần quai hàng hàng ưu tư
Trong cơ thể máu chần chờ
Ngoài trời khói thuốc vạt vờ ngại bay
Làm gì đây để giải khuây
Ngắm tay mới biết mình gầy hơn xưa
Ngồi chờ tàu góc ga thừa
Nghe hồn ẩm mốc một mùa lạnh căm.

đã khuất

THẾ - VIÊN

Em đi buông nửa cuộc đời
Xuống sâu nghe lạnh bao lời khổ đau
Đất ôm cỏ rối tóc màu
Xưa mang tiếng khóc nổi sâu trong thân
Bóng sao động nhỏ dư âm
Gầy lên phố chợ vai trần rêu khô
Rồi em sương khói hện hò
Trong chiêm bao cũng mịt mờ khói sương
Trời cao khuất nẻo xe tang
Lối mây bay cũng võ vàng nhờ thương
Xuống sâu lạnh mấy biên cương
Biển em xa — động trùng dương chốn này
Ngõ về sông nước đôi tay
Lời em bỗng gọi cỏ cây bốn mùa.

@LÊTÙNGCHÂU

bài ru

TRẦN - DẠ - TỪ

mi sầu thôi khép đi em

hồn anh rộng đã trăm miền không gian

ngày vơi, cửa trống, thu tàn

lá thưa cành nặng cây đàn quạnh hiu

lối đi vừa chớm tiêu điều

mùa nghiêng bóng nhỏ ngày xiên cột dài

phổ chiều gió vọng bàn tay

ru anh về với đôi ngày lãng quên.

@LÊTÙNGCHÂU

bóng nai

TRẦN-TUẤN-KIỆT

Chiều sâu bủa xám không gian
Con chim trong bóng cây ngàn hót xa
Tàn thu lá đổ giang hà
Uống trên nguồn mạch từ xa xôi về
Mang hình bóng cũ ra đi
Giòng qua ngàn bến còn gì nữa không?
Nhìn nhau cũng xót xa lòng
Con chim khép mỏ tuôn giọng lệ xanh
Nghênh tai nghe gió lâm hành
Bóng nai dựng với vách thành đá cao
Cuối trời lạnh lẽo bóng sao
Tiếng kêu gọi bạn tan vào hư không.

dọc đường

TRẦN-THY NHÀ-CA

Ngày đi nắng muộn phai rồi
Buồn sao vẫn một môi cười tủi thân
Lá rừng động gió phân vân
Trời sa thấp đã mang gần bóng anh
Khép mi mộng vỡ tan tành
Sầu gieo nặng một vai mình quạnh hiu
Xe đi hút lũng than đèo
Đời xưa cũng lụn như chiều thoáng qua
Nửa tấm hạnh phúc còn xa
Thôi, anh nhìn lại bao giờ cho người !

@LÊTÙNGCHÂU

kim xuyên

VIÊN - LINH

Mưa trời nhỏ hạt trên vai
Mình tôi đứng đợi nghe dài tiếng than
Cây yèn bóng xế thu vàng
Cột chon von nổi đôi hàng điện thưa

Em ơi vui một đêm bù
Mai xa thành phố bây giờ thức trông
Máu đi rời rạc thân buồn
Vi vu trong tóc một hồn tử sinh

Đời đi quẩn quại trong mình
Thôi em mai chịu hai ngành héo hon
Trong mưa trời đất hao mòn
Vào đây ghé trống khói hun mặt người

Em ngồi đây nốt đêm vui
Ủ é tâm sự những đời thanh niên.

những đứa con thương của đất mẹ

● truyện ngắn của BÌNH-NGUYỄN LỘC

« Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn ». Phần nửa câu nói của người xưa, trong truyện ngắn dưới đây, nghĩ ra có nhiều phần chính đáng.

VĂN

Họ gặp nhau trong mùa nghỉ mát năm ngoái, và hôm trước Tết, họ bàn tính với nhau là hết mùa nghỉ mát năm nay, họ sẽ làm lễ thành hôn. Đời bây giờ mà đề ra tới những mười hai tháng để tìm hiểu nhau thì quả cặp Tuấn—Lucie Minh dè dặt có một không hai. Chỉ hơi phiền là hôm lễ Phục-sinh hai người đi hai ngả : Lucie Minh lên Đà-lạt, còn Tuấn thì đi Vũng-tàu. Tại mỗi người, ai đều có hứng riêng của nấy, mà không ai có bồn phận phải chiều ý ai trong một việc không đáng kể như vậy. Và lại, cả hai, không ai trẻ con cả thì không thề vì thế mà họ giận nhau. Nói « chỉ phiền » là vì đó là nguồn gốc của sự đoạn tuyệt giữa họ về sau này.

Hôm ấy Tuấn ra tới Vũng-tàu thì đã bốn giờ chiều. Tắm cái đã rồi hăng hay. Chàng tắm cho đến năm giờ rưỡi, lên giải khát, xong đâu đó mới đi thuê buồng khách sạn. Không còn buồng nào cả. Nhưng anh con trai này không lo, cứ ăn cơm tối cái đã « rồi hăng hay ». « Rồi hăng hay » là câu chửi

ngôn cửa miệng của Tuấn, mỗi lần có gì giải quyết không được, chàng dẹp nó lại, làm việc khác, hoặc đi chơi, sau khi nói mấy tiếng ấy, nói to lên, hay nói thầm với mình.

Chàng không lo, không phải chàng có thề ngủ trên bãi cát như bao nhiêu người khác. Đó là những người ra đây bằng xe nhà, có thề mang theo những tấm bố lớn để trải ra mà nằm lên đó, chớ chàng thì chàng chỉ có một chiếc va-ly con đựng mu-xoa, một chiếc sà-roong, bàn chải đánh răng, hai chiếc áo tắm, vài cái khăn bông. Y phục, chàng chỉ có một bộ trên người may bằng loại vải không nhàu, như vậy cho nhẹ bưng xách dọc đường. Tuấn không lo vì trong thành phố, ngoài mấy mươi khách sạn mang bằng hiệu và có đóng thuế môn bài, còn mấy mươi biệt thự của tư nhơn, của những ông nhà giàu suy sụp, họ biến thành phòng ngủ lậu ngôi biệt thự của họ, và thế nào chàng cũng sẽ tìm được một buồng, một cách dễ dàng, nhờ bọn trung gian chuyên môn là mấy anh phu xích-lô.

Quả thật thế, ăn cơm rồi, Tuấn thuê ghế dài mà nằm hóng mát cho tới lúc việc tiêu hóa gần xong mới thót lên một chiếc xích-lô đạp, nói lên ý muốn của chàng là anh phu xe « ô-kê » ngay. Mấy anh này nhận tiền thưởng của những phòng ngủ lậu ở đây, nên họ rất thạo tin tức, biết số buồng trống từng giờ, từng phút. Tuy nhiên đó là những kẻ nguy hiểm mà mười lăm phút sau, Tuấn mới biết. Anh phu xe này đưa chàng tới một nơi rất là bê bối. Đã khuya rồi, chàng đành nhận vậy, và tìm anh phu xe khác, sợ anh ta còn lưu manh hơn anh này thì hóa ra chạy ô mỗ mắc ô mả.

Cái nhà ngủ lậu này ắt hẳn cho hoa hồng nhiều lắm, và chắc hẳn đã có nhiều người đi nghỉ mát rơi vào cạm bẫy rồi. Đó là một ngôi biệt thự xưa, một trụ cổng xi-măng đồ nát, rất có vẻ hoang tàn, trụ còn đứng vững mang một tấm bảng nhỏ đề chữ « Biệt-thự Mỹ Phúc ». Tuấn chợt nhớ đến cái nhà mát của hội « Bảo-vệ luân-lý » mà năm xưa chàng leo thang lầu thì cái thang rung rinh mà cả ngôi nhà cũng rung

rinh tuốt. Được cai là « Biệt-thự Mỹ Phúc » không có lâu nên chàng an dạ rằng cho tới ngày về Sài-gòn, giò và tay, cổ chàng sẽ còn nguyên vẹn vì khỏi lo nhà sập như cái nhà mát say rượu đằng kia. Ở đây, buồng người ta lấy trăm rưởi mỗi ngày, kê ra thì rất mắc đối với buồng khách sạn có đủ mọi tiện nghi mà chỉ phải trả có hai trăm rưởi thôi. Nhưng thời cũng được. Sự im lặng hoàn toàn ở đây an ủi Tuấn dữ lắm. Sân rộng có trồng nhãn, các buồng thì đóng cửa kín mít và không nghe tiếng động, nhà lại chỉ cách bãi biển có hơn trăm thước thôi. Bồi phòng là một phụ nữ lai căng, cha Phi-châu, mẹ Việt-nam, ăn nói văn hoa như tiểu thuyết ba xu, nhưng Tuấn lại nghe hay hay. Không có gì buồn cười bằng một người nước da đen huyền, tóc quăn quít một cách tự nhiên, đôi môi dày như hai chiếc bánh trôi nước, đôi hàm răng lại trắng như bột, mà nói : « Trong trường hợp có gì làm thầy không được thỏa mãn, xin thầy cứ khiến trách em để em sửa sai ».

Sáng ra, Tuấn dậy rất trưa, sắp sửa đi tắm và ra khỏi buồng chàng thì chàng thấy rất đông quân nhân Huê-kỳ từ nhà này đi ra. Sự kiện này cắt nghĩa ngay về im lìm đêm rồi. Tuấn rất biết phong tục của người da trắng, họ rất lịch sự ở những nhà chúng cư, đóng cửa kín mít và nhút nhát là đi đứng, nói năng thật nhẹ, sợ mịch lòng lảng giềng.

Thình lình Tuấn nghe xây xầm mặt mày, rồi chàng choáng váng, lão đảo muốn ngã. Chàng vội vã trở vào phòng mình để nằm. Tuấn bị chứng áp-huyết-thấp từ mấy tháng nay, nên cơn khó chịu này không làm chàng hoảng. Chàng sẽ uống thuốc, uống cà-phê đen là khỏi ngay. Tuy nhiên, dầu sao cũng phải nằm cái đã, « rồi hẵng hay ».

Lạ quá, ngôi biệt thự lặng lẽ như chùa Bà-đanh từ hồi đầu hôm tới giờ, bỗng nhiên hóa thành một cái chợ, và tiếng phụ nữ nói líu lo ngoài hành lang, gọi nhau, đáp nhau từ buồng này qua buồng khác, khiến Tuấn bức mình quá : đến lúc cần yên tĩnh để nghỉ ngơi thì thiên hạ lại họp chợ. Chỉ

bồi phòng da đen bung vào cho chàng một bình trà nóng rồi hỏi :

— Thầy uống cà-phê không, em đi mua cho ?

— Đáng lý gì thì không, tôi sắp sửa đi uống ở ngoài, rồi tắm luôn thề, nhưng giờ, vì một lẽ riêng, tôi lại cần cà-phê đen. Vậy chị đi mua giùm tôi năm đồng. Đây, lấy mười đồng đây rồi cắt luôn tiền lẻ mà ăn bánh.

Tuấn uống thuốc với nước trà nóng, và nằm nghỉ nửa năm phút sau thì nghe đỡ. Chị bồi phòng cũng vừa về tới nơi, và ly cà-phê đậm này sẽ làm cho áp huyết của chàng lên tới mức thường. Chàng khoan khoái ngồi dậy rồi hỏi :

— Ai mà làm ồn như vỡ chợ vậy chị ?

— À, mấy cô !

— Mấy cô nào ?

— Mấy cô vợ Huê-kỳ ấy.

— Có tất cả tới bao nhiêu cô lận ?

— Nhà này ngăn ra làm mười bốn buồng, mà có tới chín ông Huê-kỳ có vợ, mười tháng.

— Hèn chi ! Họ mười tháng có cao giá lắm không ?

— Hai ngàn rưỡi.

— Thôi, cảm ơn chị, tôi không còn cần gì nữa cả.

Uống hết ly cà-phê, Tuấn ngồi một hơi thì nghe trong người trở lại bình thường. Nhưng chàng lại bức mình hơn. Khi này, đi qua các phòng đóng cửa, chàng nghe từ phòng nào cũng văng ra tiếng dạy bài học Anh-ngữ đọc chậm, của máy thu thanh. Nhưng giờ thì cả chín cái máy thu thanh ấy đều thi đua hét to lên bài ca Vọng-cồ trào lộng do nghệ sĩ Văn-Hường ca. Tuấn vốn không ưa Vọng cồ vì điệu nhạc ấy buồn thảm quá, mà nhạc buồn lại ca bằng lời giễu cợt thì nó chối tai chàng không biết bao nhiêu. Nhất là vì các chủ máy thu thanh lại mở hết cường độ, và có lẽ đã mở hết cửa buồng ra, nên nó ồn như chợ Cầu-ông-lãnh.

Để trốn không khí điên loạn này, chàng quyết định đi

tâm. Khi Tuấn ra tới đầu hành lang thì một cảnh tượng bất thường dừng chơn lại : Chín cô me Huế-kỳ đang xúm xít ăn chả giò với lại ăn bánh xèo điếm tâm mà hai chị hàng rong gánh vào nhà lúc nào chàng không hay. Các cô ăn chả giò, cô nào cũng ngốn rau xọp và rau chiết, độn no hai má, y như là loài khỉ, còn các cô ăn bánh xèo thì chảy nước mắt sống với lại le lưỡi vì nước mắm chanh làm riêng để ăn bánh xèo rất cay, cay như cà-ry Ấn-độ chứ không phải vừa. Tuấn bật cười, đứng nhìn các me ăn rồi hỏi :

— Có ngon không quý cô ?

Không có me nào đẹp cả. Nhưng tất cả đều thạo ma-ky-dê, thạo ăn mặc, nên trông cũng dễ coi. Họ cười đáp :

— Ngon ghê đi. Mời thầy ăn thử.

— Cám ơn quý cô. Nhưng sao quý cô không ăn với các ông ?

— Ủy mẹ ơi, ai mà ăn với « nó » cho được. Nó ăn sáng tốn lắm, ăn nhiều nhứt trong các bữa ăn trong ngày, mà chỉ ăn toàn đồ hộp thôi, tụi tui nuốt hồng vô.

— Té ra vợ chồng ăn riêng với nhau ?

— Chỉ riêng có bữa sáng này và bữa trưa thôi.

— Trưa cũng ăn riêng ?

— Ừ, trưa « nó » không về, tụi tôi ăn cơm thán của chị bồi đen.

Từ nãy giờ, nhiều cô thay phiên nhau mà đáp các câu hỏi của Tuấn, nhưng cô nào cũng gọi chồng bằng « nó » cả.

— Còn buổi tối ? Tuấn hỏi.

— Buổi tối thì tụi này buộc lòng phải ăn chung với tụi nó, nhưng cũng nuốt không vô, nên tụi này nhõng nhẽo đòi đi ăn tiệm ở ngoài. Đồ tây ở các hiệu ăn, thì tạm nuốt được.

Tuấn mặc áo tằm. Vì nhà gần bãi nên chàng ăn mặc như vậy để khỏi mất công thay, không đoán trước được rằng phải ghé lại để nói chuyện với phụ nữ. Nếu như ở ngoài bãi thì không có gì đáng nói, nhưng ở đây, ăn mặc như vậy trước

những người đàn bà áo quần kín đáo thì vô lễ lắm. Thợ tiên, chàng rất ngưỡng, nhưng vì chàng khinh rẻ mẹ Huệ-ký cũng như đã khinh rẻ mẹ Tây trước đây, nên rồi chàng đã chịu được như thường. Cả chín cô đều vui vẻ và đều có vẻ thích nói chuyện với chàng, nên chàng lại hỏi :

— Cả ngày quý cô làm gì ? Có buồn lắm không ?

— Buồn bỏ mẹ ! Đánh tứ sắc đề giết thì giờ, nhưng đánh hoài cũng phát ngấy lên.

— Như vậy, chắc quý cô mong đợi các ông từng giây, từng phút ?

— Đâu có, bồ ! Cái cô tương đối đẹp hơn hết trong bọn đáp như vậy. Lũ nó về, tụi này còn khổ hơn.

— Chàng về thì chàng cứng mà lại khờ, bồ nói khó tin quá ! Không yêu chàng à ?

— Bồ không biết, chớ khờ bỏ mẹ đi. Có lũ nó thì sáng với lại tối, phải học Ăng-lê đọc chậm...

— Thì phải học mới tâm tình với nhau được chớ !

— Đâu có cần. Tụi này chỉ biết bốn tiếng là đủ sức mần ăn.

— Bốn tiếng nào ?

— Tiếng Yết, tiếng Nô và hai tiếng Đô-la, Ô-kê.

— Đô-la Ô-kê là gì ?

— Là lu bù thứ. Chẳng hạn : anh có tiền không ? Và chẳng hạn : anh cho em tiền được chớ ? Bồ dư biết rằng muốn theo các bài học Anh-ngữ đọc chậm, phải có căn bản tới mức nào đó, chớ tụi này mít đặt, làm sao theo được.

— Hình như là bồ chưa kể hết mọi nỗi khờ ?

Họ xưng hô với chàng bằng « bồ », Tuấn không buồn thay đổi, và ăn nói theo họ đề gây tín nhiệm hầu được họ tâm sự nhiều.

— Ủ, chưa hết. Còn cái nạn đóng cửa nữa. Mình quen ở nhà tranh, nhà lá vách vôi tre đan, trống trơn rất dễ thở, chúng

nó giú mình trong buồng kín mít, mình sẽ chín như trái cây mấ. Mà bồ đừng tưởng là lũ nó ghen, sợ bồ thấy dung nhan cá đằm nhận sa của tụi tui. Không, tại phong tục của lũ nó như vậy. Lũ nó bảo rằng để cho người ta thấy cảnh sống thân mật của mình là vô lễ, mà rủi ro thấy cảnh sống thân mật của ai cũng vô lễ nữa. Bồ có nhớ hay không rằng hồi hôm, bồ tới, quên đóng cửa buồng lại, thằng chổng của con Cúc nó phải đi ngang qua buồng của bồ, nhưng không dám đi, phải đánh một vòng thật lớn để tránh cái cửa mở của bồ.

Quả Tuấn nhớ có nghe tiếng giầy đi tới gần cửa buồng chàng rồi dừng lại, do dự vài giây, đoạn thối lui.

— Ủ, tục đó thì tôi biết. Mà đó là nếp tốt của họ, bồ ráng mà theo.

— Ai thêm ráng mà theo. Cứ mở banh cửa ra có phải dễ chịu hơn không.

— Còn nỗi khổ nào ?

— Lu bù, nói sao cho hết. Khổ nhất là nhạc, phải nghe nhạc của lũ nó. Tụi này chỉ mê Vọng-cồ của đài Sài-gòn thôi, còn lũ nó thì vắn bắt nhạc trời đánh của đài nào không rõ, điếc tai, nhức óc quá trời. Lũ nó ngu ngốc lắm. Sấm ra-dô thì sấm thứ lớn, nhưng mở nghe nhạc thì mở thật nhỏ, làm như là sợ lảng giềng nghe trộm hết nhạc của lũ nó.

Tuấn bật cười, rồi cười ha hả rất dài. Thì ra bọn này trả thù đây : ăn bánh xèo với nước mắm chanh ớt để trả thù thịt đóng hộp, mở bét cửa ra để trả thù tục bế môn, và cho ra-dô hét to để trả thù sự rỉ rả của nhạc đài V.O.A. Một cô, này giờ rất ít nói, không đẹp, nhưng có cái gì đặc biệt vô cùng, rất khó tả ra, bây giờ mới mở lời :

— Thấy có xem cái phim gì mà câu chuyện xảy ra ở Ấn-độ, trong đó có động đất dữ dội, có nước lụt, có săn cọp hay không ?

— Có, đó là phim « Gió Mùa ».

— Trong đó, một kép Huê-kỳ hỏi một kép Huê-kỳ khác, khi họ nghe một giàn nhạc Ấn-độ đại tấu :

— Nhạc gì mà kỳ lạ như vậy ?

— Ừ, anh phải nghe suốt năm trăm năm mới thưởng thức được nhạc của họ. Ấy, tụi em cũng vậy, chắc phải nghe suốt năm trăm năm mới thưởng thức được nhạc Huê-kỳ.

Cơn cười của Tuấn, vốn tiếp tục với một độ thấp hơn, trong câu chuyện của cô này, vụt tắt hẳn. Chàng chợt nhớ đến Lucie-Minh rồi giật mình, sợ hãi. Những cô me Huê-kỳ mà chàng khinh rẻ, nghĩ ra, gần gũi với chàng không biết bao nhiêu ? Chàng tìm một tâm hồn bậu bạn, và dĩ nhiên tâm hồn ấy phải là tâm hồn Việt-nam. Những cô me Huê-kỳ này nguyên trước kia là những cô gái cắt cỏ, những cô thợ cấy, thợ gặt, những cô gánh nước thuê, nên trí và lòng họ hoàn toàn bùng bít với những gì ở ngoài vào, và có ăn ở với những ông Huê-kỳ hai mươi năm nữa, chắc họ cũng không chịu được nhạc Jazz. Họ là người Việt-nam một trăm phần trăm, bước kia, bây giờ, và mười năm nữa. Lucie thì khác hẳn. Lucie đã bị Âu-hóa đậm quá đi rồi. Nàng không ngửi được Vọng-cồ mà chỉ mê những điệu Blues, điệu Rock mà thôi,

Ngày xưa, ở Hà-nội có một nhà trí thức đi Tây học từ thuở lên mười. Ông ấy đỗ đạt rất cao, và thấm nhuần văn hóa Tây-phương cho đến đôi khi nghe ai đọc lên tên chàng Ulysse, ông ta rung động sâu xa và cả một quá khứ Hy-lạp, La-mã vụt sống dậy trước mắt ông ta, trong khi đó thì ông ta hoàn toàn đứng đưng khi nghe ai ngâm :

*Bên Tấm-dương canh khuya đưa khách
Quanh hơi thu lau lách đìu hiu...*

Văn hóa ảnh hưởng đến con người nhiều quá, nhiều hơn là cuộc sống chung lâu năm chầy tháng nữa. Lucie quả là một con người « Cốt-mô-pô-líc », không ngạc nhiên trước món ăn ngoại quốc nào, trước loại nhạc Âu-Tây nào, trước phép lịch sự quốc tế nào cả, chỉ nhờ nàng đã học nhiều quá. Học nhiều quá rất lợi cho người học, mà có thể cho

nước nhà của người học nữa, nhưng y khó lòng mà còn nguyên vẹn là y.

Trước đây, Tuấn thích Lucie ghê lắm vì Lucie biết thưởng thức bản « Nhạc-buồn » của Chopin y như chàng, chàng quên mất rằng chính vì chàng bị Âu-hóa nên chàng rất cần một người bạn đời rất có tâm hồn Việt-nam để bù qua, cắn lại, giữ thể quân bình cho con cái chàng đỡ mất gốc phần nào.

Tuấn nhìn lại cô me Huê-kỳ vừa nhắc đến phim « Mousson » với điệu nhạc Ấn-độ phải nghe năm trăm năm mới hiểu. Chắc chắn nàng là một cô thợ gặt ở Cần-thơ hay Sa-đéc gì đó, cách đây mười năm, trôi giạt lên Sài-gòn, làm sến năm năm rồi giờ thì làm me Huê-kỳ. Mười năm chung đụng với văn minh, nàng chỉ thu nhận được có hai món : tóc phi-dê và đôi giày cao gót. Chỉ vì, chỉ nhờ nàng thiếu học chẳng ? Làm thế nào mà cô me Huê-kỳ này cảm được văn minh Địa-trung-hải, cũng như làm thế nào mà Lucie cảm được tứ đức, tam tông ?

« Một cô giáo làng ở một thôn hẻo lánh tỉnh Vĩnh-bình có lẽ hợp với mình hơn là Lucie. Cô giáo ấy không dốt như cô thợ gặt me Huê-kỳ này, nhưng, y như cô này, cô ấy là đứa con thương của đất mẹ, giống hệt mẹ cô, mà đó là người bạn mình tìm kiếm. » Kể từ cái giây phút này đây, Tuấn hết khinh rẻ các cô me Tây, các cô me Huê-kỳ họ tuy lang nhăng thế mà họ vẫn cứ còn là người Việt-nam một trăm phần trăm, khác hẳn với các cô nữ sinh thơm phức mà lại thắm nhuần văn minh Địa-trung-hải, mà lại rung động sâu xa khi đọc Illyade và Odyssée. Chàng mỉm cười hỏi :

— Nếu có ông Huê-kỳ nào cưới cô nào trong quí cô để đưa về bên ấy, các cô làm thế nào mà quen được với...

— À không, tụi em chỉ làm vợ thánh các ông mà thôi, rồi về sau thế nào cũng lấy chồng Việt-nam chớ, nếu còn có người Việt-nam chịu lấy tụi em làm vợ.

Rồi các cô cười xòa, tỏ vẻ không tin rằng có người Việt-nam nào chịu lấy họ, nhưng họ vẫn hi vọng và phát lộ lòng

bi vong của họ ra bằng trận cười yêu đời ấy. Trong giây phút Tuấn nghe n.linh rất muốn hôn một cô, bất kỳ cô nào trong đám me đó. Cái hôn ấy, nhất định không do tình yêu, cũng không do nhục dục, mà là cái hôn thương mến của một người mẹ hôn con, những đứa con tuy dốt nát mà không vong gia, vong bản.

Sau mùa nghỉ hè, Tuấn lại đến với Lucie. Lucie ngờ Tuấn trẻ con, giận nàg vì cái việc anh đi đường anh, tôi đường tôi. Nhưng nàg rất ngạc nhiên mà thấy Tuấn vui vẻ với nàg như trước, mỗi lần hai người rủ ro gặp nhau. Tuấn vẫn nề nàg, nịnh nàg, chiều chuộng nàg không kém trước chút nào. Nàg có biết đâu rằng Tuấn xem nàg là một người bạn tâm đầu ý hiệp, một nhơn tình lý tưởng, nhưng không thể là một người vợ đủ khả năng thực hiện ý chí kỳ thác truyền thống dân tộc lại cho con cái của chàng.

BÌNH-NGUYỄN LỘC

GIAO-ĐIỂM XUẤT BẢN

CON ĐƯỜNG

truyện dài mới nhất của

NGUYỄN-DÌNH TOÀN

168 trang

giá 568

LÊ TÙNG CHÂU
MỘT VÌ SAO RỤNG :

Le Corbusier không còn nữa

• bài của TRẦN THANH-PHONG
ANDRÉ MALRAUX & ĐẶNG TIẾN



Những vì sao sáng của thế kỷ hiện đại nối tiếp nhau tắt dần trong khoảng thình không bao la hay trong khoảng u tối mà nhân loại đang sống. Thế giới phải đau đớn hơn một lần khi hay tin nhà nghệ sĩ lớn Le Corbusier tạ thế.

Một vòng hoa không nói đủ đức tính can đảm của một chiến sĩ thì một bài tường niệm lại càng làm buồn linh hồn người đã khuất, hơn nữa, đề nói đến sự can đảm phi thường của một chiến sĩ của nền nghệ thuật tiên phong và một nhà nhân bản linh thị (un humaniste visionnaire — danh từ của André Chastel).

Nỗi đau đớn của những người nghệ sĩ đến sau, không tên tuổi của xứ sở nghèo nàn, đang bị chiến tranh tàn phá, đã thúc đẩy vài dòng mẫn phục của mình trước sự khuất bóng của một chiến sĩ hòa bình, một thiên tài lớn ngang hàng với Einstein, Heidegger...

Sinh tại Chaux-de-Fonds, Thụy-si, ngày 6 tháng 10 năm 1887, thừa kế tên Charles-Edouard-Jeanneret, đổi thành Le Corbusier và nhập Pháp-tịch từ năm 1930. Lớn lên, năm 13 tuổi ông làm nghề khắc đồng hồ, ông tự học và sự ham chuộng kiến trúc mãnh liệt đã

đưa ông đến tột đỉnh của ngành này. Mười tám tuổi đã biết xây cất. Với một ít tiền kiếm được nhờ xây mười ngôi nhà thứ hai, năm 24 tuổi ông ra đi khám phá thế giới, qua Ý-đại-lợi, rồi sau đó sang Đức-quốc. Những tác phẩm của Gropius về các nhà máy Fagus đang xây cất đã gây ảnh hưởng đầu tiên cho Le Corbu. Ông lại tiếp tục hành trình qua các xứ Bohême, Serbie, Lô-mã-ni, Ba-lê gia-lợi, Hy-lạp và trở lại Ý. Vào khoảng 1918 ông xuất hiện ở Ba-lê và gia nhập làng hội họa. Triền lãm chung với Perret và Amédée Ozenfant — cùng xuất bản chung tập « Sau lập-thề » tạo nên trường phái « Sơ-nguyên » (Purisme) và lý thuyết của trường này đã đi vào lịch sử của nghệ thuật. Đề phát huy nhóm họ đã cùng với thi sĩ Paul Dermée xuất bản tập san « Tân ý-thức » (Esprit Nouveau) vào năm 1920, và từ đây Le Corbu lại mang thêm một nghiệp mới, đó là nghiệp cầm bút. Chính nghiệp di đã gây tai tiếng cho ông, những kẻ công kích chỉ gọi ông là Le Corbu và ông lấy làm hãnh diện được gọi như thế. Ông có lối văn bút chiến độc đáo, gọn và hùng.

Cuộc triền lãm Mùa Thu năm 1922 lại đưa ông trở lại nghề kiến trúc và thiết kế. Ông đã từ chối công việc làm vật vãnh của phòng triền lãm giao phó, và trong dịp này ông lại trưng bày đồ án của một thành phố mới kiến thiết cho 3 triệu dân cư.

Năm 1924 ông mở văn phòng tại Ba-lê số 35 đường Sèvres đó là một hành lang dài của một tu viện cổ. Cũng tại hành lang này, ý tưởng biến đổi bộ mặt thế giới đã nảy sinh. Thật thế hơn hai trăm kiến trúc sư trẻ được Le Corbusier đào tạo, đa số đã trở nên lừng danh trong hàng kiến trúc sư quốc tế như các người Nhật Maeakawa, Sakura, Tây-ban-nha José-Louis-Sert, Thụy-sĩ Alfred Roth, Ba-tây Oscar Niemeyer, kiến trúc sư người Pháp André Wogenscky. Chính các kiến trúc sư trẻ này đã làm mới thế giới, công trình của họ xây dựng khắp mọi nơi, sừng sững và tân kỳ, vươn mình trên nền trời xanh, dù im lặng nhưng phô diễn được tiếng nói của tân nghệ thuật, lời hòa điệu của điêu khắc lẫn hội họa và lời thơ cùng với mây trời sóng biển lời của gió, lời của nhân gian. Đó cũng là công trình của Le Corbu được thể hiện gián tiếp qua các môn đệ của ông.

Năm 1928 Le Corbusier tham dự tích cực việc thành lập CIAM, đó là hội nghị quốc tế, tân kiến trúc. Nhưng năm đó đã đánh dấu lần thất bại đầu tiên của ông. Đồ án của ông cho Ngôi-nhà Vạn-quốc tại Genève được mọi người tán đồng nhưng rồi Le Maresquier, một kiến trúc sư khoa trường đã quá câu nệ phản đối kịch liệt. Và cuối cùng đồ án Ngôi-nhà Vạn-quốc lại giao phó cho M. Nénot, kiến trúc sư này cũng đã đạo ý một cách ngu muội đồ án của Le Corbusier. Tên tuổi của ông vang dội từ đây và cũng từ đây ông phải chiến đấu đơn độc với một quá khứ kiến trúc hẹp hòi thiên cận. Những kẻ công kích ông đều là những vị có tên tuổi và uy thế. Ngay đến vị thầy của ông, Perret, cũng công kích công trình của môn đệ mình : « Những tổ chuột đến đổi đầu đục phải tường ». Đó là lời phê bình của Perret về « Đơn-vị chung cư Marseille » (Unité d'habitation de Marseille) ngày nay đã trở nên một tác phẩm lớn, độc sáng và kiểu mẫu. Công cuộc thực hiện Đơn-vị chung-cư này thật là gian nan. Vị Bộ-trưởng Kiến-thiết đầu tiên sau khi nước Pháp được giải phóng đã hỏi ông :

— Hiện ông đang thiết kế đô thị nào, hỡi ông Le Corbusier ?

— Không đô thị nào cả.

— Thế đang xây cất gì ?

— Cũng không nốt.

— Vậy thì... (với nụ cười giảo hoạt) hãy xây một ngôi nhà theo ý ông... một ngôi nhà tập cư cho những người dân Marseille... ở đằng kia.

— Vâng, với một điều kiện chưa bao giờ có : tôi không bị câu thúc bởi các quy chế đang được...

— Bằng lòng. »

Nhưng rồi các vị bộ trưởng lại thay đổi luôn. Từ 1945 đến 1950 là khoảng thời gian đơn vị đang được xây cất, 10 vị kế tiếp nhau ở Bộ Kiến-thiết, 7 vị đã lật lại tất cả hồ sơ về việc xây cất này. Có vị đã nhận được bản phúc trình của Ủy-ban Vệ-sinh đòi triệt hạ Đơn-vị chung-cư. Báo chí cũng đua nhau công kích Le Corbusier, nhất là tạp san Kiến-trúc Pháp do những vị kiến trúc

su DPLG chủ trương. Sự công kích quá kịch liệt cho mãi đến khi Đơn-vị chúng-cư xây cất xong và người ta đã bác bỏ trong chế nhạo các đồ án về Saint-Dié và la Pallice. Nhưng khi đồ án Saint-Dié được du nhập qua Mỹ và Gia-nã-đại thì được xem như một kiểu thức tuyệt hảo về phép thiết kế. Không một bài bình luận nào, một lời biện hộ nào hùng hồn bằng những nụ hôn trên má ông của những bà mẹ già đã sống trong những Đơn-vị chúng-cư Marseille và Nantes-Rezé khi nhận ra ông.

Đức tính can đảm đã đưa ông vượt lên trên, ông tiếp tục vẽ và viết, và có tranh luận ông cũng chỉ dùng lý thuyết mà ông thai nghén để trả lời những kẻ đã công kích ông.

NHÂN BẢN HAY PHẢN NHÂN BẢN

Những lý thuyết gia đương thời với Le Corbusier thường lên án học thuyết và chủ trương của ông đều có tính cách phản nhân bản. Thật khó mà định nghĩa một cách xác thực danh từ nhân bản — nhân bản hữu thần và nhân bản vô thần — đưa cá nhân nhập thể với xã hội : nhân bản — giải phóng cá nhân khỏi cộng đồng xã hội : nhân bản. Tất cả những mâu thuẫn đó ta thấy Le Corbusier dung hợp một cách tài tình trong các tác phẩm của ông. Lý thuyết của ông là chìa khóa để giải quyết những mối thắc mắc trước giờ thứ hai mươi lăm của con người trước sự bành trướng của cơ khí (Georghiu : *La vingt-cinquième heure*), cũng là một cứu cánh nhằm giải phóng con người khỏi chế độ, trả con người về với con người. Trong một bức thư gửi các nhà lãnh đạo Xô-viết ông giải bày : « *Je place comme pierre angulaire de tout urbanisation moderne, le respect sacré de la liberté individuelle* ». Cuộc chiến tranh giành Tự-do cho cá nhân giành sự bình đẳng và tiến bộ cho mọi người đã kéo dài hơn hai mươi lăm năm đã xô đẩy nhiều nhà lãnh đạo vào những tội ác mà họ không bao giờ biết. Tại tòa án Nuremberg các phạm nhân đã ngạc nhiên trước những tội ác của Phát-xít Đức khi nhìn thấy cảnh tượng sát nhân trong các trại tập trung, vì người ta đã đọc *Mein Kampf* (của Hitler) say sưa hơn là đọc tác phẩm của Le Corbusier : « *Des canons, des munitions, merci... des logis s.v.p.* »

Un homme qui recherche l'harmonie de la
 vie. Il est les choses qu'on n'a
 pas le droit de violer. Le secret qui est en
 chaque être — ce grand vide illimité où l'on
 peut loger ou ne pas loger sa propre notion
 du sacré — individuel, totalement individuel. Cela
 s'appelle avoir la conscience et c'est cet outil
 de mesure des responsabilités ou des effusions étendu
 du raisonnable à l'irraisonnable. La journée
 a 24 heures. La vie a aussi son entrée et sa
 sortie. Un être est à disposition, un temps.
 Chacun est à l'intérieur de sa peau, dans le
 monde de sa peau.

Le Corbusier

THỦ BÚT CỦA LE CORBUSIER

Le Corbusier đã từ chối những công trình sáng tạo mà Mạc-
 tư-khoa đã dành cho ông. Tuy thế ông vẫn bị lên án là kẻ cuồng tín
 của Tập-đoàn chủ-nghĩa. Thật khó mà xếp Le Corbusier thuộc xu
 hướng nào khi thì ông công kích chính sách phát-xít, chế độ tư
 bản, khi thì ông lên án những người Bôn-sê-vích, khi thì ông cộng
 tác với Mặt-trận Giải-phóng Pháp.

Lý-thuyết về Thiết-kế của Le Corbusier thật là giản dị, ông
 đã tóm lược trong vài chữ: *Habiter, Travailler, Cultiver le corps et
 l'esprit*. Đó là lý thuyết vừa tầm tay con người. Cũng thật là giản dị
 cho phương trình đặt mối tương quan giữa con người và vũ trụ:
 ánh sáng + không gian + cây xanh = hạnh phúc nhân gian.
 Khác với tình cảm nhạy bén của một tâm hồn thi sĩ, ông đã tìm
 tòi và khám phá thang-do Le Modulor giá trị ngang hàng với Sec-
 tion d'or của Hy-lạp. Einstein đã viết về Modulor như sau: "C'est
 une gamme de dimensions qui rend le mal difficile, et le bien facile".

(Đó là cung bậc của kích thước khiến cho ta khó làm điều xấu và dễ làm điều tốt.) Sự tương ứng của hai thiên tài quả là sắt son.

Sự thể hiện lý thuyết nhân bản nhất của Le Corbusier là các Đơn-vị chung-cư. Từ Phalanstère của Fourier đến Unité d'habitation của Le Corbu quả là một đoạn đường xa, thì từ Unité d'habitation đến các Kybuyt của Do-thái là một đoạn đường gần. Trong cuộc khủng hoảng về ngành luyện kim ở Nantes, những người thuê nhà tại Đơn-vị chung-cư Rezé-lès-Nantes đã chia cơm xẻ áo cho các người thất nghiệp. M. Chastelland, chủ tịch hội những người muốn nhà đã tuyên bố : « *Un vent d'enthousiasme a balayé toutes les légendes et lieux communs qui ont circulé et circulent encore sur le complexe des habitations collectives.* » (trích dẫn : Michel Ragon, *Le livre de l'architecture moderne*, trang 162).

Tuy không mắc nợ nhưng ông đã trả lại cho mọi người : ánh sáng mặt trời, không khí và cây xanh, sóng biển và tiện nghi. Dầu vô thần ông đưa người đến gần Thượng-đế, ông tạo không khí và nơi gặp gỡ để người trò chuyện với đấng tối cao. Chúng ta đã bắt gặp sự cảm thông sâu xa giữa người và Chúa trong nhà thờ Ronchamp và tu viện các cha dòng Đa-minh ở Eveux.

Cặp mắt kiến dày, vành kiến rộng, áo ca-rô, đó là hình ảnh thân thuộc của người nông dân — Ba-lê đã từ chối những gì vì Ba-lê ông hoài bão nhiều ngày, thế mà Algérie, Nam-Mỹ và Ấn-độ lại đón nhận niềm nở. Viễn ảnh cuối cùng của tất cả lý thuyết Le Corbusier chỉ nhằm giải phóng con người khỏi mọi sự ràng buộc của máy móc, chế độ, đưa con người đến với thiên nhiên, khám phá thiên nhiên để cùng hòa hợp trong niềm thanh bình vĩnh cửu. Cánh-tay hòa-bình của thành phố Chandirghad đưa cao để đón nhận những cánh chim từ Hy-mã Lạp-sơn.

Không một lý thuyết nào mang tính chất nhân bản bằng lý thuyết của ông. Ông là con người tự do, tự do hoàn toàn và xây dựng khung cảnh để mọi người được tự do. Vì vậy hơn một phần ba nhân loại, các nước chậm tiến đã đón nhận tư tưởng của ông vậy.

THI CA THẨM MỸ VÀ NGHỆ THUẬT.

Lý thuyết gia về ngành thiết-kế, ông có viết ít nhiều về Sơ-nghuyên chủ nghĩa trong giai đoạn đầu của đời ông, còn ngoài ra ông đã chỉ thực hiện nghệ thuật mà thôi. Ngoài những công trình kiến trúc vĩ đại, ông đã xuất bản ba tập thơ: *Poésie sur Alger*, *Le poème de l'angle droit*, *Le poème électronique*. Nhưng lời thơ chan hòa trong toàn bộ tác phẩm của ông, tác phẩm về hội họa, kiến trúc và cảo bản. Thật khó mà tách rời con người thi sĩ, con người của hội họa, con người của kiến trúc, lý thuyết gia, ra từng phần một ở Le Corbusier. Tất cả đã trộn lẫn tạo ông thành con người của nghệ thuật — chữ nghệ thuật tuyệt đối — không còn là vị nghệ thuật hay vị nhân sinh. Ông là con người sáng tạo rất gần với hình ảnh của Thượng-đế, hiểu theo ngôn từ của Heidegger về cách định nghĩa thi sĩ. Thái độ của người nghệ sĩ trước cuộc đời, phải tham dự hay dẫn thân, sự tra hỏi, ý thức trách nhiệm mà Albert Camus đã đề cập trong bài diễn văn đọc nhận dịp nhận giải Nobel, cũng như J.-P. Sartre đã có dịp viết, tất cả Le Corbusier đã thể hiện trong suốt cuộc đời ông. Từ La-Chaux-de-Fonds, tháng mười năm 1887, đến Roquebrune, tháng tám 1965, trên quãng đường dài bảy mươi tám năm Le Corbusier luôn luôn tranh đấu cho ý nghĩa của nghệ thuật. Những lần thất bại, những lần chán nản, sự phản bội và lo âu đã tạo nên khuôn mặt buồn thảm của một Rembrandt hay của một Michel-Ange ở Le Corbusier. Ông không bao giờ giải thích nghệ thuật, mái nhà thờ Ronchamp, ô cửa ở tu viện La Tcurette, bàn tay ở Chandigarh, những tổ tò vò cong của biệt thất Sarabhai ở Ahmedabad đã giải thích giùm ông. Ông không cần giải thích đối tượng của nghệ thuật, nhưng đã có Pierre Francastel giải thích giùm. Trong phần đầu cuốn *Art et technique* tác giả này viết: « *L'Art ne libère pas l'homme de toutes les contraintes, il ne lui offre pas le moyen d'appréhender et de traduire dans l'absolu des sensations, il constitue un mode de connaissance et d'expression mêlé à l'action. Il existe aussi dans l'ordre de l'imaginaire une fusion de la logique et du concret. A travers les images l'homme découvre, à la fois, l'univers et son besoin de l'organiser.* » Khai triển mối tương quan giữa nghệ thuật và sự tiến

bộ của kỹ thuật, Le Corbusier đã thực hiện hơn trăm công trình, nhưng muốn có những giải thích khá rõ ràng, mạch lạc không gì hơn ta tìm đọc tác phẩm của Francastel hay của Francoise Chosy viết về Le Corbusier. Ta có thể hiểu quan niệm về nghệ thuật của Le Corbusier qua hai tác giả trên, song muốn rung cảm với nhà nghệ sĩ vĩ đại nhưng rất bình dân không gì hơn ta đọc một vài dòng của ông khi ông viết về việc xây tu viện La Tourette: *Mon métier est de loger les hommes. Il était question de loger des religieux en essayant de leur donner ce dont les hommes d'aujourd'hui ont le plus besoin: le silence et la paix. Les religieux eux, dans ce silence placent Dieu. Ce couvent de rude béton est une oeuvre d'amour. Il ne se parle pas. C'est de l'intérieur qu'il vit. C'est à l'intérieur que se passe l'essentiel.*



NHỮNG CÔNG TRÌNH CHÍNH CỦA LE CORBUSIER ĐÃ THỰC HIỆN

- 1923, Nhà La-Roche Jeanneret, Paris
- 1925, Tòa nhà Tân-ý-thức, Paris
- 1929-31 Biệt thự Savoye, Poissy
- 1930-32 Tòa nhà Quang-minh (Imeuble Clarté), Genève
- 1930-32 Tòa nhà Thụy-sĩ, Cư-xá Đại-học Paris
- 1932-33 Cư-xá Dưỡng-nhàn (Cité de Refuge) Paris
- 1933 Tòa nhà cho mượn tại Porte Molitor Paris
- 1934-35 Dinh Centroyoyus, Mạc-tư-khoa
- 1936-45 Trụ sở Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Y-tế, Rio de Janeiro
- 1947 Tòa nhà Liên-hiệp-quốc, Nữu-ước
- 1947-52 Đơn-vị Chúng-cư, Marseille
- 1950-53 Nhà thờ Notre Dame du Haut, Ronchamp
- 1950-60 Thiết kế Chandigarh, thủ phủ Punjab, Ấn-độ
- 1953-55 Đơn-vị chúng-cư Rezé-lès-Nantes
- 1954-56 Hợp-tác-xã dệt, Ahmedabad, Ấn-độ
- Trung-tâm văn-hóa và Tàng-cổ-viện, Ahmedabad

- 1955 Tòa nhà Ba-tây, Cư-xá Đại-học, Paris
1956-58 Đơn-vị chúng-cư, Bá-linh
1957-59 Tàng-cổ-viện Đông-kinh
1957-60 Tu-viện Tháp Nhỏ (Couvent de la Tourette), Eveux.

Ánh sao sáng đã tắt. Tôi còn nghe ngân vang tiếng chuông già biệt vọng từ nhà thờ Ronchamp và tu viện La Tourette. Những tin đồn Ky-tô-giáo đã đưa tiễn Le Corbusier hay Daniel-Rops (1) về nơi an nghỉ cuối cùng. Nhưng tôi, tôi còn nghe tiếng sóng của Cap Martin hay của Roquebrune ở trong lòng. Gửi theo nắm đất của Acropole và chút nước sông Hằng về góp với màu trời điện Louvre giữa tiếng Nhạc Tang của Beethoven chút lòng ngưỡng mộ của một kẻ theo sau, một nắm đất của thành Cồ-loa, một chút nước của chín con rồng cuộn cuộn chảy. Biết bao giờ trên quê hương này được xây « Cánh tay hòa bình » để đón những cánh chim từ dãy Trường-sơn ! Tôi xin gửi đến Le Corbusier câu thơ sau của thi hào đất nước chúng tôi :

« Mai sau dù có bao giờ... »

T.T.P.



Trong sân điện Louvre, le Corbusier đã nhận những vinh dự nước Pháp dành cho linh hồn quá cố.

Trong bóng tối lạnh lẽo của đêm khuya, một số thân hữu đồng đạo đã đến vây quanh linh cữu. Dự tang lễ có nhà văn André Malraux, Quốc vụ khanh đặc nhiệm Văn-hóa của Chính phủ Pháp, các Bộ trưởng Maziol, Fouchet, Triboulet, nhiều đại sứ, sứ thần và đại diện các đoàn thể trong nước và ngoại quốc.

André Malraux đại diện chính phủ đọc diếu văn, trong khi đại biểu Hy-lạp và Ấn-độ đến dâng đất thiêng của Acropole và nước thiêng của sông Hằng.

(1) Xin xem bài của Cung-Giữ-Nguyên đăng trên Bách khoa, số 209, ra ngày 15/9/1965, trang 137.

Bản hành khúc « *marche pour la mort d'un héros* » của Beethoven đã tiễn đưa le Corbusier ra đi theo đoàn Vệ binh danh dự của Đệ-ngũ Cộng-hòa Pháp-quốc.

Sau đây là tiếng nói của nước Pháp qua nguyên văn bài ai điếu của A. Malraux, trích báo *Le Monde* số ra ngày 3-9-1965 :

Khi quyết định dành cho Le Corbusier sự tôn kính của Pháp-quốc, thì chính phủ nhận hai điện văn sau đây :

« Toàn thể kiến trúc sư Hy-lạp, với niềm đau buồn thấm thía, quyết định cử chủ tịch của họ đến dự tang lễ le Corbusier và đặt lên phần mộ một nắm đất Acropole ».

Và hôm qua đây :

« Nước Ấn-độ nơi le Corbusier đã để lại những công trình tuyệt mỹ, cả kinh đô Chandigarh do người kiến trúc, sẽ đến gieo trên linh cữu những giọt nước sông Hằng biểu hiệu một vinh dự tối thượng. »

Đó là đáp từ của vinh cữu.

Thật là một sự kiện kỳ diệu khi nước Hy-lạp có mặt tại đây, tại triều đình mà lần lượt Henri II, Richelieu, Louis XIV và Napoléon đã góp công xây cất, khi nữ thần suy tưởng đến đây hạ thấp ngọn giáo lên linh hài.

Thật là một sự kiện kỳ diệu khi có mặt nơi đây sứ thần của những đền đài vĩ đại, của những hang động linh thiêng bên trời Ấn-độ-dương; và vinh dự thay sự tôn kính hôm nay là lòng trân trọng của những công trình.

Những biểu tượng đó được gửi đến một biểu tượng của bằng hữu. Le Corbusier đã có những đối thủ vĩ đại trong đời; những đối thủ đó một số hiện diện ở đây, một số đã đi vào lịch sử.

Nhưng chưa một kẻ nào đã mang đến mãnh lực cách mạng vào kiến trúc vì chưa có một người nào chịu đựng lâu dài và kiên nhẫn những ngộ nhận của thời đại như Le Corbusier.

Vinh dự đã tìm thấy trong những mạt ly của trần thế tia sáng linh thiêng nhất. Vinh dự đó về với một sự nghiệp nhiều hơn là về với một tác giả không mấy ham danh. Trong một tu viện được cải dụng thành nghệ xưởng, sau bao nhiêu năm cần cù làm việc xây dựng những kinh đô, con người cuối cùng đã tắt nghỉ trong một túp lều cô độc. Những người tắm biển lúc mang xác của nạn nhân già nua lên bờ, không biết đó là Le Corbusier, nhưng người quá cố sẽ vui lòng khi biết lúc sinh thời những kẻ ấy thường gọi ông là « người xưa » mỗi lần ông xuống biển (1).

Le Corbusier đã là họa sĩ, thi sĩ, điêu khắc gia, và kiến trúc sư hơn, đã là thi sĩ. Nhưng ông chỉ tranh đấu cho kiến trúc, chứ không vì hội họa, điêu khắc hay thi ca. Trong niềm hăng hái dành riêng cho kiến trúc, Le Corbusier nuôi dưỡng hy vọng phức tạp và say đắm sẽ làm được cái gì cho con người.

MÁI NHÀ PHẢI LÀ KHO TÀNG CỦA CUỘC SỐNG

Nhiều người biết danh ngữ của Le Corbusier « ngôi nhà là cái máy đề ở » ; câu nói ấy không tiêu biểu cho ông bằng câu này : « mái nhà là kho tàng của cuộc sống », máy chế tạo hạnh phúc : « Ông luôn mơ tưởng những thành phố, và dự án các « đô thị tươi sáng » là những ngọn tháp vươn lên từ những khu vườn rộng. Quan niệm ấy đã dựng lên những giáo đường, những tu viện độc đáo nhất thế kỷ. Vào những ngày cuối, ông vẫn thường nói : « tôi xây dựng những gì cần thiết nhất cho con người hôm nay : im lặng và thanh bình ». Và công trình chính của kinh đô Chandigarh sẽ đội một « Cánh tay hòa bình » cao vút để chờ đón những cánh chim từ Him-ma Lạp-sơn về ghé lại ; « Cánh tay hòa bình » còn chưa thực hiện.

Tính cách tôn quý đôi khi không cố tình này phù hợp với những lý thuyết tiên tri và luôn quá khích, một luận điệu cuồng nhiệt, một thứ mầm sống của thế kỷ.

(1) Le Corbusier chết khi đang tắm biển vì bệnh đau tim, tại Côte d'Azur, ngày thứ sáu 27-8-65. (L.N.D.)

Mọi lý thuyết hoặc đưa đến danh phẩm, hoặc đưa đến lãng quên. Nhưng lý thuyết Le Corbusier đã mang đến cho các nhà kiến trúc trách nhiệm nặng nề của họ hôm nay, là việc chinh phục, những ý hướng của trái đất bằng tư tưởng. Le Corbusier đã biến cải ngành kiến trúc và cả người kiến trúc. Từ đó, ông đã tạo được những ảnh hưởng lớn lao nhất của thời đại. Trong Le Corbusier có một con người sáng tạo và một con người lý thuyết mà chúng ta không thể tách rời nhưng cũng không thể nhầm lẫn. Có thể nói là một thứ anh em song sinh. Trước hết Le Corbusier là nhà nghệ sĩ đã nói từ 1920 : *« Kiến trúc là hòa điệu tinh tế, nghiêm chỉnh và kỳ diệu của những hình thể được ghép lại dưới ánh sáng »* và sau này sẽ tuyên bố : *« những khối bê-tông cứng rắn phải gợi được những rung cảm con người rất mong manh »*.

Nhân danh những quy luật công dụng và quy luật biện chứng, Le Corbusier phát minh những hình thể độc đoán một cách tuyệt mỹ. Dĩ nhiên, Le Corbusier chống lại lối bài trí của cuối thế kỷ XIX và phá hủy những trang hoàng. Nhưng chỉ hủy bỏ những thể chân đèn, trong khi chưa tạo được những thể khối lớn, thì làm sao gợi ra mái tiền cao vút của nhà thờ Ronchamp (1) vươn mình lên chân mây miền núi Vosges ? Ở đây, sự khắc khổ của Le Corbusier tìm lại linh hồn những Pháp-đình thời La-mã.

LÒNG TÔN KÍNH CỦA THẾ GIỚI

Le Corbusier làm như quên, nhưng kỳ thật vẫn nhớ, là nhà cửa của ông không những là nhà cửa, thành phố ông tưởng tượng không những là thành phố, và Chandigarh còn là một cái gì khác hơn là thủ đô xứ Penjab. Ông đã hùng hồn diễn tả nguyện ước của ông, do đó ngành kiến trúc Hy-lạp đã gửi năm đất Acropole *« cho người đã cảm mến Hy-lạp »*. Nhưng không phải những áng văn của ông đã gợi lên niềm huynh đệ giữa Hy-lạp và Ấn-độ chính Chandigarh đã gợi lên điều đó. Không phải lý thuyết của ông

(1) Tên một nhà thờ do Le Corbusier xây dựng ở miền Tây nước Pháp (LND)

thể hiện tương quan bao la và thẩm thiết giữa những hình thể của kiến trúc, mà những công trình của ông đã thể hiện. Khi ông nói một cách chí lý, là con đường được tạo nên không phải cho xe hơi, mà cho người đi chân và người đi ngựa, ông đã biểu lộ ngôn ngữ ngàn thu. Vì phải báo hiệu cho tương lai, ông đã biến thể cả di vãng của người chết để trả về cho kẻ sống.

Le Corbusier, người tôi đã từng gặp trong tình quí mến ruột thịt của xứ Ba-tây, tôi xin gửi đến người lòng tôn kính của thế giới.

Tại Nhật-bản, mặt trời lên khi sáu hệ-thống vô tuyến truyền hình chiếu lên hình ảnh bảo tàng viện Đông-kinh do Người xây cất; bình minh đang diềm trên Ấn-độ khi những cánh chim tước vô cánh trên công trình Chandigarh, khi loài chim sẻ của Pháp-quốc còn yên ngủ dưới mái giáo đường Ronchamp. Phía bên kia trái đất thời đại thành Rio, truyền thuyết Brasilia sắp sáng lên tiếp đón hoàng hôn.

Trong khi từng đoàn phụ nữ Ấn-độ mang đất vào khoảng trống dưới chân đài « Cánh tay hòa bình », trong dáng dấp những người xưa mang thóc lúa, thì lần lượt Tổng-thống Kubitschek, người đã từng dựng lên thành phố Brasilia từ những bình nguyên hoang vu, gọi đến Người lời ca ngợi « Người mang linh thị của kiến trúc, bên cạnh những môn đồ Niemeyer và Costa (họ là những đứa con tinh thần, đúng hơn là những môn đệ của Người). Niemeyer kiến trúc sư của những dinh quốc trưởng châu Mỹ La-tinh, vừa mới tuyên bố : « Người là thiên tài vĩ đại nhất của ngành kiến trúc hiện đại ». Và đây là Costa, kẻ đã vẽ nên khu đô thị lớn nhất thế giới đã đến đây theo linh cửu của Người từ bờ biển thăm khốc.

Đây là cô Costa, môn đệ của Người đến đây theo bộ quan tài.

Đây là các nhà kiến trúc Hy-lạp và Ấn-độ.

Đây là điện văn của Aalto người đã biến đổi cả xứ Phần-lan, điện của Anh-quốc : « Không có một nhà kiến trúc nào dưới sáu mươi tuổi mà lại không chịu ảnh hưởng của Người ». Đây là điện của Nga-sô « Kiến trúc loài người ngày nay đã mất bậc thầy vĩ đại nhất ».

Đây là điện văn của Neutra, của kiến trúc sư Mỹ-quốc tiếc rằng người ra đi quá sớm.

Và đây là tiếng nói của Tổng-thống Hoa-kỳ : *Ảnh hưởng của Người bao quát cả nhân loại và công trình của Người đã đi tới một vịnh cứu mà không mấy kẻ đã đạt trong lịch sử nghệ thuật của chúng ta*.

Và cuối cùng đây là nước Pháp, quốc gia đã quá hồ hững với Người, quê hương mà Người đã mang vào lòng khi chọn trở về quốc tịch Pháp sau hai trăm năm xa biệt, đây là nước Pháp qua lời của nhà thơ vĩ đại nhất của xứ sở : *« Kính chào Người, bên thêm mồ nghiêm khắc... »*

Vinh biệt Người, bậc thầy xưa và người bạn cũ.

Xin người yên nghỉ.

Đây là lòng tôn kính của những thủ đô hùng tráng, vòng hoa đau thương của Brasilia và Nữ-ước.

Đây nước thiêng của sông Hằng và đất thiêng xứ Acropole ».

ANDRÉ MALRAUX

ĐẶNG TIẾN dịch

ĐÃ PHÁT HÀNH

đêm tóc rồi

truyện dài

DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

THỜI-MỚI XUẤT BẢN

đọc sách mới

con đường | tác-giả : NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN
người đọc : NGUYỄN MẠNH-CÔNG

1.

Về hình thức, *Con đường* là một quyển sách dày 168 trang, in chữ Véronèse thân 10, mặc dù bát chữ hơi dài — đề tiết kiệm giấy, bán rẻ — nhưng trình bày sạch sẽ, trang nhã. Bài sửa rất ít lỗi. Bìa của họa sĩ Văn-Thanh, hai màu vàng, đen (và xám) rất nổi và lịch sự. Giá bán 56 đồng. Rẻ. Rất rẻ, nếu người ta biết số vốn in sách và số tác quyền mà cơ sở xuất bản Giao-diềm đã dành cho tác giả...

2.

Về nội dung, câu truyện của CON ĐƯỜNG kể đoạn đời ba, bốn năm của một người con gái. Nhân vật tự thuật ở ngôi thứ nhất. Tôi là đứa con gái tật nguyền : mặt tôi bị một dấu tràm đen ngay trên má. Tôi bị ghẻ lạnh trong gia đình vì mẹ tôi đã bỏ chồng lấy trai. Ba tôi buồn rồi mất. Ông nội tôi thương cháu, nhưng xa xôi quá. Tôi tủi thân đi tìm mẹ. Tôi càng tủi thân hơn. Trên đường đi trở lại gia đình, tôi bị cảm trong một cái quán bên bờ sông, khi xe đò phải chờ bắc. Tôi được một chàng trai săn sóc. Tối tôi ngủ lại với chàng. Sáng hôm sau tôi ra về, không gặp lại... Rồi tôi lên Đà-lạt, gặp một bà bạn làm cùng sở và một ông khách nhà văn, viết kịch. Bà bạn đẹp, đã hai đời chồng, không có con. Bà sống không ràng buộc, không giới hạn trong cái tự do tương đối

của cá nhân. Bà nói hết những điều bà nghĩ. Ông khách thì khôn ngoan. Bằng tuổi tôi, khi người ta nói yêu một người, câu nói ấy... chỉ biểu tỏ một chút cảm tình thành thật nào đó trong giây phút. Thế thôi. Người ta không đề ý đến sự đắm thắm hay phai nhạt nữa. Ông khách nói như thế vì tôi đã ngủ với ông ta. Tôi đã nói yêu anh. Vào một ngày Tết nào đó mà tôi rời Đà-lạt về với gia đình. Sau Tết, tôi đi thăm mẹ tôi, như vĩnh biệt. Trên đường về, tôi vào tận đồn hỏi thăm chàng. Một người bạn cũ, bây giờ là thiếu úy, cho tôi biết chàng đã dời đi nơi khác. Nhưng có lẽ chàng đã chết trong đêm bị tấn công, bởi vì chàng xin dời về đồn này chính để trả thù cho em gái, em sẽ bị địch giết. Vậy chàng không thể đi nơi khác. Tôi mất chàng, mất ông khách, mất mẹ tôi. Nhưng tất cả đều không có gì đáng kể phải không anh. Không có gì thật, cả sự buồn vui, cả sự thành thực, cả sự gian dối, cả hạnh phúc lẫn bi thảm.

Đến đây hết truyện của tôi. Nhân vật chính tự xưng ở ngôi thứ nhất. Nhưng không xưng tên họ. Cũng như ông khách, bà bạn, bà mẹ, ông nội, người cô, người đàn bà tàu đi cùng chuyển xe. Cũng như chàng. Tất cả đều vô danh. Đây là đặc điểm thứ nhất trong tác phẩm của Nguyễn-dinh Toàn.

Từ khá lâu rồi, tôi ít đọc tiểu thuyết ngoại quốc — thỉnh thoảng đọc một quyển đã nổi tiếng để đỡ thấy mình quê mùa — nên tôi không biết đã có tác giả nào viết một cuốn truyện không đặt tên cho nhân vật hay không. Vì không biết nên tạm coi là không. Vậy việc của Nguyễn-dinh Toàn là mới mẻ. Nhưng có ý nghĩa như thế nào ?

Tôi nhắm mắt nghĩ đến Toàn. Không lẽ hẳn định đánh đổ độc giả xem nhân vật ấy là ai, tên là gì, theo kiểu báo hàng ngày nửa kín, nửa hở. Không lẽ hẳn cho rằng tâm sự của nhân vật là cần, còn tên tuổi đều vô dụng. Không phải thế. Nhưng có lẽ cũng gần như thế. Toàn là người mang bệnh nặng trong người, viết truyện lúc nào cũng băn khoăn về sự sống, cái chết. Có lẽ Toàn vội vã hơn ai khác. Không biết mình còn sống được bao lâu, mà này sự nghiệp, này vợ con, này công việc làm ăn, này bè bạn. Rồi tình rồi mù trong một thời gian có thể ngắn ngủi bất ngờ. Toàn hơn ai khác, phải thấy rõ cái tính chất vô tích sự của đời sống. Sống

đề làm gì mà làm chuyện bực bội thế này. Mà làm điều vương mắc thế này. Vậy sống có ý nghĩa hay không có ý nghĩa. Thân phận con người giữa đám đông mới nhỏ nhoi, và xã hội mới vô tình làm sao.

Rất có thể Toàn đã nhớ một câu văn của Marcel Proust : *« Một cái tên rất nhiều khi, là tất cả những gì còn lại cho chúng ta, của một người, không nhất định khi nó đã chết, mà ngay trong cuộc sống của nó »* hay một câu của Valéry : *« Pháp luật nắm lấy con người (đàn ông), từ trong nôi, gán cho nó một cái tên mà nó sẽ không thay đổi được, đặt nó vào nhà trường, rồi biến nó thành binh sĩ, đến tuổi già vẫn phải trả lời một tiếng gọi nhỏ bé nhất »*. Nó ở đây không biết là người hay là cái tên của người đó thôi. Như Marivaux cho rằng : *« Hai bà đó biết tên nhau và nhờ đó biết cách cư xử với nhau. »* Nghĩa là, nói cho cùng, trong cái cuộc sống càng ngày càng máy móc này, người ta chỉ cần biết cái tên của kẻ khác. Một cái tên vinh hiển, phú quý, hay mặt rệp, tối tăm. Người ta sẽ theo đó mà đối xử với kẻ có cái tên ấy. Vì ai nấy đều vội vàng, làm gì có thì giờ để tìm hiểu lẫn nhau !

Rất có thể đã nghĩ như thế, nên, tức giận, Toàn mới viết một truyện không thèm đặt tên cho nhân vật. Đề cho bạn đọc đừng thấy Tuyết-Hương mà yên chí là sắc đẹp ; Hùng, Dũng mà tin là chiến sĩ xung phong.

Nhưng cũng có thể Toàn không ác đến thế đâu. Có thể Toàn còn có hảo ý gán cho những nhân vật vô danh những suy tư sâu sắc, đề tỏ rằng tên họ chẳng có gì đáng kể, vì trong mỗi con người còn có một tâm hồn tế nhị, thèm khát tình yêu, thèm khát được hiểu thấu, thèm khát được dựa lưng vào một người bạn để chống lại cả cuộc đời.

Hay Toàn định nói lên một điều thêm nữa là những nhân vật vô danh đó có thể là bạn, là tôi, là bất cứ ai. Trong cốt truyện đã trình bày một số hoàn cảnh. Cô con gái, vì một nét vô duyên, phải suốt đời quanh quẩn với những mặc cảm tự ti của con người thiệt phận. Người đàn bà vừa lớn tuổi vừa khôn ngoan và tràn đầy nhựa sống với sắc đẹp, lẽ cố nhiên khác hẳn cô gái, bằng sự

hường thụ tự nhiên, coi mở như coi thường cả xã hội chung quanh. Người đọc tự hỏi không biết có phải bà ta, với ông khách, là hai mẫu người mà Toàn muốn đặt vào loại khôn ngoan trước sự sống. Không tội gì phải dấu diếm khổ khổ đến độc ác như bà cô chữa hoang. Nhưng cũng không đến nỗi chấp nhận sự sống — lấy vợ, đẻ con, đi lính, đánh trận — một cách anh hùng hơn gần dị như viên thiếu úy bạn cũ của nàng. Cuộc sống được trình bày như một bức tranh linh hoạt toàn bằng tâm sự. Lời nói cũng như hành động nhiều khi thoát khỏi, nhiều khi trái hẳn với ý muốn thật sự của người trong cuộc. Như cô gái chen kẽ sự nghĩ và sự không nghĩ, sự nói ra lời và sự không nói ra lời. Những câu nói đề che đậy sự trống rỗng hay đề cắt đứt sự im lặng.

Nhân vật của Toàn, có thể nói như vậy, chỉ hiện diện như những cái cớ đề cho Toàn triết lý. Tôi, với tư cách bạn của Toàn, rất không bằng lòng thái độ ấy. Vì suy tư làm mệt người hơn cả chạy tiền đóng gạo — tôi đã có kinh nghiệm bản thân về điểm này. Nhưng tôi không thể chối rằng Toàn triết lý được lắm, hay lắm. Một vài người tôi quen thường dè bủ rằng Toàn đã đọc được bao nhiêu sách, sống được bao nhiêu năm (và từng trải bao nhiêu dâu bể) để khẳng khẳng muốn làm thầy đời như vậy. Tôi hoàn toàn không đồng ý với lời chê trách. Luận từ dưới lên trên, tôi cho rằng Toàn viết trước hết là viết cho chính hắn. Với tư cách một kẻ đã từng trải khá nhiều dâu bể (và đã đủ tuổi để có chết hôm qua cũng không gọi được là chết yểu) tôi biết đích xác Toàn đã phải vận dụng đến nhiều can đảm hơn tôi để sống được đến hôm nay. Bởi lẽ Toàn từ lâu mang bệnh nặng, và không còn gì mệt mỏi, không còn gì, đau khổ và tức tối bằng ngày đêm bị nhắc nhở bởi một đe dọa hiểm nghèo cho sự sống của mình. Tôi biết có nhiều người mới đau nhẹ hơn Toàn mà đã làm như cả vũ trụ phải sụp đổ vì nỗi cay đắng của riêng họ. Nhiều người đã tự buông lời ý chí, chỉ trong ít lâu rồi chết. Nhiều người được cha mẹ giàu có, đã chơi bời cho đã cái thân, cho đến lúc phá hết cơ nghiệp mà vẫn sống nhàn rảnh. Tôi không biết đau yếu khi còn trẻ, nhưng trong mấy năm gần đây có vài lần mang bệnh bất ngờ, chỉ trong một tuần lễ thôi cũng đủ xét trong người mình mà hiểu sự

cố gắng hàng ngày của Toàn : từ năm sáu năm nay Toàn vẫn đọc sách, viết bài cho đài Sài-gòn, viết báo và viết sách. Tôi nói thẳng là tôi kính và sợ cái can đảm của Toàn.

3.

Nhưng tôi đã nói thế, tôi không bằng lòng thái độ ấy của bạn tôi. Vì sao ? Vì nghĩ ngợi nhiều quá, đào xới nhiều quá, Toàn sẽ gặp phải hai sự thiệt hại. Thứ nhất, một khu vườn, dù đất tốt đến đâu, cũng phải được cấy cấy, vun bón, và có thời gian mới đâm được nhiều cây có hoa đẹp, có trái ngon. Tôi muốn nói Toàn phải mở rộng suy tư để mở rộng con đường sáng tạo. Toàn cũng không thể vội quá, chắt gặn nhiều quá, vì như thế có thể làm khô cạn bất ngờ những ngọn suối đem chất liệu cho tác phẩm.

Thứ hai, tôi nghĩ Toàn đã sai lầm. Toàn sẽ giận hơn nếu tôi viết rõ hơn : Toàn đã lạc hậu. Cũng như Sartre, Camus, Robbe-Grillet cùng tất cả các đồng nghiệp văn sĩ Tây-phương của họ đã lạc hậu. Nói riêng về Toàn, có nhiều thắc mắc mà Toàn trình bày đã được giải quyết từ khá lâu rồi. Thứ nhất là sự hiện diện, hữu danh hay vô danh, của cá nhân trong xã hội. Nếu chịu đọc thêm ít chút về khoa học, Toàn sẽ thấy nhiều nhà bác học, toán học, đã xác nhận sự hiện hữu của một định luật quan trọng. Định luật của số đông. Không phải số đông của vài ba tỷ con người mà thôi. Cũng không phải số đông cứng nhắc trong thời gian nhất định. Số đông mà người khoa học nói đến là thứ số đông mà người ta chỉ có thể biết là có, nhưng không ai đếm được, và cũng không ai có can đảm viết cả trăm con *zéro* đằng sau một con số dương. Số đông đó lại linh hoạt và chuyển động trong thời gian hàng tỷ năm, với những biến đổi vi-ti trong từng phần của một giây. Số đông đó làm nên tính mẫu nhiệm của sự sống. Nghi như thế thì lạ lùng. Nhưng lại phải nghi mỗi đũa trong hai chúng ta là một đơn vị trong số đông đó. Một đơn vị mang trong bản thân nó sự mẫu nhiệm của hàng tỷ tỷ tế bào, là đơn vị của một số đông trong những kích thước khác.

Toàn cần phải nghi ngược lại, khỏi từ đơn vị. Đơn vị tự thấy nó nhỏ bé quá, tự thấy nó sống giữa sự lãnh đạm, không chú ý của

đám đông, và do đó, tưởng rằng sự sống của nó có thể có, nhưng có thể không có, mà số đông cũng chẳng lay chuyển chút nào. Ý nghĩ này làm cho nhiều người tuyệt vọng, tuyệt vọng vì thấy mình không có gì đáng kể giữa số đông và trong thời gian. Nhưng nghĩ như thế là không biết rằng sự vận động của số đông có tính chất hoàn toàn ngẫu nhiên. Sự hiện hữu của mỗi đơn vị không thể nào chịu thêm một định luật, hay một chỉ huy nào khác.

Điều cần phải hiểu đối với chúng ta là ngẫu nhiên không phải là một sức mạnh. Ngẫu nhiên hoàn toàn có tính chất trung hòa — *neutre*. Chúng ta vẫn ngấm hiểu ngẫu nhiên có quyền chỉ phối đời sống thế này, thế nọ. Nhưng thật ra ngẫu nhiên chỉ có thể có ảnh hưởng của sự chờ đợi. Ngẫu nhiên, nói thật lớn, là tương lai không ai biết trước được. Nhưng nói vừa tầm chúng ta, ngẫu nhiên chính là ý muốn của mỗi người. Mỗi người sống theo ý thích và khả năng của mình. Sống đến mực tốt nhất, để số đông có thể tồn tại. *Ngẫu nhiên không có thể đòi một cá nhân nào phải chết — chỉ có kẻ chết rồi người chung quanh mới thấy có ngẫu nhiên.* Như thế thật trái với quan niệm duy vật. Con người có trách nhiệm. Toàn viết ảnh hưởng vào tôi, tôi viết ảnh hưởng vào người khác. Cuộc chiến đấu bảo vệ miền Nam hôm nay có phần quả cảm nào đó là hậu quả của tờ Chi-Đạo nam xưa. Tôi nghĩ thế và thấy sức tôi rất mạnh.

Tôi cũng thấy chúng ta có thể hiểu biết lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau. Vì chúng ta có thể thành thật cùng nhau. Chúng ta rõ rệt làm chủ cái khoảng không-thời-gian mà chúng ta đang sống. Làm chủ một cách tương đối thôi, vì tôi xác nhận chúng ta không có quyền gì đến sự sống và cái chết, đến sự đổi thay trong thân thể mỗi người. Nhưng chính ở nơi đây tôi cũng có câu trả lời sắp sẵn. Khoa học đi xa rồi Sartre, Camus, Robbe-Grillet, Toàn, không chịu đọc đây thôi. Khoa học đã thấy mỗi tế bào cũng có cái sinh hồn — *bi-conscience* của nó. Vậy ai là người dám quả quyết không có một Ý-chỉ không chỉ huy được, nhưng luôn luôn vận dụng khả năng của mỗi đơn vị để làm được cho đời sống tốt đẹp. Tế bào trong kích thước của tế bào, chúng ta trong kích thước của loài người. Mỗi đơn vị hãy làm hết phần của nó. Số đông sẽ vì thế mà khá hơn. Đến lúc đó, chúng ta sẽ nhận thấy ngẫu nhiên chỉ là kẻ quá chứ không phải là khởi xướng.

4.

Tôi biết chắc những điều tôi viết sẽ làm cho Toàn mệt nhọc. Nhưng thà mệt thêm một lần, để suy tư cho có mấu chốt. Khoa học cũng như nghệ thuật, có cái giá của nó. Bạn phải trả đủ công phu mới bước vào đó được. Và lẽ cố nhiên, một mình khoa học cũng không giải quyết được gì. Vì các nhà bác học chỉ biết nhìn, rồi nói lên những điều họ nhìn thấy. Công việc suy tư là công việc của chúng ta. Tôi muốn nói sự suy tư vượt ra ngoài vật chất, để thấy trăng sao biết khóc cười, thấy tế bào có linh hồn sơ đẳng. Chỉ có nghệ sĩ, những người mà sức tưởng tượng cũng như trí mớ màng còn hoàn toàn tự do, tuyệt đối tự do, mới làm nổi công việc suy tư như thế.

Toàn đừng có nghĩ rằng tôi điên loạn. Toàn lại phải chen vào khu đất của chính trị mới biết bao nhiêu cái rắc rối ngày nay chỉ do một người — Karl Marx — cùng một số người, các chính khách lãnh tụ, làm nên. Toàn thấy chiến tranh tàn nhẫn, con người bơ vơ, thì viết *« Tôi không có quê hương. Tổ quốc tôi buồn bã »*. Nhưng đó là lỗi tại Toàn nhất định đứng ở một ngõ hẻm nhìn ra cả đô thành mà phê bình. Toàn đã có lần bảo tôi điều làm Toàn tức nhất là đọc tôi, Toàn không đồng ý nhưng vẫn phải chịu là hay. Tôi không trả lời Toàn vì hôm ấy không nghĩ kịp. Rằng sở dĩ như vậy là vì Toàn đào quá sâu trên một miếng đất còn có chiều rộng. Mặc dù đào sâu khó hơn nhiều, Toàn cứ thử phóng cái nhìn ngang sang chung quanh. Toàn sẽ thấy con người hết cô đơn, thân phận nó hết bi thảm, nếu mỗi người đều nghĩ rằng mình còn có thể làm được hơn Karl Marx.

Điều sau cùng tôi muốn nói là tôi thành thật xin lỗi vì đã đặt tên Toàn ngang với tên những Camus, Sartre, Robbe-Grillet vân vân. Tôi đồng ý với lời Toàn nói một hôm nào đó : chúng ta phải vượt hơn họ. Tôi muốn nói thêm : Toàn đã hơn hẳn họ trong công việc thể hiện một con người vừa tỉnh vừa mê, vừa đi vừa ngoan, vừa khôn vừa dại. Sau cả nghìn năm nhập tâm « gọn » tất cả mọi trào lưu tư tưởng đã có trên cõi đời này, dân tộc ta, ai dám bảo không đáng liệt vào bậc thầy về bộ môn... tổng hợp linh hồn !

NGUYỄN MẠNH-CƠN

TRUNG TÂM VĂN-BÚT VIỆT-NAM
VIETNAM P. E. N CLUB

36/59, Cô-Bắc
SAIGON — VIET-NAM

SAIGON, ngày 7 tháng 10 năm 1965

Kính gửi Ông Chủ Nhiệm

Tạp chí Văn

38 đường Phạm ngũ Lão. SAIGON

Thưa Ông,

Tôi lấy làm ngạc nhiên thấy rằng trong bản nguyệt san Văn 2 số đặc biệt về Hà-nội và về Nguyễn Du đều có đăng thơ của tôi (Bài Tâm Sự Phố Phường và bài Nguyễn Cầu), mà Ông không hỏi ý kiến gì tôi trước.

Đề đọc giả Văn khỏi nghĩ lầm rằng chính tôi đã gửi đăng hoặc cho phép đăng 2 bài thơ ấy, yêu cầu ông đăng là thơ này trên quý báo.

Trân trọng cảm ơn ông.

Chủ tịch Trung tâm Văn bút Việt nam
VŨ HOÀNG CHƯƠNG
(đóng dấu và ký tên)

Thưa ông Chủ-tịch,

1— Tôi cũng lấy làm ngạc nhiên khi nhận thấy nhãn hiệu và ấn tín của ông nơi một bức thư chỉ liên quan đến một vấn đề hoàn toàn riêng tư, là vấn đề sử dụng tác quyền của một tác giả đối với một tờ báo có đăng thơ của ông ta. Nhất là những bài thơ ấy đã được viết ra từ hơn 10... năm, đã được in thành sách từ 6 năm, còn ông mới được bầu làm chủ tịch Trung-tâm Văn-bút từ năm ngoái.

2— Tôi lấy làm ngạc nhiên hơn vì, theo tài liệu chính thức của nó, Tở-chức Văn-bút có mục đích mở rộng những liên hệ giữa

người làm, người hưởng thụ, và các cơ sở văn hóa. Như vậy mà chính ông chủ tịch của cơ quan này đã "lấy làm lạ" rằng một tờ báo chuyên về văn chương đã trích đăng vài bài thơ của một thi sĩ nổi tiếng. Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ hoàn cảnh đặc biệt của nước Việt-nam chúng ta đã làm cho một số người thấy sự trích đăng — cho thêm nhiều người được đọc — là một việc không quan trọng bằng sự "gửi đăng hoặc cho phép đăng" những bài thơ ấy, về phần tác giả. Chúng tôi sẽ rất lấy làm ân hận nếu quả thật ông Chủ-tịch của Trung-tâm Văn-bút có cái ý ngạo mạn như thế đối với bạn đọc của chúng tôi.

3— Chắc ông Chủ-tịch muốn nói về pháp lý : chúng tôi xin nói về pháp lý. Trên đất nước này, chưa hề có điều luật nào nói về bản quyền tác giả. Các tòa án, cho đến nay, thường phải viện dẫn án lệ, xử theo luật pháp của người Pháp. Vậy, chiếu theo các đạo luật ấy, chúng tôi — một tờ báo có hạn kỳ — có toàn quyền trích đăng bất cứ một tác phẩm nào, của bất cứ một tác giả nào, đã xuất bản và đã được bán cho công chúng, với điều kiện phần trích đăng không được quá 1 phần 3 toàn bộ số trang của nó. Vào trường hợp sự trích đăng vượt quá 1 phần 3, tờ báo sẽ rơi vào phạm vi các điều luật bảo vệ tác quyền (copyright) của tác giả. Tôi thiết tưởng không cần nhắc ông Chủ-tịch cũng biết rằng sự bảo vệ tác quyền chỉ có ý nghĩa hoàn toàn về dân-thương-sự mà thôi : ở bất cứ nước nào trên thế giới, không ai dám lấy sự "được trích dẫn", với đầy đủ ghi chú về tác phẩm, làm một điều sỉ nhục cho tác giả.

4 — Rất có thể riêng ở Việt-nam đã có thời kỳ, cách đây mấy năm, chính quyền thường đề cho một số hoạt đầu nhân danh sô nô, bộ kia, đến ép buộc các nhà buôn phải đăng quảng cáo vào một tờ đặc san có tính chất suy tôn một lãnh tụ hay đề cao một ngày kỷ niệm nào đó. Tờ đặc san được trình bày với quá nửa số trang in quảng cáo. Tính chất thương mại của nó cộng thêm sự hiểu ngầm rằng có liên hệ với nó là có liên hệ tới chính quyền, làm cho công chúng khinh bỉ một tờ đặc san tương tự. Nói về tình thần, tôi thông cảm với tác giả nào có bài bị trích đăng vào trường hợp này. Nhưng, ngược lại, tôi đã biết, và có thể dẫn chứng cho ông (1)

tịch nhớ lại, rằng đã có những nhà thơ nổi tiếng đã, hoặc "gửi đăng hay cho phép đăng", hoặc bị trích đăng thật sự, nhưng rồi cũng vui vẻ nhận số tiền nhuận bút mà người chủ trương đặc san đem đến cho.

Nhưng, dù sao, tôi cũng vẫn công nhận quyền bất mãn, về tinh thần, của một tác giả bị trích đăng, hay, vì bất cứ một nhu cầu nào, tự ý cho đăng tác phẩm vào một tờ báo thiếu bảo đảm về nghề nghiệp và về thái độ của người chủ trương. Tuy nhiên, tôi thiết nghĩ đó không phải trường hợp tờ Văn. Sự giao thiệp bình thường và có thể nói là tốt đẹp của tòa soạn Văn cũng như của cá nhân tôi đối với nhà thơ Vũ Hoàng Chương, trong nhiều năm qua, hẳn đã đủ làm sáng tỏ cho điều đó.

5.— Thừa ông Chủ-tịch, tôi công nhận ông có quyền nhân danh Trung-tâm của ông, và nếu ông đã được thi sĩ Vũ Hoàng Chương ủy quyền hợp lệ, can thiệp về phần vật chất (tiền bạc) của tác quyền những bài thơ đã được trích đăng. Tuy nhiên, tôi có đủ tài liệu trong tay để quả quyết rằng :

a) Giữa các tạp chí, đã có ước định bất thành văn về số tiền nhuận bút được dành cho những bài thơ chưa đăng báo lần nào, của một tác giả nổi tiếng.

b) Riêng đối với thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tôi có đủ thiện chí và thừa bảo đảm rằng tôi sẽ trả ông tới mức nào mà ông vui lòng.

6.— Điều sau cùng tôi cần phải xác định với ông Chủ-tịch là tôi biết chắc không có lệ luật nào bắt buộc tôi phải đăng bức thư của ông, khi cách đây không bao lâu, tờ Văn có đăng, với sự thuận thụ toàn diện về phần tác giả, một số thi phẩm của ông Vũ Hoàng Chương. Từ bấy đến nay, đường lối của tờ báo này vẫn được giữ nguyên như cũ. Sự phản kháng của ông Chủ-tịch, nhân danh chủ tịch chứ không nhân danh tác giả, làm cho tôi tự hỏi có phải đã có sự thay đổi, hay sự thất buộc nào, đã đến với thi sĩ Vũ Hoàng Chương hay không. Nếu câu hỏi này được trả lời là "có", thì tôi xin vì toàn thể số độc giả đông đảo tha thiết với văn chương mà

long trọng tỏ ý tiếc thương và phản đối một sự gây thiệt hại chung cho nền văn hóa dân tộc. Tôi tự ý cho đăng bức thư của ông là để trình bày sự kiện với độc giả, đồng bào, để công-khai-hóa sự tiếc thương và phản đối của chúng tôi.

Sự tiếc thương và phản đối đó xin được gửi tới ông Vũ Hoàng Chương chủ tịch, còn riêng đối với thi sĩ Vũ Hoàng Chương, chúng tôi xin đoan chắc rằng, về phía chúng tôi, là giám đốc nhà xuất bản, là chủ nhà in, hay là chủ nhiệm báo *Văn*, lúc nào chúng tôi cũng mong muốn gìn giữ mối giao tình đã có từ nhiều năm tháng cũ.

Trân trọng kính chào ông.
NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

MỘT CUỘC GẶP GỠ HÒA HẢI

(tiếp theo trang 66)

Nhân nhắc đến những lời thệ ước, chúng ta cũng muốn có một lời thệ ước đối với người xưa và người sau, kẻ như là điều nghĩ thứ năm, điều nghĩ sau chót trong buổi thuyết trình, Truyện có câu :

*Hoàn tương cự lai ý
Liên cập nhân tiền nhân*

Cự-lai-ý là thi hào Tố-như-tử, mà nhân-tiền-nhân là chung cả thế hệ chúng ta

*Hãy đem tình kiếp trước
Thương lấy kẻ về sau*

*) Đoan kết bài *Nghĩ về thệ ước* trong truyện *Kiều*.

Tâm sự người kiếp trước đã gói gắm ở chúng ta, của tin còn một chút này, gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình. Truyện Kiều đối với chúng ta quả là một cuộc gặp gỡ hòa hài, là một nhân duyên tao ngộ, là một cuộc dân tộc trùng phùng. Là một cung đàn đồng điệu, một cuộc cốt nhục đoàn viên, cũng là một sự suy tư thâm trầm, một cảm thông tha thiết của giống nòi. Vậy thì gìn giữ tâm sự đó của tổ tiên mà chúng ta coi như một món hương hỏa lưu truyền cho con cháu, là bổn phận chung cho cả thế hệ hôm nay.

Có nghĩ đến điều đó, chúng ta mới thấy cảm động bằng khuâng, mới thấy khác khoải bồi hồi.

Da thịt chúng ta bỗng nghe thấy xâm chiếm rạo rức bởi tình đồng bào máu mủ, tâm hồn chúng ta bỗng nghe thấy cảm nhiệm bản khoán bởi hồn thiêng liêng của dân tộc, của đất nước quê hương. Chúng ta đã gặp chung nhau ở một giao điểm trong tác phẩm *Đoạn-trường tân-thanh*, đề ý thức rõ ràng hơn cảnh ngộ và số phận của mình.

Có nghĩ đến điều đó, chúng ta mới thấy yêu tha thiết hơn và càng trân trọng hơn áng văn chương trác tuyệt, tâm huyết của tiền nhân gởi lại cho chúng ta.

Đề thay cho lời kết luận, đề thay cho lời thề ước, có câu đối tập cú, mượn toàn lời thơ của chính tác giả *Đoạn trường tân-thanh* mà chúng ta muốn coi như là những lời di chúc, đề tường niệm thi nhân, dâng lên anh hồn người quốc sĩ :

— NHỮNG ĐĂNG TÀI HOA, GIÁ NGỌC CÀNG CAO
TRÔNG BUỔI MỚI.

— MỘT THIÊN TUYỆT BÚT, CẢO THƠM LÀN DỜ
NHỚ NGƯỜI XƯA.

ĐÔNG-HÒ

L.T.S.— Vì sơ ý, chúng tôi đã in sót đoạn cuối bài này. Xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

@LÊTÙNGCHÂU



HỘP THƯ CỦA MỖ

— Bạn Duy Hoàng, Đà-lạt :

Bài thơ *Tàu bút tạ Mạnh đại phu ký tân trà* (vì bạn tự giới thiệu là người đã «đọc nhiều thơ Trung-hoa» nên Mỗ tôi chỉ xin vắn tắt) có in trong tập *Đường-thi Tinh-hoa*, trang 186.

Tác giả bài thơ trên là Lư Đồng, một thi sĩ đời Đường, quê ở Tế-nguyên, học rộng, thơ hay, thích uống trà. Được vời làm quan không ứng mệnh. Sau bị giết trong một cơn loạn lạc.

— Bạn Lâm Sinh, sinh viên Văn-khoa, Sài-gòn :

« *Bái tướng* » mà dịch là « *lậy tướng* » thì... nhất rồi còn gì ! Theo sự hiểu biết nông cạn của Mỗ tôi thì « *bái tướng* » có nghĩa là vua phong cho làm tướng. Xa hơn nữa thì, xin thú thật, Mỗ tôi không hiểu. Nếu bạn cần, Mỗ tôi sẽ tìm trong từ điển giúp bạn sau.

Vậy mà, nhân dịp tới báo quán bữa nọ, Mỗ tôi có nghe lỏm được nhà học giả họ Phạm giới thiệu với thư-ký tòa-soạn Văn rằng ông nọ là một « *bác túc-nho* » kia đấy. Bạn đừng cười nhé : Mỗ tôi không kể chuyện đùa đâu !

— Bạn Phong Điền Trung, Nha-trang :

Chân thành cảm ơn bạn. Mong thư khác. Chúc bạn mạnh, vui luôn.

— Bạn N.V.H. và 14 bạn sinh viên tại Huế :

Câu hỏi của quý bạn có tách cách chính trị nên Mỗ tôi rất tiếc không tiện trả lời. Đề nghị quý bạn viết gửi thẳng cho chủ tịch Vũ Hoàng Chương. Thư có thể nhờ tòa soạn báo Văn chuyển giao, hoặc viết về hội Văn-bút, số 36/59 đường Cô Bắc, Sài-gòn.

MỖ LANG VĂN

1-IX-1963

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới dưới đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng độc giả của **VĂN**:

● **GIÓ MÙA**, truyện Ngô Thế Vinh do Sông Mã xuất bản. Sách dày 170 trang, giá 60 đồng.

Tác phẩm thứ ba của Ngô Thế Vinh, **GIÓ MÙA**, lại là tập đầu của một bộ tam - thiên - thư (hai cuốn đã in là **MÂY BÃO** và **BÓNG ĐÊM**), phản ánh khá trung thực tâm trạng của đất nước hiện nay.

Sách in đẹp, bìa và 4 phụ bản của Nghiêu Đề và Lâm Triết.

● **HÀN VĂN TINH TÚY**, biên khảo của Lăng Nhân do Nam-chi tùng-thư xuất bản. Sách dày 380 trang, giá 95 đồng.

HÀN VĂN TINH TÚY là một tập văn dịch (dịch văn xuôi và văn vần) các bài văn chữ Hán từ thời Chiến-quốc đến cuối thế kỷ 19, tuyển lựa trong những bài có thể làm tiêu bản cho tư tưởng Đông-phương.

Sách in Hán Việt đối chiếu, có thích nghĩa rõ ràng, giúp ích nhiều cho những ai muốn nghiên cứu về văn hóa cũ và tự học Hán-tự.

★ **ĐỜI LÊN HƯƠNG**, biên khảo của Hoàng Xuân Việt, Nhân Xã xuất bản. Sách dày 280 trang, giá 75 đồng.

Sách biên khảo giáo dục, gồm hai phần chính: 1) Tại sao đời lên mốc. 2) Làm sao đời lên hương.

Tác phẩm thứ 33 của ông Hoàng Xuân Việt được viết trong ngục thất, sẽ giúp ích cho những bạn nào muốn tự luyện để làm đẹp đời mình, dù đã hoặc đang vấp ngã hoặc sa lầy trong nghịch cảnh của cuộc đời...

★ **TUỔI ĐẤT**, Trần huiên nhân, Quang hoai và Huyền phong. Sách in rô-nê-ô, dày 46 trang, không đề giá.

Thi tuyển của ba tác giả, gồm ba chục bài thơ, viết theo nhiều thể.

● **SÔNG TRANH ĐẤU**, biên khảo của Huỳnh Minh — Trúc Phương, do soạn giả xuất bản. Sách dày 160 trang, giá 40 đồng.

Sách trình bày những « bí quyết để thành công ».

★ **NỖI BUỒN QUÊ HƯƠNG**, thơ Vũ Tiêu Giang do Những người con đất mẹ xuất bản. Sách dày 96 trang, giá 45 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Vũ Tiêu Giang gồm khoảng ba mươi bài thơ ngắn.